

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP



BANK ÁO BẠCH

HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0301452948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 19/05/1993, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 35, ngày 19/10/2020)



ACB

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 753 /QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 11 năm 2020)

**TỔ CHỨC
NIÊM YẾT**

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

ACB

Địa chỉ: Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84) (283) 929 0999

Fax: (+84) (283) 839 9885

Website: www.acb.com.vn

Email: acb@acb.com.vn

**TỔ CHỨC
TƯ VẤN**

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

ACBS

Địa chỉ: Số 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (+84) (283) 823 4160

Fax: (+84) (283) 823 5060

Website: www.acbs.com.vn

Email: acbs@acbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông Đàm Văn Tuấn

Chức vụ: Thành viên HĐQT, kiêm Phó TGD, người được ủy quyền CBTT

Điện thoại:

(+84) (283) 929 0999

Thành phố Hồ Chí Minh, Tháng 11 năm 2020

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0301452948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp
đăng ký lần đầu ngày 19/05/1993, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2020,
đăng ký thay đổi lần thứ 35, ngày 19/10/2020)

ACB

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu
Mã chứng khoán : **ACB**
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng khối lượng niêm yết : 2.161.558.460 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết : 21.615.584.600.000 đồng (Hai mươi một nghìn, sáu trăm mười
(theo mệnh giá) : năm tỷ, năm trăm tám mươi tư triệu, sáu trăm nghìn đồng)



TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)

Địa chỉ: Số 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (+84) (283) 823 4160 Fax: (+84) (283) 823 5060

Website: www.acbs.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Địa chỉ: Lầu 8, số 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (+84) (283) 823 0796

Website: www.pwc.com/vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế.....	5
1.2. Lạm phát.....	5
2. Rủi ro pháp lý.....	9
3. Rủi ro về ngành.....	10
4. Rủi ro khác.....	10
4.1. Rủi ro thị trường.....	10
4.2. Rủi ro hoạt động.....	11
4.3. Rủi ro bất khả kháng.....	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH...13	13
1. Tổ chức niêm yết.....	13
2. Tổ chức tư vấn.....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....15	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết.....	15
1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	16
1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ.....	20
2. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng.....	22
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng.....	22
3.1. Đại hội đồng cổ đông.....	22
3.2. Hội đồng quản trị.....	23
3.3. Ban kiểm soát.....	23
3.4. Tổng giám đốc.....	23
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông.....	23
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng.....	23
4.2. Danh sách cổ đông sáng lập.....	24
4.3. Cơ cấu cổ đông.....	24

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	25
5.1. Danh sách công ty mẹ.....	25
5.2. Danh sách công ty con.....	25
5.3. Danh sách những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	26
5.4. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	26
6. Hoạt động kinh doanh.....	26
6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Ngân hàng.....	26
6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn.....	42
6.3. Thị trường hoạt động.....	49
6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện.....	52
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	53
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của ngân hàng.....	54
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng.....	60
8. Vị thế của ACB so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	63
8.1. Vị thế của ACB tại Việt Nam.....	63
8.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	67
8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành.....	68
8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Ngân hàng với chủ trương, chính sách của Nhà nước, NHNNVN và xu thế chung trên thế giới.....	69
9. Chính sách đối với người lao động.....	69
9.1. Số lượng lao động 2017 – 2019 (theo BCTC hợp nhất).....	69
9.2. Chính sách lao động và hoạt động đãi ngộ.....	69
9.3. Chính sách và hoạt động tuyển dụng.....	70
9.4. Chính sách và hoạt động đào tạo và phát triển nhân viên.....	70
10. Chính sách cổ tức.....	71
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	71
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.....	73
12.1. Hội đồng quản trị.....	73
12.2. Ban kiểm soát.....	86

12.3. Ban Tổng giám đốc.....	90
12.4. Kế toán trưởng.....	100
13. Tài sản.....	100
14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	102
14.1. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm 2020 và 2021	102
14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	103
14.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua.....	104
14.4. Kế hoạch tăng vốn điều lệ	105
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	105
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	106
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	106
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	107
1. Loại chứng khoán:	107
2. Mệnh giá:	107
3. Tổng số chứng khoán niêm yết:	107
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	107
4.1. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán	107
4.2. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng	107
4.3. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của tổ chức phát hành.....	108
5. Xếp hạng tín nhiệm	109
6. Phương pháp tính giá	109
6.1. Phương pháp giá trị sổ sách của cổ phiếu ACB.....	109
6.2. Phương pháp theo giá thị trường	110
6.3. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE.....	110
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	110
8. Các loại thuế có liên quan	111
8.1. Thuế áp dụng cho hoạt động kinh doanh của ACB.....	111
8.2. Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của ACB	111
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	113
1. Tổ chức kiểm toán.....	113

2. Tổ chức tư vấn	113
VII. GIỚI THIỆU DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN	114
VIII. PHỤ LỤC	115

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây có sự tăng trưởng đáng kể, thống kê cho thấy tăng trưởng kinh tế 2019 đạt 7,02%, vượt mục tiêu đề ra và là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất trong khu vực; kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp.

Trước bối cảnh diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 trên toàn cầu, Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng nặng nề do nền kinh tế có độ mở khá rộng. Tuy nhiên tác động y tế của dịch bệnh không nghiêm trọng như nhiều quốc gia khác nhờ có các biện pháp đối phó kịp thời, chủ động ở các cấp từ trung ương đến địa phương. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tiếp tục tăng trưởng trong 6 tháng đầu năm 2020, đạt mức 1,8%, mặc dù là mức thấp nhất trong ba thập kỷ vừa qua. Nhìn vào cụ thể từng ngành, thì nông lâm ngư nghiệp có tốc độ tăng trưởng 1,2%, đóng góp được 11,9% cho tăng trưởng kinh tế tổng thể, ngành công nghiệp tăng trưởng 3,0% (tương đương với mức đóng góp 73,1%), còn ngành dịch vụ chỉ tăng trưởng 0,6% (tương đương với mức đóng góp 15,0%). So với các mức bình quân trong thời gian qua, ngành dịch vụ chịu tác động tiêu cực lớn hơn (với mức đóng góp giảm 6,3% so với năm trước), còn ngành nông nghiệp lại tương đối được miễn nhiễm với mức đóng góp cho tăng trưởng GDP không thay đổi theo thời gian.

Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2020, khu vực nông lâm ngư nghiệp chiếm tỷ trọng 14,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,44%; khu vực dịch vụ chiếm 42,04%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,36%.

1.2. Lạm phát

Lạm phát được kiểm soát tốt mặc dù Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ các ngân hàng thương mại tăng cung tín dụng cho khu vực doanh nghiệp. Việt Nam đã thể hiện khả năng ứng phó với tác động của COVID-19 trên các cân đối kinh tế đối ngoại, thông qua việc duy trì được thặng dư thương mại và thu hút được một lượng lớn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đổ vào, mặc dù xuất khẩu có bị chững lại trong những tháng gần đây.

Nhằm khôi phục quay lại quỹ đạo tăng trưởng, Chính phủ đã thực hiện các biện pháp để tránh bẫy kinh tế bởi tác động của COVID-19, như tập trung vào chính sách tài khóa, tập trung phát triển kinh tế trong nước, hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân phục hồi, v.v.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế tác động chung đến tất cả các ngành kinh tế, nhất là dịch vụ, sự tăng trưởng và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Á Châu (sau đây gọi tắt là Ngân hàng /ACB) cũng chịu ảnh hưởng. Để ứng phó với các điều kiện thay đổi của môi trường kinh doanh, Ngân hàng chủ động phân tích tác động của các yếu tố vĩ mô, từ đó xây dựng định hướng và chiến lược kinh doanh trung và dài hạn, để đảm bảo tăng trưởng ổn định và có hiệu quả.

1.2.1. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi có sự chênh lệch về kỳ hạn, tính thanh khoản giữa vốn huy động và việc sử dụng vốn huy động của Ngân hàng trong điều kiện lãi suất thị trường thay đổi ngoài dự kiến, làm giảm thu nhập.

Để quản trị rủi ro lãi suất, Hội đồng quản lý tài sản có và tài sản nợ (ALCO) cùng với Khối Quản lý rủi ro đã chủ động áp dụng một số chính sách và nguyên tắc như sau:

- Quản lý cơ cấu tỷ trọng tối ưu về quy mô và kỳ hạn danh mục tài sản có và tài sản nợ nhạy lãi như vay và gửi liên ngân hàng, huy động cho vay khách hàng, v.v. để kiểm soát mức độ ảnh hưởng tiêu cực có khả năng xảy ra trong tương lai ảnh hưởng thu nhập lãi ròng, giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu.
- Xây dựng các khung lãi suất và cấu trúc kỳ hạn lãi suất cho các sản phẩm có lãi suất nhằm thu hẹp trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất.
- Xây dựng công cụ, phương pháp nhận dạng, đo lường và kiểm soát có khả năng dự báo và đảm bảo tuân thủ các hạn mức quản lý rủi ro lãi suất.
- Tùy theo mức độ phát triển của thị trường và tùy theo đồng tiền, Ngân hàng sẽ sử dụng các sản phẩm phái sinh lãi suất để giảm thiểu rủi ro.

1.2.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng bao gồm các loại sau:

- Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, trừ các trường hợp quy định tại rủi ro tín dụng đối tác; trong đó, khách hàng (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ với Ngân hàng trong việc nhận cấp tín dụng (bao gồm cả nhận tín dụng thông qua ủy thác), nhận tiền gửi, và phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

- Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh, giao dịch repo, giao dịch reverse repo, giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro, giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác. Trong đó, đối tác (bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có giao dịch với Ngân hàng trong giao dịch tự doanh, giao dịch repo, giao dịch reverse repo, giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro, giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng và đối tác.

Nhằm quản lý rủi ro tín dụng, ACB thực hiện các biện pháp sau:

- Ngân hàng duy trì tỷ lệ nợ xấu theo quy định về phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro. Tỷ lệ này được quy định cụ thể hàng năm theo tuyên bố khẩu vị rủi ro được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Lãi suất cho các khoản vay trên cơ sở rủi ro được xây dựng dựa trên các chi phí vốn tăng thêm, chi phí vốn huy động, chi phí hoạt động phân bổ, và tổn thất dự kiến.
- Các biện pháp chính liên quan đến quá trình cấp tín dụng gồm có:
 - ✓ Phân tách chức năng nhiệm vụ trong quy trình cấp tín dụng (bao gồm tối thiểu từ khi tiếp xúc, bán sản phẩm/dịch vụ cho khách hàng cho tới khi thu hồi các nghĩa vụ đến hạn hoặc xử lý nợ xấu), đảm bảo một cá nhân không cùng lúc được thực hiện các chức năng có xung đột lợi ích như nhận dạng rủi ro, kiểm tra/xác thực thông tin do cá nhân khác đã thực hiện công việc của các bước trước đó.
 - ✓ Thẩm quyền phê duyệt cấp tín dụng được quy định cụ thể theo các tiêu chí khác nhau trong từng thời kỳ và phải đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro. Ngân hàng triển khai tập trung hoạt động phê duyệt theo mức độ rủi ro và sự phát triển của hoạt động kinh doanh theo từng sản phẩm, đối tượng khách hàng. Nguyên tắc hội đồng phê duyệt được áp dụng đối với những giao dịch có giá trị rủi ro lớn, có khả năng tác động lớn đến lợi nhuận và vốn của Ngân hàng.
 - ✓ Áp dụng các hình thức đảm bảo tiền vay khác nhau và theo từng thời kỳ, như: tài sản bảo đảm, bảo lãnh của bên thứ ba hoặc tín chấp, v.v.
 - ✓ Xây dựng hệ thống báo cáo nhằm quản lý danh mục, phân tích và cảnh báo sớm cho danh mục cũng như cho các khoản vay có dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng, để từ đó có tiến hành các kế hoạch phòng ngừa và xử lý rủi ro kịp thời.

- ✓ Bảo đảm sự đa dạng trong hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng, tập trung vào các khách hàng cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đảm bảo tuân thủ các giới hạn cấp tín dụng cho một khách hàng và một nhóm khách hàng có liên quan trên vốn tự có.

1.2.3. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi Ngân hàng có trạng thái ngoại tệ và vàng.

Ngân hàng xây dựng các nguyên tắc quản lý rủi ro về ngoại hối trong điều kiện bình thường, điều kiện biến động mạnh, trong đó áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tương ứng thông qua việc thực hiện các giao dịch phái sinh như giao dịch mua bán có kỳ hạn, cáo giao dịch hoán đổi, v.v. Bên cạnh đó, Ngân hàng thiết lập hạn mức tuân thủ đối với khẩu vị rủi ro thị trường, quy định cụ thể hạn mức về tổng trạng thái ngoại tệ dương, tổng trạng thái ngoại tệ âm, trạng thái vàng, hạn mức cho giao dịch viên, hạn mức cắt lỗ. Cuối mỗi ngày giao dịch, tình hình thực hiện hạn mức trên các trạng thái rủi ro thực tế (bao gồm cả các giao dịch phòng ngừa rủi ro) được đánh giá để từ đó điều chỉnh hạn mức nếu cần.

1.2.4. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán (rủi ro thanh khoản) là rủi ro do Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ nợ đến hạn hoặc Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng chi phí trả nợ cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

Để hạn chế các rủi ro này, Ngân hàng đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc quản lý rủi ro thanh khoản
- ✓ Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quản lý thanh khoản.
- ✓ Duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện Ngân hàng hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản (bao gồm cả bất lợi của thị trường và bất lợi riêng lẻ của Ngân hàng).
- ✓ Ngân hàng thực hiện đánh giá thường xuyên khả năng tiếp cận nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản.
- ✓ Ngân hàng quản lý dòng tiền tối thiểu theo các thang kỳ hạn cho ngày hôm sau và các khoản thời gian cụ thể (1 tuần, 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng và 12 tháng) để xác định chênh lệch dòng tiền nhằm quản lý mức độ rủi ro thanh khoản của Ngân hàng theo các quy định của pháp luật.

- ✓ Ngân hàng thực hiện xác lập hạn mức tiền gửi tối đa của một khách hàng, đối tác hoặc một nhóm khách hàng, đối tác có lợi ích liên quan tại ngân hàng, hạn mức này được ngân hàng xem xét hàng năm, v.v.
- Nguyên tắc kiểm tra sức chịu đựng

Tùy theo mức độ biến động thanh khoản của thị trường và mức độ tín nhiệm của Ngân hàng trên thị trường, Ngân hàng sử dụng công cụ kiểm tra sức chịu đựng phù hợp với năng lực phần mềm, con người và dữ liệu theo từng thời kỳ.

1.2.5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng là rủi ro tín dụng phát sinh như hoạt động nội bảng cho các nghiệp vụ tài chính được Ngân hàng cung cấp cho khách hàng như bảo lãnh trong nước, bảo lãnh nước ngoài, phát hành hoặc xác nhận thư tín dụng thương mại L/C, v.v. Ngoài ra, các bảo lãnh (hoặc nghĩa vụ tương tự) không thể hủy ngang và bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cam kết mà Ngân hàng tham gia trong các hợp đồng giao dịch ngoại hối cũng có thể xảy ra rủi ro.

Nhằm giảm thiểu các rủi ro này, Ngân hàng xây dựng và ban hành định hướng cho vay, thẩm định khách hàng và các chính sách về tài sản bảo đảm, chẳng hạn:

- Thuộc nhóm cấp tín dụng bình thường, có năng lực tài chính, khả năng trả nợ, uy tín thanh toán tốt, tình hình kinh doanh có xu hướng phát triển tốt, v.v.
- Kiểm soát tài sản bảo đảm, bộ chứng từ hàng hóa; yêu cầu khách hàng thực hiện chuyển doanh số giao dịch, tiền gửi/thanh toán quốc tế về Ngân hàng, và ký quỹ đảm bảo với tỷ lệ từ 0 - 100% (tùy vào mức độ uy tín, thời gian quan hệ, v.v.)

2. Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là khả năng xảy ra tổn thất do không tuân thủ quy định của pháp luật và/hoặc chậm trễ trong việc cập nhật quy định của pháp luật mới/ thay đổi; các nội dung tư vấn/ yêu cầu pháp lý không phù hợp với quy định của pháp luật do hiểu sai, diễn giải và áp dụng sai quy định của pháp luật; các nội dung tư vấn/ yêu cầu pháp lý đối với các giao dịch, hợp đồng không phù hợp với quy định của pháp luật.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam, Ngân hàng hiện nay chịu sự chi phối chính bởi Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản dưới luật của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt nam, v.v. Mọi sự thay đổi của các văn bản pháp

luật đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, do đó Ngân hàng đã thực hiện quản lý rủi ro pháp lý theo khung quản lý rủi ro chung như sau:

- Thành lập Phòng Pháp chế và Phòng Tuân thủ với chức năng, nhiệm vụ tư vấn pháp luật, cảnh báo rủi ro pháp lý đối với các quy định và quy chế quản lý nội bộ.
- Xây dựng các báo cáo pháp lý đối với các hồ sơ tín dụng, các hồ sơ khác trong quá trình cấp tín dụng; biểu mẫu, hợp đồng liên quan đến dịch vụ nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho Ngân hàng.
- Đào tạo pháp lý toàn bộ cán bộ công nhân viên hiểu, áp dụng chính xác các nội dung văn bản pháp luật thông qua hệ thống văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, quy chế quản lý, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, v.v.

3. Rủi ro về ngành

Cạnh tranh là yếu tố không thể thiếu trong tất cả các nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực của đời sống xã hội và trong ngành ngân hàng không phải là ngoại lệ. Với sự gia tăng của các tổ chức ngân hàng cùng với sự nâng cấp, đổi mới về sản phẩm, dịch vụ khách hàng đã góp phần tạo ra áp lực cạnh tranh về lãi suất cho vay, tiền gửi, đầu tư; dịch vụ ngân hàng hiện đại và tiện ích; từ đó ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Mức độ cạnh tranh ngày càng cao đã buộc ACB phải nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động, cụ thể như sau:

- Tập trung phát triển và duy trì lượng khách hàng trung thành bằng cách đầu tư cơ sở tiện ích, chương trình ưu đãi về lãi suất và hậu mãi; phát triển sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Đầu tư vào công nghệ hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin và phát triển nguồn nhân lực để tạo lập cơ sở hạ tầng cần thiết (hệ thống chấm điểm tín dụng, trích lập và xử lý dự phòng rủi ro tín dụng; hệ thống thẩm định, kiểm tra kiểm soát tập trung; quản trị hệ thống tài sản có và tài sản nợ).

4. Rủi ro khác

4.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Căn cứ vào khẩu vị rủi ro, các hạn mức rủi ro thị trường sẽ được Ngân hàng xây dựng và áp dụng theo định kỳ hàng năm hoặc điều chỉnh khi cần thiết.

Hạn mức này là cơ sở để đơn vị kinh doanh tiến hành áp dụng các biện pháp phòng ngừa khi có nguy cơ vi phạm các hạn mức.

Ngân hàng đã thiết lập nguyên tắc quản lý rủi ro thị trường (áp dụng trong cả điều kiện bình thường và trong điều kiện biến động mạnh về giá chứng khoán, giá hàng hóa, tỷ giá, giá vàng và lãi suất) như sau:

- Đơn vị thực hiện giao dịch tự doanh độc lập với đơn vị giám sát, xây dựng hạn mức và thực hiện thanh toán các giao dịch.
- Tùy theo quy mô và mức độ rủi ro của từng sản phẩm tự doanh, ngân hàng xây dựng công cụ đo lường thích hợp để lượng hóa rủi ro thị trường.

Ngoài ra, Ngân hàng còn áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro thị trường dựa theo các quy định về thẩm quyền và mức độ sẵn có của các công cụ tài chính. Thẩm quyền phê duyệt các giao dịch, mức độ trạng thái rủi ro của sổ kinh doanh phải thực hiện phòng ngừa rủi ro thị trường và công cụ được sử dụng: được phân cấp theo loại sản phẩm/tài sản tài chính/mức độ rủi ro.

4.2. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm: rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

Nguyên tắc quản lý rủi ro hoạt động được Ngân hàng áp dụng là như sau:

- Hội đồng quản trị đặt ra nguyên tắc chấp nhận rủi ro hoạt động, thông qua tuyên bố về khẩu vị rủi ro, theo đó nêu rõ bản chất, loại rủi ro hoạt động và mức độ chấp nhận phù hợp để thực hiện chiến lược kinh doanh.
- Ở cấp Ban điều hành, khẩu vị rủi ro được chuyển tải thành các quy định, quy trình, hạn mức và phân định rõ ràng trách nhiệm quản lý rủi ro hoạt động trong bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh, quản lý nghiệp vụ, hỗ trợ để đảm bảo rằng khi đưa ra các quyết định có rủi ro thì rủi ro được quan tâm đúng mực.
- Việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các cá nhân, đơn vị từ cấp thấp nhất đến cấp cao nhất trong tất cả các giao dịch, quy trình nghiệp vụ (bao gồm cả quy trình tự động, quy trình rút gọn) đảm bảo nguyên tắc: (i) phân tách chức năng và (ii) kiểm soát kép, v.v.

4.3. Rủi ro bất khả kháng

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động của Ngân hàng cũng chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro khác như thiên tai (lũ lụt, động đất, mưa bão, dịch bệnh, v.v.), hạ tầng (điện, viễn thông, v.v.) bị gián đoạn. Nhằm hạn chế các rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra, Ngân hàng đã chủ động mua bảo hiểm, xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động liên tục áp dụng cho tất cả cá nhân, đơn vị trên toàn hàng.

Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục gồm có một số thành phần chính như sau:

- Ban hành quy định đảm bảo kinh doanh liên tục (BCM) và kế hoạch sơ tán thoát hiểm, đáp ứng các yêu cầu:
 - ✓ Phân tích đánh giá mức độ tác động đối với từng hoạt động kinh doanh trọng yếu.
 - ✓ Khôi phục các hoạt động kinh doanh bị gián đoạn về trạng thái bình thường.
 - ✓ Đánh giá, rà soát định kỳ hàng năm.
- Xây dựng trung tâm dữ liệu dự phòng.
- Xây dựng địa điểm dự phòng cho hoạt động kinh doanh trọng yếu, v.v.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)

Ông Trần Hùng Huy	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Minh Toàn	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông Đàm Văn Tuấn	Chức vụ: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách việc đăng ký niêm yết
Ông Nguyễn Văn Hòa	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng
Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)


Ông Trịnh Thanh Cần	Chức vụ: Tổng giám đốc
----------------------------	-------------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH Chứng khoán ACB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Á Châu (Ngân hàng /ACB). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

ACB; Ngân hàng; Tổ chức niêm yết	: Ngân hàng TMCP Á Châu
ACBS; Tổ chức tư vấn	: Công ty TNHH Chứng khoán ACB
CTCP	: Công ty cổ phần
TMCP	: Thương mại cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu
VĐL	: Vốn điều lệ
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
HOSE	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
DHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HDQT	: Hội đồng quản trị
Ban TGD	: Ban Tổng giám đốc
BKS	: Ban kiểm soát
CBNV	: Cán bộ nhân viên
Giấy CNĐKKD	: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BCTC	: Báo cáo tài chính
BCTCKT	: Báo cáo tài chính kiểm toán
VND	: Đồng Việt Nam
USD	: Đồng đô la Mỹ

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết**

Tên tổ chức	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU
Tên đầy đủ bằng tiếng Việt	Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu
Tên viết tắt bằng tiếng Việt	Ngân hàng Á Châu
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh	Asia Commercial Joint Stock Bank
Tên giao dịch bằng tiếng Anh	Asia Commercial Bank
Tên viết tắt bằng tiếng Anh	ACB
Trụ sở chính	442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại	(+84) (283) 929 0999
Fax	(+84) (283) 839 9885
Website	www.acb.com.vn
Người đại diện theo pháp luật	Ông Đỗ Minh Toàn (Tổng giám đốc)
Vốn điều lệ đăng ký	21.615.584.600.000 đồng (Hai mươi một nghìn, sáu trăm mười lăm tỷ, năm trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng)
Vốn điều lệ thực góp	21.615.584.600.000 đồng (Hai mươi một nghìn, sáu trăm mười lăm tỷ, năm trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng)
Logo	
Giấy phép thành lập và hoạt động số	<ul style="list-style-type: none">- Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/GP-NHNN do NHNNVN cấp ngày 19/09/2018;- Quyết định số 2438/QĐ-NHNN do NHNNVN cấp ngày 22/11/2019 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Á Châu;- Quyết định số 1900/QĐ-NHNN do NHNNVN cấp ngày 03/11/2020 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Á Châu
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số	0301452948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 19/05/1993, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 35, ngày 19/10/2020

✓ Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- ✓ Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức và dân cư thuộc các thành phần kinh tế với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn;
- ✓ Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước;
- ✓ Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
- ✓ Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- ✓ Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng nhà nước cho phép;
- ✓ Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- ✓ Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định;
- ✓ Và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0301452948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 19/05/1993, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp mới nhất ngày 06/07/2020.

✓ Sản phẩm và dịch vụ chính:

- ✓ Huy động vốn;
- ✓ Tín dụng;
- ✓ Sản phẩm và dịch vụ kinh doanh tiền tệ;
- ✓ Dịch vụ thanh toán;
- ✓ Ngân hàng điện tử;
- ✓ Dịch vụ thẻ;
- ✓ Bảo hiểm liên kết

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Pháp lệnh về ngân hàng nhà nước và Pháp lệnh về ngân hàng thương mại, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính được ban hành vào tháng 5/1990, đã tạo dựng một khung pháp lý cho hoạt

động ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu đã được thành lập theo Giấy phép số 0032/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 24/04/1993, và Giấy phép số 533/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Tp. HCM cấp ngày 13/05/1993. Ngày 04/06/1993, ACB chính thức đi vào hoạt động.

Quá trình phát triển của ACB trong 27 năm hoạt động vừa qua có thể tóm tắt như sau:

- **Giai đoạn 1993 – 1995**

- Giai đoạn hình thành ACB.
- Nguyên tắc kinh doanh là “quản lý sự phát triển của doanh nghiệp an toàn và hiệu quả.”
- Hướng về khách hàng cá nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong khu vực tư nhân.

- **Giai đoạn 1996 – 2000**

- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên của Việt Nam phát hành thẻ tín dụng quốc tế MasterCard và Visa.
- Tiếp cận nghiệp vụ ngân hàng hiện đại: Tham gia chương trình đào tạo toàn diện kéo dài hai năm, do các giảng viên nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng thực hiện.
- Hiện đại hóa công nghệ thông tin ngân hàng: Xây dựng hệ thống mạng diện rộng và vận hành hệ nghiệp vụ ngân hàng lõi là TCBS (The Complete Banking Solution: Giải pháp ngân hàng toàn diện).
- Tái cơ cấu Hội sở theo hướng phân biệt đơn vị kinh doanh và hỗ trợ.
- Thành lập Công ty Chứng khoán ACB.

- **Giai đoạn 2001 – 2005**

- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 trong các lĩnh vực (i) huy động vốn, (ii) cho vay ngắn hạn và trung dài hạn, (iii) thanh toán quốc tế và (iv) cung ứng nguồn lực tại Hội sở.
- Ngân hàng Standard Chartered Bank (SCB) ký kết thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật toàn diện, và trở thành cổ đông chiến lược của ACB.
- Triển khai giai đoạn hai của chương trình hiện đại hoá công nghệ ngân hàng: (i) nâng cấp máy chủ, (ii) thay thế phần mềm xử lý giao dịch thẻ có khả năng tích hợp với nền công nghệ lõi hiện có, và (iii) lắp đặt hệ thống máy ATM.

- **Giai đoạn 2006 – 2010**

- Niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Đẩy nhanh việc mở rộng mạng lưới hoạt động: Thành lập mới và đưa vào hoạt động cả thảy 223 chi nhánh và phòng giao dịch, tăng từ 58 đơn vị vào cuối năm 2005 lên 281 đơn vị vào cuối năm 2010.
- Thành lập Công ty Cho thuê tài chính ACB.
- Phát hành thêm 10 triệu cổ phiếu mệnh giá 100 tỷ đồng, với số tiền thu được là hơn 1.800 tỷ đồng (2007); và tăng vốn điều lệ lên 6.355 tỷ đồng (2008).
- Xây dựng Trung tâm dữ liệu dự phòng đạt chuẩn ở tỉnh Đồng Nai.
- Được Nhà nước Việt Nam tặng hai Huân chương Lao động và được nhiều tạp chí tài chính có uy tín trong khu vực và trên thế giới bình chọn là ngân hàng tốt nhất Việt Nam.
- **Giai đoạn 2011 – 2015**
 - Định hướng Chiến lược phát triển của ACB giai đoạn 2011- 2015 và tầm nhìn 2020 được ban hành; trong đó nhấn mạnh đến việc chuyển đổi hệ thống quản trị điều hành phù hợp với các quy định pháp luật Việt Nam và hướng đến áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất.
 - Đưa vào hoạt động Trung tâm Dữ liệu dạng mô-đun (enterprise module data center), xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên tại Việt Nam.
 - Sự cố tháng 8 năm 2012 đã tác động đáng kể đến hoạt động của ACB, đặc biệt là huy động và kinh doanh vàng. ACB đã ứng phó tốt sự cố rút tiền xảy ra trong tuần cuối tháng 8, nhanh chóng khôi phục toàn bộ số dư huy động tiết kiệm VND chỉ trong thời gian ngắn sau đó, và thực thi quyết liệt việc cắt giảm chi phí trong 6 tháng cuối năm.
 - Năm 2013, hiệu quả hoạt động không như kỳ vọng nhưng ACB vẫn có mức độ tăng trưởng khả quan về huy động và cho vay, lần lượt là 10,3% và 4,3%. Nợ xấu của ACB được kiểm soát dưới mức 3%. Quy mô nhân sự cũng được tinh giản. ACB thực hiện lộ trình tái cơ cấu 2013 – 2015 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - Năm 2014, ACB nâng cấp hệ nghiệp vụ ngân hàng lõi (core banking) từ TCBS lên DNA, thay thế hệ cũ đã sử dụng 14 năm, hoàn tất việc thay đổi logo, bảng hiệu mặt tiền trụ sở cho toàn bộ các chi nhánh và phòng giao dịch và ATM theo nhận diện thương hiệu mới (công bố ngày 05 tháng 01 năm 2015), hoàn tất việc xây dựng khung quản lý rủi ro nhằm đáp ứng đầy đủ các quy định mới về tỷ lệ đảm bảo an toàn, quy mô và hiệu quả hoạt động kinh doanh của kênh phân phối được nâng cao.

- Năm 2015, ACB hoàn thành các dự án chiến lược như (i) tái cấu trúc kênh phân phối, (ii) hình thành trung tâm thanh toán nội địa (giai đoạn 1), (iii) hoàn thiện phương thức đánh giá hiệu quả hoạt động đơn vị và nhân viên Hội sở; đồng thời cho khởi tạo và triển khai các dự án ngân hàng giao dịch (transaction banking), ngân hàng ưu tiên (priority banking), quản lý bán hàng (customer management system), v.v. nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.
- **Giai đoạn 2016 – 2019**
- Năm 2016, ACB đã hoàn thành theo tiến độ nhiều hạng mục của các dự án công nghệ để hỗ trợ hoạt động kinh doanh, vận hành và quản lý hệ thống, tiêu biểu như chuyển đổi hệ thống core chứng khoán ACBS; cải tiến các chương trình CLMS, CRM, ACMS, ELM, PASS để hỗ trợ việc tinh gọn quy trình nghiệp vụ; nâng cấp hệ thống các máy ATM, website ACB, gia tăng tiện ích, dịch vụ thanh toán cho khách hàng, v.v. Ngoài ra, ACB tiếp tục hoàn thành các dự án chiến lược như (i) ngân hàng giao dịch, (ii) ngân hàng ưu tiên, (iii) xây dựng quy trình kinh doanh – ACMS (giai đoạn 1), v.v. nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Và đặc biệt, trong năm ACB tái cấu trúc thành công tổ chức và mô hình hoạt động, hiệu quả hoạt động của kênh phân phối tăng, tổ chức tại Hội sở được tinh gọn hơn.
- Năm 2017, ACB tiếp tục hoàn thiện các quy trình, chính sách và các hạn mức quản lý rủi ro nhằm phù hợp với quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đạt kết quả khả quan về hoạt động vận hành và chất lượng dịch vụ khách hàng. Tăng 20% hiệu suất nhân viên. Giảm 50% lỗi nghiệp vụ. Mức độ hài lòng của khách hàng tăng đều qua các năm và được đánh giá thuộc nhóm các ngân hàng dẫn đầu về chất lượng dịch vụ trên thị trường. Thực hiện Kế hoạch kiện toàn tổ chức và hoạt động mạng lưới theo mô hình vùng và cụm. Điều chỉnh, phân bố lại địa bàn kinh doanh và mở rộng mạng lưới tại các thị trường tiềm năng. Hiệu quả hoạt động kinh doanh của mạng lưới kênh phân phối năm 2017 tăng cao hơn so năm 2016, trên 94% đơn vị hoạt động có lãi. Nguồn nhân lực tiếp tục được tái cấu trúc theo hướng tập trung nhân sự cho hoạt động kinh doanh trực tiếp, có năng lực và hiệu suất cao, phát triển và nuôi dưỡng nguồn nhân lực kế thừa.
- Năm 2018, ACB tăng trưởng bền vững mảng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp nhỏ và vừa, kiểm soát tốt chất lượng tín dụng, và vận hành an toàn. Tín dụng hai mảng trên tăng trưởng vượt kỳ vọng và có kiểm soát theo đúng định hướng của ALCO. Huy động tiền gửi thanh toán cải thiện, nâng CASA từ 15,8% lên mức 16,7%. Hoạt động kinh doanh thẻ cải thiện tích cực so với năm 2017. Phát hành thành công 4.400 tỷ đồng trái phiếu AAA kỳ hạn 3 năm và 10 năm. Xử lý, thu hồi nợ có hiệu quả, do đó thu nhập từ xử lý nợ đạt gấp 4

lần năm 2017. Bước đầu hoàn thiện các nền tảng, nâng cao năng lực hoạt động của ACB chuẩn bị cho quá trình chuyển đổi, phát triển của ACB giai đoạn 2019 – 2024.

- Năm 2019 là năm bắt đầu thực hiện Chiến lược đổi mới ACB giai đoạn 2019 – 2024 mà Hội đồng quản trị thông qua cuối năm 2018. Theo Chiến lược, tầm nhìn của ACB là trở thành ngân hàng hàng đầu Việt Nam có khả năng sinh lời cao với chiến lược nhất quán ở ba mảng kinh doanh. Mảng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp nhỏ và vừa là hai mảng ưu tiên chính, và mảng khách hàng doanh nghiệp lớn là ưu tiên có chọn lọc. Mục tiêu chiến lược là tăng trưởng tổng doanh thu của mảng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp nhỏ và vừa ở mức 20% năm, đem lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, và là một trong các ngân hàng có khả năng sinh lời cao nhất ngành với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu > 20%.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ thời điểm thành lập cho đến nay, ACB đã có 21 lần tăng vốn điều lệ, và đạt mức 21.615.584.600.000 đồng vào tháng 9/2020, như sau:

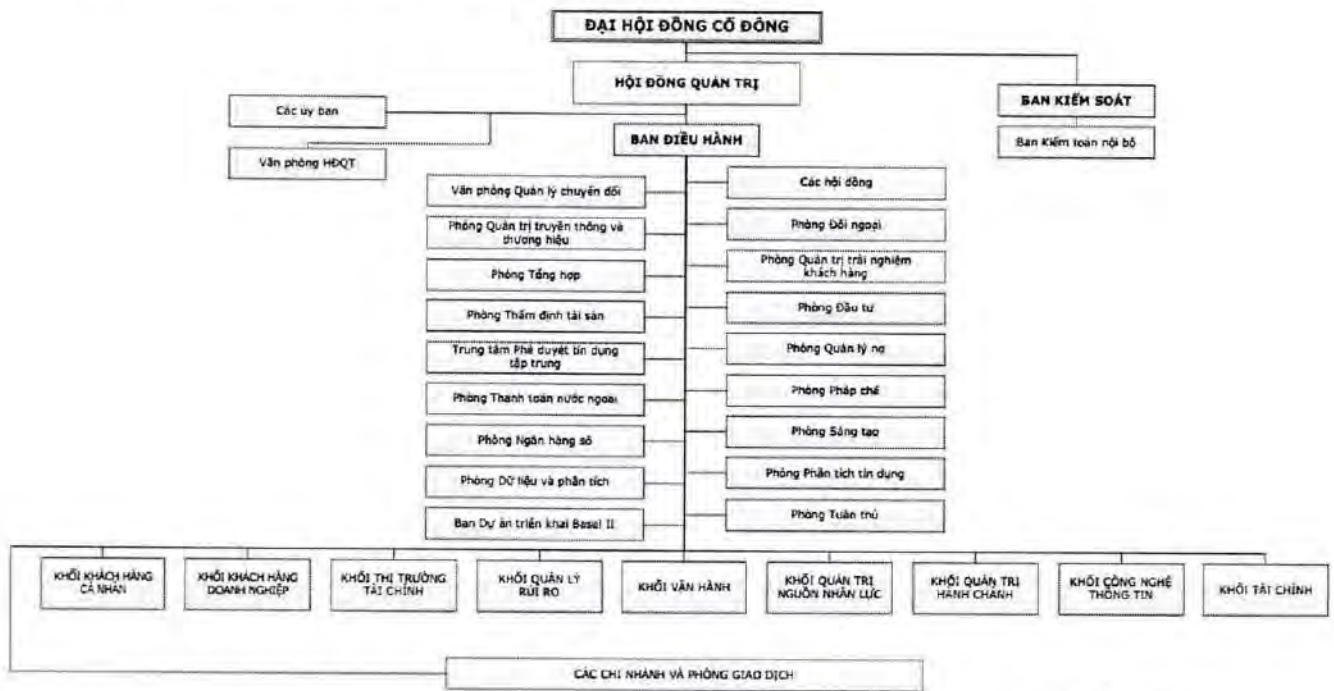
ĐVT: nghìn đồng

STT	Các đợt tăng vốn	Vốn tăng thêm	Vốn điều lệ	Hình thức tăng vốn (Phát hành thêm cổ phiếu/ Trái phiếu chuyển đổi)
Vốn điều lệ ban đầu			20.000.000	Vốn góp ban đầu
1	Đợt 1 năm 1994	50.000.000	70.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
2	Đợt 2 năm 1998	271.428.000	341.428.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong và ngoài nước từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
3	Đợt 3 năm 2003	82.483.000	423.911.000	Phát hành cổ phiếu từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
4	Đợt 4 năm 2004	57.227.000	481.138.000	Phát hành cổ phiếu từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
5	Đợt 5 tháng 3/2005	118.862.000	600.000.000	Phát hành cổ phiếu từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

6	Đợt 6 tháng 7/2005	56.180.000	656.180.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông nước ngoài
7	Đợt 7 tháng 8/2005	292.136.000	948.316.000	Phát hành cổ phiếu từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
8	Đợt 8 năm 2006	151.730.560	1.100.046.560	Phát hành cổ phiếu từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
9	Đợt 9 tháng 4/2007	33.001.396	1.430.060.520	Phát hành cổ phiếu từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
10	Đợt 10 tháng 4/2007	1.100.046.000	2.530.106.520	Phát hành cổ phiếu từ trái phiếu chuyển đổi
11	Đợt 11 tháng 4/2007	99.953.440	2.630.059.960	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong và ngoài nước
12	Đợt 12 tháng 6/2008	1.471.532.980	4.101.592.940	Phát hành cổ phiếu từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
13	Đợt 13 tháng 6/2008	1.704.196.840	5.805.789.780	Phát hành cổ phiếu từ Nguồn thặng dư vốn cổ phần
14	Đợt 14 tháng 8/2008	550.023.000	6.355.812.780	Phát hành cổ phiếu từ trái phiếu chuyển đổi
15	Đợt 15 năm 2009	1.458.324.770	7.814.137.550	Phát hành cổ phiếu từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và từ trái phiếu chuyển đổi
16	Đợt 16 năm 2010	1.562.827.510	9.376.965.060	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
17	Đợt 17 năm 2016	896.273.900	10.273.238.960	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	Đợt 18 tháng 02/2018	985.901.290	11.259.140.250	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
19	Đợt 19 tháng 8/2018	1.626.737.130	12.885.877.380	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	Đợt 20 năm 2019	3.741.495.390	16.627.372.770	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	Đợt 21 năm 2020	4.988.211.830	21.615.584.600	Trả cổ tức bằng cổ phiếu

(Nguồn: ACB)

2. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng



(Nguồn: ACB)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng

Cơ cấu bộ máy quản lý của ACB bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và Tổng giám đốc theo như quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017 tại Điều 32.1 về cơ cấu bộ máy quản lý của tổ chức tín dụng.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng (Điều 27.1 Điều lệ ACB 2019). Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (Điều 29.1.d Điều lệ ACB 2019).

Các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị gồm có: Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược, và Ủy ban Đầu tư.

Tập đoàn ACB gồm có Ngân hàng và các công ty con. Ngân hàng bao gồm các đơn vị Hội sở, và các chi nhánh và phòng giao dịch. Các đơn vị Hội sở gồm 9 khối và 17 phòng, trung tâm và văn phòng trực thuộc Tổng giám đốc.

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề

được Luật pháp và Điều lệ Ngân hàng quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng, v.v.

3.2. Hội đồng quản trị

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Ngân hàng, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Ngân hàng, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

3.3. Ban kiểm soát

Do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo cho ĐHĐCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Ngân hàng.

3.4. Tổng giám đốc

Do Hội đồng quản trị (HĐQT) bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, các giám đốc khối, và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Dragon Financial Holdings Limited	163266	P.O Box 71, Craigmuir Chambers, Road	149.565.600	6,92%

			Town, British Virgin Islands		
2	Alp Asia Finance (Vietnam) Limited (Cổ đông lớn sở hữu cổ phần gián tiếp thông qua 2 công con dưới đây)	-	-	-	-
2.1	Sather Gate Investments Limited	1939129	Kingston Chambers, PO Box 173, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	107.913.565	4,99%
2.2	Whistler Investments Limited	1939103	Kingston Chambers, PO Box 173, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	107.913.565	4,99%
Tổng cộng				365.392.730	16,90%

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 15/10/2020 do VSD cung cấp)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Kể từ khi ACB được thành lập cho đến nay, thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của ACB

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	42.283	1.513.090.972	70%
1	Cá nhân	42.067	1.095.957.774	50,702%
2	Tổ chức	216	417.133.198	19,298%
II	Cổ đông nước ngoài	74	648.467.488	30%

1	Cá nhân	31	58.923	0,003%
2	Tổ chức	43	648.408.565	29,997%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		42.357	2.161.558.460	100%

(Danh sách cổ đông ngày 15/10/2020 do VSD cung cấp)

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Danh sách công ty mẹ

Không có.

5.2. Danh sách công ty con

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Vốn đăng ký/Vốn thực góp của ACB	Tỷ lệ sở hữu của ACB	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Doanh thu 2019	Lợi nhuận sau thuế 2019
1	Công ty Chứng khoán ACB (ACBS)	1.500	1.500	100%	100%	41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM	Kinh doanh chứng khoán	476,1	128,6
2	Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản ACB (ACBA)	5	5	100%	100%	Lầu 8 Tòa nhà ACB, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, Tp. HCM	Quản lý nợ và khai thác tài sản	8,6	5,4

3	Công ty Cho thuê tài chính ACB (ACBL)	300	300	100%	100%	131 Châu Văn Liêm, Phường 14, Quận 5, Tp. HCM	Cho thuê tài chính	49,4	9,2
4	Công ty Quản lý quỹ ACB (ACBC)	50	50	ACB sở hữu gián tiếp thông qua ACBS là Công ty mẹ của ACBC		Lầu 12 Tòa nhà ACB, 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM	Quản lý quỹ	2,6	0,5

(Nguồn: ACB)

5.3. Danh sách những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

5.4. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Ngân hàng

6.1.1. *Chủng loại và chất lượng sản phẩm/dịch vụ*

Ngân hàng cung cấp sản phẩm và dịch vụ tài chính ngân hàng cho khách hàng cá nhân, hộ gia đình và doanh nghiệp.

❖ **Dịch vụ tài chính ngân hàng dành cho cá nhân, hộ gia đình**

✓ **Tổng quan**

Với chiến lược là ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, khả năng sinh lời cao ở mảng khách hàng cá nhân và đem lại trải nghiệm tốt cho khách hàng, ACB thiết kế các sản phẩm/gói sản phẩm, dịch vụ phù hợp nhu cầu của từng phân đoạn khách hàng, đa dạng kênh phân phối sản phẩm và dịch vụ từ kênh truyền thống sang các kênh điện tử (ACB Online, ACB Mobile Apps), kênh tự phục vụ (ATM, CDM), các dịch vụ trung gian thanh toán (ví điện tử). Các sản phẩm bao gồm:

- **Tài khoản thanh toán:** ACB cung cấp nhiều loại tài khoản thanh toán phù hợp với từng phân đoạn khách hàng, như: Tài khoản Thương gia, Tài khoản Ưu tiên, Tài khoản Kinh doanh trực tuyến (E-biz), Tài khoản Lương (TK Lương, TK Eco, TK Eco +), Tài khoản Sinh viên, Tài khoản thanh toán thông thường, v.v.
- **Sản phẩm tiền gửi và tiết kiệm:** Tiền gửi không kỳ hạn, Tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm: đa dạng kỳ hạn và kỳ lãnh lãi từ 1 tuần đến 36 tháng phù hợp với nhu cầu tài chính của người gửi.
- **Dịch vụ thanh toán:** Dịch vụ thanh toán trong nước: séc, lệnh chi, UNC, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước; dịch vụ thanh toán quốc tế: cá nhân là người cư trú và không cư trú chuyển tiền cho các mục đích được phép theo quy định quản lý ngoại hối; v.v.
- **Cấp tín dụng:** Cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh, Cho vay mua nhà ở/đất ở, Cho vay xây dựng sửa chữa nhà, Cho vay mua ô tô, Cho vay thanh toán chi phí du học, Cho vay tiêu dùng thông qua phát hành thẻ tín dụng, v.v.
- **Các gói sản phẩm/dịch vụ chuyên biệt:** Gói sản phẩm dành cho Khách hàng Ưu tiên, Gói sản phẩm dành cho gia đình Việt (Family Banking), Gói Dịch vụ tài chính cho cấp quản lý và nhân viên doanh nghiệp, Gói Dịch vụ tài chính dành cho nguồn nhân lực Việt (Employee Banking), v.v.
- **Bancassurance (Phân phối bảo hiểm qua ngân hàng)**
 - ACB đã ký kết hợp đồng đại lý bảo hiểm với 5 công ty bảo hiểm nhân thọ, 10 công ty bảo hiểm phi nhân thọ nhằm phối hợp cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ cho khách hàng cá nhân.
 - Năm 2019, doanh số mảng bancassurance tại ACB đã tăng trưởng tới 300%, lọt vào top 5 về bancassurance toàn thị trường.
 - Trọng tâm của ACB trong năm 2020 là việc tăng thị phần và hợp tác bancassurance độc quyền.
- **Dịch vụ ví điện tử, kết nối thẻ:** ACB hợp tác với các tổ chức trung gian thanh toán cung cấp các dịch vụ nói trên, như Momo, Moca, Airpay.

✓ **Định hướng kinh doanh**

Trong chiến lược 5 năm (2019-2024), ACB chú trọng phát triển nhóm khách hàng mục tiêu thuộc 5 phân đoạn: khách hàng ưu tiên, chủ cơ sở kinh doanh, trí thức thu nhập cao tại thành thị, khách hàng hưu trí, giới trẻ thành thị và nông thôn. ACB tập trung vào việc thiết kế sản

phẩm mang lại các giá trị tài chính và phi tài chính phù hợp với từng giai đoạn trong cuộc sống của khách hàng nhằm nâng cao sự hài lòng, gắn kết của khách hàng thông qua việc đa dạng hóa phẩm và dịch vụ cho khách hàng.

❖ **Dịch vụ tài chính ngân hàng dành cho doanh nghiệp**

✓ **Sản phẩm cho vay**

Các sản phẩm cho vay khách hàng doanh nghiệp chính mà ACB cung cấp gồm có cho vay ngắn hạn và cho vay trung và dài hạn.

➤ **Khoản vay ngắn hạn**

ACB cung cấp các khoản vay ngắn hạn với thời hạn vay tối đa là một năm dành khách hàng doanh nghiệp với lãi suất hợp lý, điều kiện khoản vay linh hoạt, thủ tục đơn giản và thuận tiện. Phần lớn khoản vay ngắn hạn của ACB là khoản vay tài trợ vốn lưu động đáp ứng nhu cầu tài chính ngắn hạn theo chu kỳ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp ổn định nguồn tài chính, tăng tính chủ động trong việc lập kế hoạch kinh doanh, linh hoạt thanh toán nợ vay theo chu kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, ACB còn cung cấp cho các khách hàng doanh nghiệp các sản phẩm: thấu chi tài khoản, tài trợ theo Hợp đồng, thẻ tín dụng doanh nghiệp, tài trợ xuất, nhập khẩu, bao thanh toán. Nhìn chung, các khoản vay ngắn hạn của ACB được bảo đảm bằng tài sản và tỷ lệ tài trợ phụ thuộc vào loại tài sản bảo đảm, sản phẩm cho vay.

➤ **Khoản vay trung và dài hạn**

ACB cung cấp các khoản vay có thời hạn trên 1 năm nhằm đáp ứng nhu cầu vốn trung dài hạn cho khách hàng doanh nghiệp để đầu tư tài sản cố định/ dự án như mua sắm máy móc thiết bị, đầu tư nhà xưởng dây chuyền sản xuất, v.v. nhằm gia tăng năng lực kinh doanh, công suất hoạt động với thời hạn vay linh hoạt dựa trên dòng tiền và hiệu quả của phương án, dự án ACB cho vay. Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay này được áp dụng theo phương thức thả nổi, cạnh tranh.

✓ **Sản phẩm tiền gửi**

➤ **Tiền gửi không kỳ hạn:** Sản phẩm này đa dạng, từ tiền gửi thông thường, tiền gửi ký quỹ đến các sản phẩm đáp ứng nhu cầu riêng của khách hàng như: sản phẩm tiền gửi thanh toán vượt trội, tài khoản đầu tư vốn trực tiếp nước ngoài, tài khoản đầu tư vốn gián tiếp nước ngoài, tiền gửi đầu tư trực tuyến, v.v. Tiền gửi không kỳ hạn được thực hiện theo các loại tiền VNĐ và ngoại tệ khác.

➤ **Tiền gửi có kỳ hạn:** Sản phẩm này đa dạng với các kỳ hạn và nhiều bậc lãi suất cạnh tranh cùng nhiều tiện ích khác dành cho KHDN gồm:

- Tiền gửi có kỳ hạn truyền thống: Có các hình thức giao dịch đa dạng như giao dịch tại quầy, giao dịch online qua hệ thống Internet banking (ACB Online).
- Tiền gửi kỳ hạn lãi suất linh hoạt: Doanh nghiệp được chọn kỳ hạn gửi phù hợp với kế hoạch tài chính của mình và hưởng lãi suất có kỳ hạn trên số ngày gửi thực tế.
- Các tiện ích hấp dẫn khác như: Được nhận Giấy báo có xác nhận tiền gửi được ghi nhận trên hệ thống, được sử dụng số dư trên tài khoản tiền gửi để đảm bảo vay vốn hoặc bảo lãnh cho bên thứ ba vay vốn tại ACB, Nhận thông báo các thay đổi liên quan đến khoản tiền gửi có kỳ hạn, v.v.

✓ **Các dịch vụ ngân hàng khác**

➤ **Dịch vụ thanh toán quốc tế**

Dịch vụ thanh toán quốc tế bao gồm chuyển tiền đi bằng điện và nhận chuyển đến bằng điện (Telegraphic Transfer - T/T), nhờ thu xuất nhập khẩu (Document Against Payment - D/P, Document Against Acceptance - D/A), giao chứng từ nhận tiền ngay (Cash Against Document - CAD) và thư tín dụng xuất nhập khẩu (Letter of Credit - L/C). Ngoài các dịch vụ truyền thống này, ACB cung cấp sản phẩm L/C trả chậm thanh toán trả ngay (Usance L/C payable at sight - Upas L/C) được đánh giá là giải pháp hiệu quả cho các doanh nghiệp nhập khẩu. ACB còn cung cấp các tiện ích thanh toán quốc tế trên ACB Online, giao dịch qua fax và giao dịch bằng chứng từ có xác thực chữ ký điện tử.

➤ **Dịch vụ thương mại và bảo lãnh**

- Dịch vụ tài trợ thương mại bao gồm tài trợ xuất khẩu trước và sau giao hàng áp dụng đối với tất cả các phương thức thanh toán quốc tế, tài trợ nhập khẩu và tài trợ thế chấp lô hàng nhập khẩu với nhiều ưu đãi về lãi suất, phí.
- Nghiệp vụ bảo lãnh: Nghiệp vụ bảo lãnh bao gồm bảo lãnh trong nước và bảo lãnh ngoài nước. ACB thực hiện bảo lãnh cho các nghĩa vụ tài chính hợp pháp của khách hàng theo quy định của NHNNVN gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh đối ứng và các bảo lãnh khác phù hợp với quy định của pháp luật.

➤ **Dịch vụ quản lý tiền và thanh khoản**

- Dịch vụ quản lý khoản phải thu: thu hộ tiền mặt, thu hộ tại địa điểm chỉ định của khách hàng, thu hộ trường học, bệnh viện, v.v.
- Dịch vụ quản lý khoản phải chi: thanh toán bằng séc, thanh toán chuyển khoản, v.v.
- Dịch vụ quản lý thanh khoản: dịch vụ quản lý tài khoản tập trung.

➤ **Dịch vụ khác**

- Dịch vụ thẻ bao gồm thẻ thanh toán quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp.
- Dịch vụ ngân hàng điện tử: bao gồm các dịch vụ trực tuyến như Internet Banking, thu hộ ngân sách Nhà nước thông qua liên kết với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan (Otax, Etax, Hải quan 24/7) hoặc trên website của Tổng cục Thuế;
- Dịch vụ khác: giao dịch qua fax, giao dịch bằng chứng từ có xác thực chữ ký số và các dịch vụ khác.

➤ **Hoạt động ngân hàng giao dịch**

Ngân hàng giao dịch là bộ phận kinh doanh của ACB chuyên cung cấp giải pháp quản lý dòng tiền và tài trợ thương mại dành cho khách hàng doanh nghiệp. Các sản phẩm và dịch vụ bao gồm thư tín dụng, tài trợ nhà cung cấp, tài trợ nhà phân phối, các dịch vụ phải thu, phải trả, v.v. Dựa trên nền tảng giao dịch trực tuyến, ACB cung cấp các dịch vụ về thanh toán theo lô với tốc độ xử lý nhanh 24/7.

ACB cung cấp giải pháp tài chính cho các nhà phân phối khi người bán yêu cầu thanh toán trước khi giao hàng; cung cấp giải pháp tài chính cho chuỗi cung ứng, cho phép một nhà cung cấp bán khoản phải thu của mình cho Ngân hàng với giá chiết khấu, hỗ trợ nhà cung cấp được thanh toán trước hạn.

Ngoài ra, ACB cũng cung cấp dịch vụ chi lương trực tuyến với nhiều tính năng vượt trội. Tính bảo mật của bảng lương được kiểm soát tuyệt đối thông qua tính năng phân quyền linh hoạt và che mờ giá trị chi lương, được ghi nợ hàng loạt và chuyển các tệp đối chiếu điện tử chỉ cho những người được ủy quyền. Giải pháp chi lương của ACB áp dụng cho cả nhân viên của doanh nghiệp sử dụng tài khoản hoặc tất cả các loại thẻ.

✓ **Định hướng kinh doanh**

Về mảng khách hàng doanh nghiệp, trong các năm tới ACB tiếp tục tập trung vào nhóm khách hàng phân đoạn doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) thuộc các lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng. Các khách hàng mục tiêu của ACB là doanh nghiệp đang trong giai đoạn tăng trưởng ổn định và tập trung vào một ngành nghề kinh doanh chính. Đối với khách hàng thuộc

phân đoạn có quy mô lớn hơn, ACB có chính sách chọn lựa khách hàng thuộc các ngành ưu tiên của ngân hàng trong từng giai đoạn, khách hàng có khả năng phát triển chuỗi cung ứng (supply chain), phát triển dịch vụ thu phí, CASA.

6.1.2. Huy động vốn

Huy động vốn của ngân hàng ACB tăng trưởng tốt trong các năm qua. Tỷ trọng tiền gửi từ khách hàng cá nhân chiếm khoảng 80% tổng danh mục. Tính đến 31/12/2019, tổng nguồn vốn huy động đạt 367 nghìn tỷ đồng, tăng 15% so với 2018, trong đó đóng góp chủ yếu từ tiền gửi của khách hàng. Tiền gửi của khách hàng tại 31/12/2019 đạt 308 nghìn tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2018, chiếm 84% tổng nguồn vốn huy động. Phát hành Giấy tờ có giá tăng 151% và đạt 20,8 nghìn tỷ đồng.

Tại 30/09/2020, tổng nguồn vốn huy động của ACB đạt 394 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với đầu năm chủ yếu do tăng tiền gửi khách hàng. Tiền gửi của khách hàng đóng góp tỷ trọng lớn nhất với 85%, đạt 335 nghìn tỷ đồng, tăng 8,6% so với đầu năm.

Nguồn vốn huy động

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	2018		2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi của khách hàng	269.999	84%	308.129	84%	334.729	85%
Tiền gửi và vay tổ chức tín dụng khác	20.718	6%	19.249	5%	17.962	5%
- Tiền gửi của tổ chức tín dụng khác	17.174	5%	16.674	5%	16.865	4%
- Vay tổ chức tín dụng khác	3.545	1%	2.575	1%	1.160	0%
Phát hành giấy tờ có giá	8.291	3%	20.831	6%	23.091	6%
Tổng	319.726	100%	367.457	100%	358.374	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Hợp nhất)

Tại thời điểm 31/12/2019, tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn có tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng với khoảng 81%, tiền gửi không kỳ hạn chiếm 18% tổng danh mục và tăng 25% so với 2018. ACB định hướng tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng tiền gửi không kỳ hạn để giảm thiểu chi phí huy động thông qua việc tập trung phát triển và hoàn thiện hệ thống

công nghệ thông tin, phát triển các sản phẩm và tiện ích trên nền tảng ngân hàng số để hướng tới mục tiêu cung cấp các dịch vụ cao cấp, đáp ứng nhanh và kịp thời nhu cầu của khách hàng, xây dựng mối quan hệ gắn bó với khách hàng.

Tính đến thời điểm 30/09/2020, tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn có tỷ trọng cao nhất với 80% tổng danh mục tiền gửi khách hàng, tiền gửi không kỳ hạn chiếm 18% tổng danh mục và tăng 10% so với 2019. Cơ cấu tiền gửi của ACB trong những năm qua cho thấy sự tăng trưởng và ổn định trong việc huy động tiền gửi từ khách hàng.

Cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại hình

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		9 tháng/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi không kỳ hạn	45.022	17%	56.058	18%	61.672	18%
Tiền gửi có kỳ hạn	37.747	14%	45.194	15%	58.281	17%
Tiền gửi tiết kiệm	185.087	69%	204.149	66%	212.424	63%
Tiền gửi ký quỹ	1.562	1%	1.540	0%	1.629	0%
Tiền gửi cho những mục đích riêng biệt	580	0%	1.189	0%	724	0%
Tổng	269.999	100%	308.129	100%	334.729	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Hợp nhất)

6.1.3. Hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng tăng trưởng theo đúng định hướng của NHNNVN và luôn đảm bảo các chỉ tiêu an toàn. Tính đến cuối năm 2019, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 269 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2018.

Đến cuối 30/09/2020, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 297 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với đầu năm. Mặc dù tăng trưởng cao liên tục trong nhiều năm nhưng Ngân hàng vẫn đảm bảo theo đúng định hướng của NHNNVN và tiếp tục duy trì được khả năng thanh khoản cao với tỷ lệ dư nợ cho vay/huy động tiền gửi khách hàng đạt 79%, thấp hơn quy định của NHNNVN (85%).

Hoạt động tín dụng của ACB

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng/2020
Tổng dư nợ cho vay	230.527	268.701	297.386
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(2.544)	(2.536)	(2.913)
Dư nợ cho vay thuần	227.983	266.165	294.473
Tổng dư nợ cho vay/Nguồn vốn huy động	77,5%	77,6%	79%
Tổng dư nợ cho vay/Tổng tài sản	70,0%	70,1%	71%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Hợp nhất)

✦ Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn

Trong cơ cấu cho vay theo kỳ hạn, ACB chủ yếu tập trung cho vay ngắn hạn chiếm trên 50% tổng danh mục và theo đúng định hướng đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng. Cho vay dài hạn được kiểm soát ở mức dưới 40% tổng danh mục, chiếm 38% tại thời điểm 30/09/2020. Cho vay trung hạn chiếm tỷ lệ thấp trong danh mục cho vay khoảng 5%.

Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		9 tháng/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay ngắn hạn	133.395	58%	144.795	54%	168.340	57%
Cho vay trung hạn	15.316	7%	18.458	7%	16.057	5%
Cho vay dài hạn	81.816	35%	105.448	39%	112.989	38%
Dư nợ cho vay khách hàng	230.527	100%	268.701	100%	297.386	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Hợp nhất)

✦ Chất lượng dư nợ cho vay

ACB luôn quản lý và kiểm soát tốt chất lượng danh mục tín dụng, phù hợp với định hướng thận trọng trong rủi ro tín dụng. Do đó, tỷ lệ nợ xấu liên tục duy trì ở mức thấp trong ngành ở mức

0,54% và 0,83% tại thời điểm 31/12/2019 và 30/09/2020. Tỷ lệ nợ quá hạn luôn duy trì ở mức thấp so với quy định tối đa (3%) ở mức 1,11% tại thời điểm 30/9/2020.

Chất lượng dư nợ cho vay

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Nợ đủ tiêu chuẩn	228.469	266.620	291.901
Nợ cần chú ý	383	631	828
Nợ dưới tiêu chuẩn	173	235	831
Nợ nghi ngờ	338	311	543
Nợ xấu có khả năng mất vốn	1.164	903	1.105
Dư nợ cho vay khách hàng	230.527	268.701	297.386
- Tỷ lệ nợ quá hạn	0,89%	0,77%	1,11%
- Tỷ lệ nợ xấu	0,73%	0,54%	0,83%
- Tỷ lệ quỹ dự phòng tín dụng/nợ xấu	152%	175%	117%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Hợp nhất)

ACB thực hiện phân loại nhóm nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo đúng quy định của NHNNVN. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng/nợ xấu luôn ở mức cao trong ngành với 117% tại thời điểm 30/09/2020, đảm bảo an toàn rủi ro tín dụng theo quy định của NHNNVN và quy định nội bộ của ACB.

✦ Phân loại dư nợ cho vay theo loại hình kinh doanh

Với định hướng là ngân hàng bán lẻ, cơ cấu dư nợ cho vay của ACB chủ yếu tập trung ở khách hàng cá nhân, chiếm khoảng 61% tổng danh mục với dư nợ đạt 182,8 nghìn tỷ đồng tại thời điểm 30/9/2020. Danh mục cho vay còn lại chủ yếu là các công ty TNHH và cổ phần với khoảng 38% danh mục với dư nợ đạt 111,7 nghìn tỷ đồng tại thời điểm 30/9/2020.

Phân loại dư nợ cho vay theo loại hình kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
----------	------------	------------	------------

	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh nghiệp nhà nước	1.407	1%	1.193	0%	1.203	0%
Công ty cổ phần, TNHH, doanh nghiệp tư nhân	94.574	41%	103.724	39%	111.759	38%
Công ty liên doanh	788	0%	530	0%	441	0%
Công ty 100% vốn nước ngoài	612	0%	881	0%	880	0%
Hợp tác xã	103	0%	212	0%	215	0%
Cá nhân và các đối tượng khác	133.043	58%	162.160	60%	182.887	61%
Cho vay khách hàng	230.527	100%	268.701	100%	297.386	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Hợp nhất)

✦ Phân loại trích lập dự phòng các nhóm nợ theo ngành nghề kinh doanh

Với định hướng thận trọng trong quản lý rủi ro tín dụng, ACB thường xuyên thực hiện việc đánh giá chất lượng dư nợ theo cả định lượng và định tính nhằm kiểm soát rủi ro đối với các khoản cho vay. Đồng thời, ACB luôn chú trọng đến công tác kiểm soát và thu hồi nợ với những biện pháp thích hợp, từ đó có kế hoạch thực hiện trích lập dự phòng tương ứng với các nhóm nợ theo quy định.

Tính đến thời điểm 30/09/2020, dự phòng cụ thể cho vay khách hàng được phân loại với từng nhóm nợ theo ngành nghề kinh doanh là 591,04 tỷ đồng. Tổng các khoản trích lập dự phòng cụ thể của ACB không bao gồm khoản trích lập dự phòng từ Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS), do không có quy định về việc công ty chứng khoán thực hiện phân loại các nhóm nợ như các tổ chức tín dụng. Theo đó, dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp cho các khoản vay ký quỹ (margin) tại ACBS tính đến thời điểm 30/9/2020 là 116,2 tỷ đồng. Tỷ lệ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng/nợ xấu của ACB luôn ở mức cao trong ngành với 117% tại thời điểm 30/09/2020, đảm bảo an toàn rủi ro tín dụng theo các quy định của NHNNVN và quy định nội bộ của ACB.

Cơ cấu dư nợ cho vay chủ yếu tập trung ở khách hàng cá nhân, do đó tỷ trọng trích lập dự phòng theo ngành nghề kinh doanh của ACB cũng tập trung chủ yếu vào dịch vụ cá nhân và cộng đồng tương ứng với cơ cấu dư nợ cho vay. Tỷ trọng trích lập dự phòng đối với dịch vụ cá nhân và cộng đồng chiếm tỷ lệ 58,14%, tương ứng mức trích lập dự phòng là 343,6 tỷ đồng. Nhóm ngành thương mại cũng chiếm một tỷ trọng đáng kể với tỷ lệ 26,1%, tương ứng với 154,3 tỷ

đồng. Nhóm dịch vụ tài chính không phát sinh khoản trích lập dự phòng do chất lượng dư nợ cho vay đối với nhóm này luôn đảm bảo theo quy định hiện hành.

Phân loại trích lập dự phòng các nhóm nợ theo ngành nghề kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Phân loại trích lập dự phòng theo ngành nghề kinh doanh	Nợ nhóm 2	Nợ nhóm 3	Nợ nhóm 4	Nợ nhóm 5	Tổng
1	Thương mại	1.413	4.347	33.274	115.251	154.285
2	Nông, lâm nghiệp	-	-	78	22	99
3	Sản xuất và gia công chế biến	652	19.550	3.146	28.751	52.098
4	Xây dựng	2.515	3.330	1.143	4.100	11.088
5	Dịch vụ cá nhân và cộng đồng	5.591	12.519	52.918	272.614	343.642
6	Kho bãi, giao thông vận tải và thông tin liên lạc	51	-	640	-	691
7	Giáo dục và đào tạo	-	-	50	11.857	11.906
8	Tư vấn và kinh doanh bất động sản	-	36	-	-	36
9	Nhà hàng và khách sạn	-	285	-	1.594	1.879
10	Dịch vụ tài chính	-	-	-	-	-
11	Các ngành nghề khác	126	1.450	2.723	11.017	15.316
Tổng cộng		10.348	41.518	93.971	445.205	591.042

(Nguồn: ACB)

Ngoài ra, như được trình bày trong BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 và năm 2019, khoản phải thu của ACB đối với 2 công ty (thuộc Nhóm 6 công ty) là khoản phải thu thuộc nhóm các công ty liên quan đến ông Nguyễn Đức Kiên, cụ thể gồm: phải thu từ Công ty CP Đầu tư Á Châu là 77,74 tỷ đồng và phải thu từ Công ty CP Đầu tư Thương mại B&B là 54,16 tỷ đồng. Tổng cộng khoản phải thu từ 2 công ty này đến thời điểm hiện tại là 131,91 tỷ đồng. ACB cũng

đã trích lập đầy đủ dự phòng 100% giá trị khoản phải thu nêu trên. Vì vậy, ACB sẽ hoàn nhập dự phòng tương ứng với giá trị khoản phải thu khi thu hồi được. Hiện nay, ACB đã tiến hành các thủ tục pháp lý để truy đòi các khoản phải thu này và đang chờ kết quả.

Đối với khoản tiền gửi 400 tỷ đồng tại Ngân hàng Xây dựng (Ngân hàng CB) được trình bày trong BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 và năm 2019, đây là khoản tiền gửi với kỳ hạn 5 năm (từ ngày 30/9/2015 đến ngày 30/9/2020). Tính đến thời điểm 30/9/2020, ACB đã trích lập đầy đủ 100% dự phòng cho khoản tiền gửi nêu trên theo quy định của NHNNVN. Tài sản đảm bảo cho khoản tiền gửi này là 03 bất động sản tại Hà Nội và Tp. HCM. Hiện nay, Ngân hàng CB là ngân hàng thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước và đang trong tình trạng kiểm soát đặc biệt. Do vậy, việc thu hồi khoản tiền gửi và xử lý tài sản tại Ngân hàng CB phụ thuộc vào phương án tái cơ mà nay ACB vẫn chưa nhận được thông tin từ CB về phương án tái cơ cấu nói trên.

✦ Tỷ lệ an toàn vốn theo Hiệp ước Basel II

Là một trong 10 ngân hàng được chọn thí điểm áp dụng Basel II, ACB đã hoàn thành các chương trình, dự án theo lộ trình triển khai Basel II của NHNNVN, cụ thể:

- **Trụ cột 1 Basel** (Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về tỷ lệ an toàn vốn): ACB được NHNNVN phê duyệt áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN từ ngày 01/05/2019 theo Quyết định số 845/QĐ-NHNN ngày 23/04/2019 (áp dụng trước thời hạn quy định 01/01/2020).
- **Trụ cột 2 Basel** (Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ): ACB đã tổ chức hoàn thành các cấu phần theo quy định của Thông tư này và triển khai các chuẩn mực, nguyên tắc tương ứng được hướng dẫn bởi Ủy ban Basel. Cụ thể là: (i) ACB đã hoàn thiện mô hình quản lý rủi ro theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ; (ii) đã hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro và thực hiện quản lý các rủi ro trọng yếu, tuân thủ các quy định của NHNNVN; (iii) đã xây dựng quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP), bao gồm tính toán vốn kinh tế, phân tích kịch bản và kiểm tra sức chịu đựng (thực hiện theo Chương V của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN), với các quy định và thực hành được KPMG đánh giá và hoàn thành vào tháng 10/2020.
- **Trụ cột 3 Basel:** ACB tuân thủ kỷ luật thị trường theo Trụ cột 3 Basel thông qua việc định kỳ công bố thông tin và báo cáo về tỷ lệ an toàn vốn, quản lý rủi ro theo quy định của Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và Thông tư số 11/2019/TT-NHNN.

Đối với việc tuân thủ Trụ cột 1 Basel, ACB đã tích cực chủ động cải thiện tỷ lệ an toàn vốn (CAR) thông qua nhiều biện pháp với mục tiêu cải thiện hệ số rủi ro của danh mục tài sản. Theo đó, tỷ lệ an toàn vốn liên tục được cải thiện và đáp ứng yêu cầu vốn tối thiểu (8%) theo Basel II. Tính đến thời điểm 30/09/2020, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất và an toàn vốn cấp 1 lần lượt đạt ở mức 11,26% và 10,38%, cao hơn mức quy định tối thiểu (8%).

Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Vốn cấp 1	20.694	27.415	32.580
Vốn cấp 2	3.531	3.563	3.388
Các khoản phải trừ khi tính vốn tự có	-	-	(620)
Vốn tự có	24.226	30.977	35.348
Tổng tài sản "Có" rủi ro	240.968	283.931	313.929
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	8,59%	9,66%	10,38%
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	10,05%	10,91%	11,26%

(Nguồn: ACB)

6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

✓ Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Trong bối cảnh thị trường đang chịu nhiều tác động tiêu cực từ dịch bệnh COVID-19 và diễn biến khó lường của nền kinh tế, hoạt động kinh doanh ngoại hối của ACB vẫn trên đà tăng trưởng mạnh, với mức lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ qua các năm:

Lãi thuần (tỷ đồng)	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng/2020
	241.390	430.325	488.501

(Nguồn: ACB)

Với nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trên thị trường, ACB có chính sách bán hàng linh động, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp sẵn sàng tư vấn, cung cấp bản tin thị trường, sản phẩm và giải pháp giúp khách hàng quản trị tốt rủi ro tỷ giá, phục vụ nhu cầu mua bán ngoại tệ theo các mục

đích hợp pháp như thanh toán quốc tế, trả nợ vay, giao dịch kiều hối, chuyển tiền du học, khám chữa bệnh, định cư nước ngoài.

Các sản phẩm ngoại hối bao gồm: Giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, v.v. ACB cung ứng sản phẩm ngoại hối đối với các ngoại tệ mạnh như USD, EUR, JPY (ngoại tệ nhóm G7) và các sản phẩm nhận báo có, thanh toán với nhiều loại ngoại tệ lạ khác (đa tệ) như: Won Hàn Quốc (KRW), Malaysia Ringit (MYR), Đô La Đài Loan (TWD), v.v.

ACB là một trong các ngân hàng đầu tiên cung cấp tiện ích giao dịch ngoại tệ trực tuyến (trên ACB Online) cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và chủ động trong giao dịch. ACB cũng là đối tác đáng tin cậy của các định chế tài chính trong và ngoài nước với hệ thống sản phẩm ngoại hối đa dạng từ cơ bản đến nâng cao, đội ngũ chuyên viên giao dịch (dealer) nhạy bén, dày dặn kinh nghiệm và hệ thống giao dịch hiện đại.

✓ Hoạt động thanh toán trong nước

ACB cung cấp dịch vụ thanh toán trong nước thông qua mạng lưới 370 chi nhánh/phòng giao dịch rộng khắp cả nước. Các hình thức giao dịch đa dạng như: giao dịch tại quầy, ATM/POS/CDM và ACB Online/ Mobi Banking App. Hiện tại dịch vụ thanh toán trong nước của ACB thông qua 3 kênh chính: thanh toán điện tử liên ngân hàng (kênh Citad), chuyển tiền liên ngân hàng 247 (kênh Napas), thanh toán song phương Vietcombank Money (kênh VCB).

Các năm qua, việc vận hành thanh toán của ACB tại các kênh luôn ổn định và không xảy ra lỗi giao dịch. Bên cạnh đó, Cục Công nghệ NHNNVN (kênh Citad), Công ty CP thanh toán quốc gia Việt Nam (kênh Napas) và Ngân hàng Vietcombank luôn tích cực hỗ trợ ACB trong việc xử lý các giao dịch qua các kênh nhằm đảm bảo tính ổn định của dịch vụ thanh toán trong nước.

Giao dịch đi thanh toán trong nước

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Kênh thanh toán	Năm 2018		Năm 2019		9 tháng/2020	
		Số lượng (lệnh)	Giá trị	Số lượng (lệnh)	Giá trị	Số lượng (lệnh)	Giá trị
1	CITAD	9.876.908	2.526.808	9.970.191	2.517.657	6.549.221	2.049.796
2	VCB	25.141	40.911	8.977	8.506	8.481	9.795
3	NAPAS	1.027.614	22.038	10.241.088	204.972	22.203.493	462.477
Tổng cộng		10.929.663	2.589.757	20.220.256	2.731.135	28.761.195	2.522.068

(Nguồn: ACB)

Giao dịch đến thanh toán trong nước

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Kênh thanh toán	Năm 2018		Năm 2019		9 tháng/2020	
		Số lượng (lệnh)	Giá trị	Số lượng (lệnh)	Giá trị	Số lượng (lệnh)	Giá trị
1	CITAD	9.678.300	2.339.006	10.977.038	2.357.472	7.316.604	1.943.963
2	VCB	8.764	40.889	8.616	8.111	2.437	5.096
3	NAPAS	2.466.555	42.607	12.533.128	215.525	23.167.072	423.587
Tổng cộng		10.929.663	12.153.619	2.422.5032	23.518.782	30.486.113	2.372.647

(Nguồn: ACB)

✓ Hoạt động thanh toán quốc tế

Chính thức được triển khai từ năm 1994, ACB đã có hơn 25 năm cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế cho các cá nhân và tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế, hoạt động trên các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác nhau trong cả nước. Các dịch vụ thanh toán quốc tế do ACB cung cấp bao gồm nhận tiền đến và chuyển tiền đi thông qua các phương thức: Chuyển tiền bằng điện, Nhờ thu, CAD, Tín dụng chứng từ.

ACB là một trong những ngân hàng thương mại đầu tiên thực hiện mô hình xử lý tập trung nghiệp vụ thanh toán quốc tế tại Việt Nam. Tất cả giao dịch tiếp nhận tại chi nhánh đều được xử lý tập trung tại Phòng Thanh toán nước ngoài. Mô hình xử lý tập trung giúp cho các giao dịch thanh toán quốc tế được thực hiện theo một chuẩn mực và quy trình thống nhất trên toàn hệ thống, rút ngắn thời gian xử lý giao dịch đồng thời kiểm soát tốt rủi ro phát sinh. Nhân viên nghiệp vụ ACB được đào tạo, được cấp chứng chỉ chuyên viên tín dụng chứng từ quốc tế (Certified Documentary Credit Specialist – CDCS), là chứng chỉ được chấp nhận trên toàn cầu, được chứng thực bởi Phòng Thương mại quốc tế (International Chamber of Commerce - ICC).

Vào tháng 07/2012, ACB đã triển khai tiện ích giao dịch thanh toán quốc tế qua ACB Online. Với tiện ích này, thay vì phải đến Ngân hàng, các doanh nghiệp có thể gửi giao dịch đến ACB thông qua trang ACB Online một cách nhanh chóng, an toàn và tiện lợi, thông tin về tình trạng xử lý và kết quả của giao dịch cũng được cập nhật tự động đến khách hàng qua các kênh thông tin như ACB Online, email, tin nhắn SMS.

Nhiều năm liền ACB đạt được các giải thưởng chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc về tỷ lệ điện đạt chuẩn STP do một số ngân hàng toàn cầu như JP Morgan Chase, Citibank, Wells Fargo Bank, Standard Chartered Bank trao tặng. ACB có tỷ lệ điện chuẩn thanh toán quốc tế được xử lý tự động trên 99%, giúp các giao dịch thanh toán được xử lý chính xác, nhanh chóng. Tháng 12/2019, ACB cũng đã triển khai thành công dự án SWIFT GPI, là dự án Sáng kiến đổi mới thanh toán toàn cầu (Global Payments Innovation Initiative - GPI) của Tổ chức SWIFT, giúp tăng tốc độ xử lý điện thanh toán và việc tra soát giao dịch thanh toán cũng được thực hiện một cách nhanh chóng và minh bạch hơn.

Trong năm 2018 và 2019, hoạt động thanh toán quốc tế tại ACB tăng trưởng tương đối ổn định cả về số lượng lẫn doanh số giao dịch. Tính đến cuối tháng 9 năm 2020, mặc dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng dịch vụ thanh toán quốc tế tại ACB vẫn đạt kết quả khả quan với mức tăng trưởng về doanh số là 11.91% so với cùng kỳ năm 2019.

6.1.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

Để đáp ứng nhu cầu thanh toán bằng ngoại tệ của ACB và khách hàng, ACB hiện đang duy trì hệ thống tài khoản nostro với các ngoại tệ phổ biến trong hoạt động thanh toán quốc tế như: USD, EUR, AUD, CAD, CHF, JPY, GBP, NZD, SGD, THB, HKD, KRW tại các định chế tài chính hàng đầu thế giới như JP Morgan Chase, Wells Fargo, Citibank, Deutsche Bank, Standard Chartered Bank, ANZ, National Bank of Australia, Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Kookmin Bank, v.v.

Đồng thời, để đáp ứng nhu cầu thương mại toàn cầu của khách hàng với công cụ thanh toán và tài trợ thương mại đa dạng (tín dụng thư, nhờ thu, bảo lãnh, v.v.), ACB hiện đang duy trì quan hệ mã khóa song phương trên hệ thống SWIFT (Relationship Management Application - RMA) với gần 650 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng trên khắp thế giới.

Trong quan hệ với các ngân hàng đại lý, ACB luôn đóng vai trò là một đối tác uy tín và chuyên nghiệp, với doanh số giao dịch luôn thuộc nhóm đầu thị trường Việt Nam và chất lượng xử lý giao dịch gần như hoàn hảo, được minh chứng bởi các giải thưởng về chất lượng dịch vụ thanh toán quốc tế xuất sắc trong nhiều năm liền.

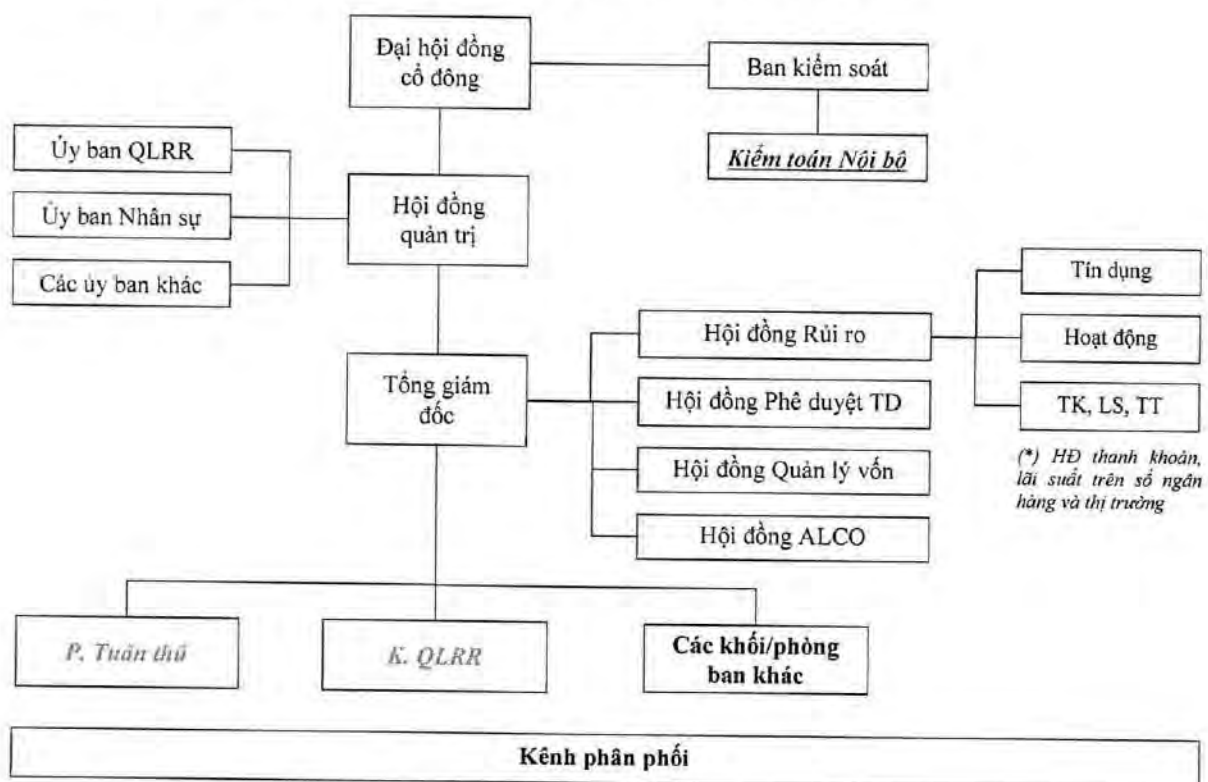
Mặt khác, ACB cũng rất quan tâm đến uy tín của đối tác thông qua việc xây dựng bộ tiêu chí để đánh giá toàn diện và lựa chọn đối tác ngân hàng đại lý, không chỉ tuân thủ quy định của NHNNVN mà còn đáp ứng các chuẩn mực quốc tế và các khuyến nghị của Lực lượng Đặc nhiệm tài chính (FATF).

6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

6.2.1. Tổ chức và trách nhiệm QLRR

a) Cơ cấu tổ chức

Hoạt động quản lý rủi ro được thiết lập trên cơ sở việc xây dựng khung quản lý rủi ro tổng thể, từ đó triển khai các cấu phần phù hợp với quy định của pháp luật, chiến lược kinh doanh của Ngân hàng theo từng giai đoạn. Song song với đó, Ngân hàng thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ theo mô hình ba (03) tuyến bảo vệ độc lập và quy trình quản lý rủi ro đầy đủ các bước (nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro) nhằm đảm bảo kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được mục tiêu đề ra về chiến lược kinh doanh.



(Nguồn: ACB)

b) Giám sát của quản lý cấp cao đối với quản lý rủi ro của ACB được thực hiện như sau:

- ✓ Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức quản lý rủi ro của Ngân hàng, giám sát TGD trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Ủy ban Quản lý rủi ro trong việc:
 - Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro;

- Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNNVN, kiểm toán độc lập và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
 - ✓ Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho HĐQT thực hiện giám sát cấp cao đối với quản lý rủi ro và hiện phê duyệt theo ủy quyền của HĐQT trong từng thời kỳ.
 - ✓ TGD giám sát các cá nhân, đơn vị trên cơ sở đề xuất, tham mưu của HĐRR trong việc:
 - Lập quy trình xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro;
 - Thực hiện chính sách quản lý rủi ro và đánh giá chính sách quản lý rủi ro đảm bảo chính sách quản lý rủi ro được lập cho thời gian tối thiểu 3 năm nhưng không quá 5 năm, được xem xét hàng năm để phù hợp với môi trường kinh doanh, pháp lý để đạt được mục tiêu quản lý rủi ro; phù hợp với các lợi ích của cổ đông; mức độ vốn tự có và các nguồn tăng vốn tự có; đảm bảo có tính kế thừa, liên tục phù hợp với chu kỳ kinh tế;
 - Xây dựng và thực hiện hạn mức rủi ro, đề xuất phân bổ hạn mức rủi ro theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động nghiệp vụ và các biện pháp xử lý nếu không đáp ứng được các hạn mức đó;
 - Thực hiện các chỉ đạo của HĐQT trong việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo yêu cầu, kiến nghị của NHNNVN, kiểm toán độc lập và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - Tự đánh giá, tự kiểm tra về quản lý rủi ro và đề xuất HĐQT các biện pháp khắc phục và xử lý.
 - ✓ Hội đồng rủi ro (bao gồm Hội đồng rủi ro tín dụng, Hội đồng rủi ro thanh khoản, lãi suất trên sổ ngân hàng và thị trường, Hội đồng rủi ro hoạt động) tham mưu cho TGD các công việc thuộc thẩm quyền của TGD về giám sát cấp cao đối với quản lý rủi ro và thực hiện phê duyệt theo ủy quyền của TGD trong từng thời kỳ. Tùy theo mức độ trọng yếu của các rủi ro khác tại ngân hàng, TGD thành lập HĐRR cho rủi ro đó phù hợp với các quy định của pháp luật.
- c) **Khối Quản lý rủi ro tổ chức thực hiện các chức năng về quản lý rủi ro của tuyến bảo vệ thứ hai trong mô hình 3 tuyến bảo vệ và có các chức năng sau:**
- Phối hợp với các đơn vị ở tuyến bảo vệ thứ nhất nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát trạng thái rủi ro tín dụng thực tế so với các hạn mức rủi ro để cảnh báo,

nhận biết sớm rủi ro và nguy cơ vi phạm; đề xuất biện pháp giảm thiểu rủi ro phát sinh;

- Xây dựng và thực hiện hạn mức rủi ro, đề xuất phân bổ hạn mức rủi ro theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động nghiệp vụ; thực hiện các biện pháp xử lý khi không đáp ứng được các hạn mức rủi ro;
- Tự kiểm tra, đánh giá về quản lý rủi ro và đề xuất HĐQT các biện pháp xử lý, khắc phục;
- Xây dựng và sử dụng các phương pháp, mô hình đánh giá và đo lường rủi ro, hướng dẫn các đơn vị tuyến bảo vệ thứ nhất sử dụng, đo lường tác động của rủi ro đến các mục tiêu tài chính, phi tài chính;
- Tùy theo nguồn lực và mức độ biến động của thị trường, lập kịch bản kiểm tra sức chịu đựng dựa trên cơ sở phối hợp với bộ phận kinh doanh, Phòng tuân thủ và các bộ phận khác có liên quan nhằm đảm bảo có đầy đủ nguồn lực trước sự thay đổi của môi trường kinh doanh.

d) Phòng Tuân thủ được tổ chức, tùy theo quy mô hoạt động của Ngân hàng, bao gồm các chức năng sau:

- Đảm bảo các quy định nội bộ của ACB tuân thủ quy định tại Điều 93 Luật Các tổ chức tín dụng; đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại; đảm bảo được ban hành đúng thẩm quyền; được đánh giá định kỳ về tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật và sửa đổi, bổ sung (nếu cần thiết);
- Báo cáo các vi phạm nghiêm trọng trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, thay đổi quy định liên quan của pháp luật theo quy định nội bộ của ngân hàng;
- Hỗ trợ các bộ phận liên quan trong việc xây dựng, rà soát quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật; xử lý các vướng mắc về việc tuân thủ quy định của pháp luật theo quy định nội bộ của ngân hàng.

6.2.2. Chiến lược quản lý rủi ro trọng yếu

a) Rủi ro tín dụng

ACB đã ban hành và thực hiện theo các chính sách, quy định về chiến lược quản lý rủi ro tín dụng, gồm có:

- Định hướng chính sách tín dụng.

- Tổ chức thực hiện việc tách bạch chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức để kiểm soát xung đột lợi ích theo nguyên tắc cá nhân, bộ phận có chức năng thẩm định tín dụng với cá nhân, bộ phận có chức năng quan hệ khách hàng, thẩm định lại, phê duyệt cấp tín dụng, kiểm soát hạn mức rủi ro tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng có vấn đề, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro tín dụng.
- Ban hành các quy định nội bộ về các loại tài sản bảo đảm và các biện pháp giảm thiểu rủi ro khác để giảm thiểu rủi ro tín dụng; quy định về phương pháp xác định giá trị TSBĐ và hướng dẫn kiểm tra, tái thẩm định TSBĐ định kỳ để quản lý rủi ro biến động giá TSBĐ.
- Quy định chi tiết về các nội dung tối thiểu cần thẩm định cũng như hướng dẫn thẩm định tín dụng.
- Quy định cụ thể về cấp thẩm quyền phê duyệt các quyết định có rủi ro tín dụng.
- Quy định cụ thể về việc kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi cho vay, đồng thời cũng đã có quy định cụ thể về trách nhiệm, thẩm quyền trong việc lập, lưu trữ hồ sơ tín dụng.
- Ban hành chính sách về khoản cấp tín dụng có vấn đề, trong đó có quy định cụ thể các nội dung về tiêu chí, phương pháp xác định khoản cấp tín dụng có vấn đề; đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng; khả năng thu hồi nợ từ TSBĐ; các biện pháp xử lý, cơ cấu nợ, thu hồi nợ và xác định trách nhiệm cá nhân, bộ phận liên quan đến khoản cấp tín dụng có vấn đề để có biện pháp xử lý.
- Ban hành các quy định để triển khai các hoạt động về Nhận diện rủi ro, Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, Đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro tín dụng, Kiểm tra sức chịu đựng.
- Quản lý rủi ro tín dụng tập trung trên cơ sở các quy định về nguyên tắc xác định hạn mức rủi ro tín dụng tập trung, áp dụng cho một khách hàng, khách hàng và người có liên quan, theo sản phẩm tín dụng, ngành, lĩnh vực kinh tế.
- Quản lý nhóm khách hàng có liên quan trên cơ sở các quy định chi tiết về quản lý nhóm khách hàng có liên quan, bao gồm cách xác định nhóm khách hàng có liên quan, cách lưu trữ thông tin người có liên quan cũng như đánh giá rủi ro cấp tín dụng trên cơ sở hợp nhất, riêng lẻ của khách hàng và người có liên quan.
- ACB cũng đã xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ: Đây là mô hình xếp hạng lượng hóa các tiêu chí để đánh giá khả năng (xác suất) khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận (bao gồm cả các yếu tố kinh tế - xã hội vĩ mô, môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng). Tùy thuộc vào yêu cầu của

NHNNVN, chiến lược kinh doanh và yêu cầu quản lý rủi ro, ACB ban hành quyết định sử dụng các mô hình đo lường rủi ro và quy định về quản lý rủi ro mô hình tại từng giai đoạn cụ thể.

b) Rủi ro thị trường

- Chiến lược quản lý rủi ro thị trường được triển khai theo quy định nội bộ tại Thủ tục quản lý rủi ro thị trường, áp dụng cho danh mục trên sổ kinh doanh, bao gồm các hoạt động tự doanh trái phiếu, vàng, ngoại hối. Trong đó, quy trình đầy đủ của hoạt động quản lý rủi ro thị trường cũng như quy tắc ứng xử được quy định chi tiết trong ba trường hợp là diễn biến bình thường, yếu tố thị trường biến động mạnh và phát sinh sản phẩm mới có khả năng gây ra rủi ro thị trường.
- Chiến lược quản lý rủi ro thị trường được triển khai đến các đơn vị kinh doanh thông qua việc theo dõi việc và kiểm soát việc tuân thủ các hạn mức quy mô, hạn mức ngăn lỗ, hạn mức lỗ tối đa ước tính theo từng danh mục sản phẩm và loại tiền kinh doanh.

c) Rủi ro hoạt động

- Nhận dạng rủi ro hoạt động và thiết lập chốt kiểm soát RRHĐ trong các quy trình nghiệp vụ, sản phẩm/dịch vụ, hoạt động mới/ hiện hữu/cải tiến đã và đang được ACB triển khai thông qua Thủ tục thiết kế phát triển mới, cải tiến sản phẩm/dịch vụ và Thủ tục đánh giá rủi ro vận hành được ban hành điều chỉnh, bổ sung nội dung trong năm 2019 và dựa vào các phương pháp/công cụ: Sơ đồ hóa các quy trình nghiệp vụ; Lập bảng phân tích rủi ro quy trình (process risk analysis - PRA) để xác định rủi ro và các yêu cầu kiểm soát và giảm thiểu rủi ro.
- Đánh giá hiệu quả chốt kiểm soát, thực hiện kiểm tra; giám sát tồn quỹ tại các đơn vị trên toàn hệ thống; thiết lập và giám sát danh mục rủi ro hoạt động trọng yếu trong hoạt động vận hành tín dụng và vận hành giao dịch ngân quỹ; ban hành bộ tiêu chí cho việc thiết lập chỉ số đo lường rủi ro (key risk index - KRI) đối với nghiệp vụ tín dụng, giao dịch, ngân quỹ và báo cáo sự cố rủi ro hoạt động.
- Ngoài ra ACB còn thực hiện quản lý đối với các hoạt động thuê ngoài, hoạt động ứng dụng công nghệ; mua bảo hiểm giảm thiểu tổn thất xảy ra trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
- Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục được xây dựng và triển khai thực tế (điển hình như điều kiện dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp như hiện nay), rà soát định kỳ tối thiểu

hàng năm để xác định mức độ hiệu quả của kế hoạch duy trì hoạt động liên tục và chỉnh sửa (nếu cần thiết).

d) Rủi ro thanh khoản

- Chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản được triển khai thành các bước cụ thể; trong đó, quy định rõ: việc nhận dạng, đo lường và kiểm soát rủi ro thanh khoản được thực hiện ngay từ đơn vị kinh doanh, việc định kỳ thực hiện theo dõi và giám sát tình hình thanh khoản của ngân hàng do đơn vị quản lý rủi ro chuyên trách. Kết quả của công tác giám sát trạng thái thanh khoản và các cảnh báo sớm được thông tin đến các cá nhân, đơn vị liên quan để kịp thời đưa ra các hành động kiểm soát phù hợp trong các trường hợp thanh khoản ổn định, khi phát hiện dấu hiệu căng thẳng thanh khoản hoặc khi sự cố thanh khoản diễn ra.
- Ngân hàng đã thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản. Kết quả kiểm tra sức chịu đựng được báo cáo đến các cấp có thẩm quyền, làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch kinh doanh và chính sách, hạn mức rủi ro thanh khoản.
- Các tiêu chí dùng trong việc đánh giá thanh khoản, kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản được đánh giá lại mỗi năm một lần hoặc thường xuyên hơn tùy vào tình hình thực tế.

e) Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

- Hoạt động quản lý rủi ro lãi suất được áp dụng đối với danh mục tài sản nợ và tài sản có nội và ngoại bảng trên phạm vi sổ ngân hàng. Trong đó, đã có đầy đủ quy trình cũng như quy tắc ứng xử được quy định chi tiết trong ba trường hợp điều kiện bình thường, điều kiện lãi suất biến động mạnh và khi phát sinh sản phẩm mới có rủi ro lãi suất.
- ACB theo dõi và kiểm soát rủi ro lãi suất thông qua các hạn mức liên quan đến các danh mục quan trọng như trái phiếu Chính phủ và tài sản có nhạy lãi. Các hạn mức, phương pháp, mô hình, giả định và tham số áp dụng được thống nhất, sử dụng và được rà soát, đánh giá trong năm nhằm đảm bảo phương pháp, mô hình và hạn mức liên tục được cập nhật phù hợp với tình hình thực tế.

f) Các rủi ro còn lại (bất khả kháng, pháp lý, v.v.)

Các rủi ro còn lại được phân công cho các đơn vị quản lý chuyên môn tiến hành nhận dạng và quản lý.

6.2.3. Hệ thống thông tin quản lý

Để quản lý rủi ro hiệu quả, Ngân hàng xây dựng hệ thống thông tin quản lý, có các yếu tố sau:

- Thu thập, xử lý, lưu trữ, cung cấp thông tin, xây dựng, gửi, tiếp nhận và xử lý các báo cáo về quản lý rủi ro. Các thông tin rủi ro trọng yếu theo quy định tại văn bản này và các yêu cầu của NHNNVN được ưu tiên thực hiện. Các thông tin về sản phẩm mới, thị trường mới, các tổn thất và nguy cơ tổn thất sẽ được chuyển kịp thời tới Khối QLRR theo các quy trình báo cáo tổn thất và thu thập tổn thất.
- Đảm bảo việc trao đổi thông tin tới mọi cá nhân ở tất cả các cấp (từ cấp HĐQT đến các cấp thực thi), các bộ phận có liên quan trong hoạt động quản lý rủi ro nhằm hiểu rõ, nhận thức thống nhất và đầy đủ các chính sách, quy định, mục tiêu quản lý rủi ro của Ngân hàng.
- Thông tin, dữ liệu được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời đáp ứng các yêu cầu quản lý của ngân hàng tuân thủ các quy định của NHNNVN về quản lý rủi ro; các nguồn thông tin được kiểm tra mức độ tin cậy. Ngân hàng tổ chức hệ thống thông tin tập trung nhằm bảo đảm sự đồng nhất thông tin trong báo cáo và quản lý rủi ro tại các cấp (từ các cấp quản lý đến HĐQT).
- Hệ thống thông tin được bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu và có hệ thống dự phòng để bảo đảm việc lưu trữ, sử dụng thông tin được an toàn, hiệu quả và không bị gián đoạn.
- Hệ thống thông tin được đánh giá định kỳ và được nâng cấp, cập nhật theo nhu cầu thông tin quản lý và mức độ phức tạp của hồ sơ rủi ro của Ngân hàng.
- Hệ thống thông tin báo cáo đảm bảo nguyên tắc cung cấp thông tin với tần suất càng cao đối với những rủi ro cao.

6.2.4. Văn hóa quản lý rủi ro

Song song với hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý rủi ro của ACB ngày càng triển khai hiệu quả và tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế và từ đó góp phần hình thành nên văn hóa quản lý rủi ro. Văn hóa quản lý rủi ro (risk culture) được hiểu là tư duy, thái độ và hành động của cá nhân trong một tổ chức đối với rủi ro và quản lý rủi ro ở tổ chức đó. Với mục tiêu cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận đạt được trong mọi quyết định; hệ thống văn bản chính sách, quy định hướng dẫn được ban hành đầy đủ để đảm bảo thực thi công việc và hạn chế rủi ro; chú trọng đào tạo, tự đào tạo kiến thức, kỹ năng quản lý rủi ro đã thúc đẩy hoạt động ngân hàng lành mạnh, giảm thiểu xung đột lợi ích và duy trì văn hóa xuyên suốt ACB. Trong tương lai, ngoài hướng đến sự phát triển bền vững, đạt được các mục tiêu chiến lược đã đặt ra, ACB còn chú trọng đến công tác quản trị nhân sự sao cho mỗi nhân viên ACB là một nhà quản trị rủi ro hiệu quả.

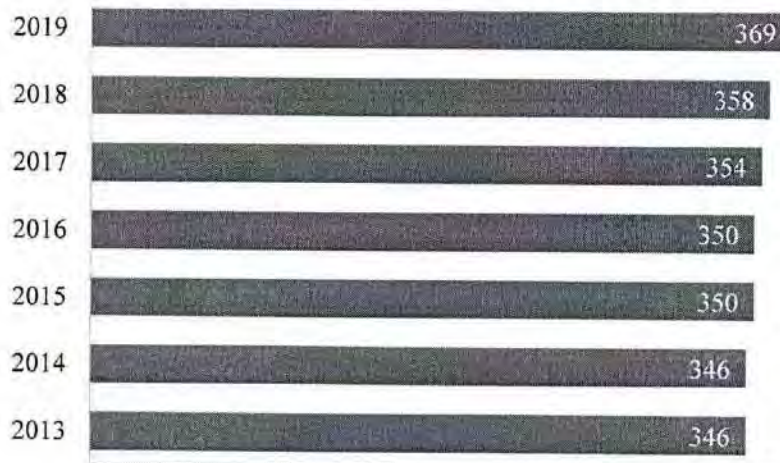
6.3. Thị trường hoạt động

6.3.1. Mạng lưới chi nhánh

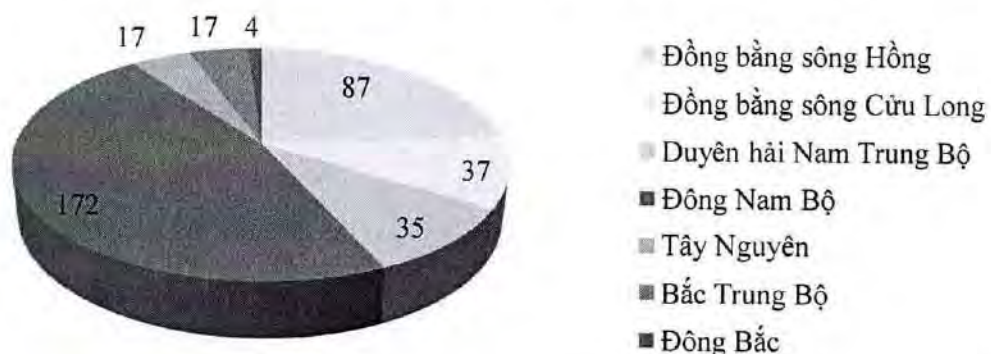
Tính đến thời điểm 30/09/2020, ACB có 1 hội sở chính và 369 đơn vị kinh doanh (bao gồm 92 chi nhánh và 277 phòng giao dịch), hoạt động tại 47 tỉnh thành trong cả nước. Bắt đầu từ năm 2015, ACB đầu tư vào cơ sở vật chất, nhận diện thương hiệu mới tại các chi nhánh và phòng giao dịch để nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Ngân hàng đã triển khai mạng lưới 869 máy ATM, CDM và 9.481 máy POS đặt tại các cửa hàng, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, công ty du lịch, khách sạn, v.v. để phục vụ hoạt động thanh toán dịch vụ và hàng hóa của khách hàng. Để hỗ trợ hoạt động kinh doanh tại các chi nhánh, ACB có Trung tâm thẻ, Trung tâm ATM, Phòng Chuyển tiền nhanh, Trung tâm dịch vụ khách hàng 24/7.

Số lượng chi nhánh và phòng giao dịch của ACB trong giai đoạn 2013-2019

Số lượng chi nhánh và phòng giao dịch qua các năm



Số lượng chi nhánh và phòng giao dịch chia theo vùng địa lý



Tp. Hồ Chí Minh luôn là khu vực đầu tàu về tăng trưởng và chiếm tỷ trọng lớn trong thị phần của ACB, với mạng lưới 137 chi nhánh và phòng giao dịch, chiếm 65% tổng huy động, 47% tổng cho vay và mang lại 55% tổng doanh thu cho toàn hệ thống. Ngoài khu vực Tp. Hồ Chí Minh, thì các vùng Đông Nam Bộ, Đông Bắc Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long cũng là các thị trường trọng yếu của Ngân hàng.

Bảng 8: Cơ cấu danh mục theo khu vực tại 31/12/2019

Khu vực	Số lượng CN & PGD	Tỷ trọng Huy động	Tỷ trọng cho vay	Tỷ trọng doanh thu
Hồ Chí Minh	137	65%	47%	55%
Đông Nam Bộ	35	7%	14%	12%
Miền Trung	58	5%	14%	10%
Hà Nội	55	12%	9%	10%
Đồng Bằng Sông Cửu Long	37	4%	8%	6%
Đông Bắc Bộ	26	5%	5%	4%
Nam Hà Nội	21	3%	4%	3%
Tổng	369	100%	100%	100%

(Nguồn: ACB)

6.3.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Tính đến thời điểm 30/09/2020, ACB đang phục vụ cho khoảng 3,1 triệu khách hàng, trong đó khách hàng cá nhân chiếm ưu thế với 95% tổng danh mục. ACB có nhiều kênh giao dịch để phục vụ khách hàng.

- **Đội ngũ bán hàng trực tiếp:** Là đội ngũ nhân viên bán hàng chủ lực và trực tiếp tại các kênh phân phối. Đội ngũ này phụ trách bán các sản phẩm cho vay, huy động tiền gửi, tư vấn tài chính cá nhân và doanh nghiệp, dịch vụ thẻ, hoạt động thanh toán trong và nước ngoài, kinh doanh bảo hiểm, v.v.
- **Trung tâm Dịch vụ Khách hàng 24/7 (Contact Center 24/7):** Là kênh phục vụ khách hàng liên tục cả ngày cả tuần. Contact Center 24/7 cung cấp dịch vụ ngân hàng và chăm sóc khách hàng qua nhiều kênh liên lạc: điện thoại, email, tư vấn trực tuyến, website, v.v. Một số dịch vụ cơ bản gồm: giới thiệu, hướng dẫn sử dụng và giải đáp thắc mắc của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ của ACB; thực hiện dịch vụ hỗ trợ và chăm sóc khách hàng liên quan đến sản phẩm tiền gửi, tiền vay, thẻ, dịch vụ ngân hàng số; cung cấp các thông tin

tham khảo về tỷ giá, lãi suất, phí, điểm đặt ATM, mạng lưới chi nhánh, v.v. Đồng thời, Contact Center hỗ trợ công tác bán hàng và chăm sóc khách hàng bằng việc thực hiện chào bán, giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ phù hợp đến khách hàng qua điện thoại.

- **ACB - iBanking:** Trên kênh này, khách hàng thực hiện giao dịch trực tuyến mọi lúc mọi nơi thông qua máy tính hoặc thiết bị di động có kết nối Internet tại địa chỉ <https://online.acb.com.vn>. Các dịch vụ hiện có bao gồm tra cứu số dư, chuyển tiền trong nước, mở tiền gửi tiết kiệm online, dịch vụ thẻ, quản lý tài khoản vay, thanh toán hóa đơn, mua vé máy bay/tàu lửa, bán ngoại tệ, mua bảo hiểm và các dịch vụ khác.
- **ACB Mobile App:** Là ứng dụng trên điện thoại thông minh giúp khách hàng thuận tiện sử dụng các dịch vụ tài chính suốt 24 giờ. Kể từ khi ra mắt ACB Mobile App vào tháng 6/2019, số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ tăng trưởng tốt nhờ vào các tính năng thân thiện với người dùng. Các tiện ích hiện có bao gồm tra cứu số dư, chuyển tiền trong nước, mở tiền gửi tiết kiệm online, thanh toán và truy vấn thẻ, quản lý tài khoản vay, thanh toán hóa đơn, mua vé máy bay/tàu lửa, thanh toán bằng QR, mua bảo hiểm và các dịch vụ thanh toán khác.
- **Dịch vụ SMS Banking:** Dịch vụ SMS Banking phục vụ cho những khách hàng không được kết nối internet. Các dịch vụ bao gồm tra cứu số dư, thanh toán hóa đơn, nạp tiền vào điện thoại trả trước, OTP cho các giao dịch thanh toán.
- **Mạng lưới ATM và CDM:** ACB có mạng lưới ATM phủ sóng hầu hết các tỉnh thành của Việt Nam; đáp ứng nhu cầu rút tiền mặt, tra cứu số dư, chuyển khoản của khách hàng, v.v. 24/7. Tính năng mới mà ACB đã đưa vào hoạt động gần đây là máy nộp tiền mặt (CDM), ngoài các tính năng của ATM, còn có tính năng giúp khách hàng nộp tiền vào tài khoản nhanh chóng, tiện lợi mà không cần đến quầy giao dịch để thực hiện.

6.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Trong 27 năm hoạt động, ACB thường xuyên đạt mức tăng trưởng cao hơn bình quân ngành, nhờ đó thị phần luôn được duy trì và mở rộng trong thời gian qua. Cuối năm 2019, thị phần huy động của ACB chiếm 3,56%, tăng 7 điểm và thị phần cho vay đạt 3,07%, tăng 12 điểm so với đầu năm. Riêng năm 2019, kết quả hoạt động của ACB là:

- Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần (ROE) đạt 24,6%, thuộc nhóm những ngân hàng dẫn đầu thị trường.
- Tăng trưởng tín dụng đạt 17% cao hơn bình quân ngành (13,75%).

- Tỷ lệ nợ xấu thấp ở mức 0,54%, thuộc nhóm thấp nhất trong ngành.
- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu thuộc những ngân hàng dẫn đầu với 175%.
- Xếp hạng tín nhiệm cao trong hệ thống ngân hàng: xếp hạng của Moody là Ba3; xếp hạng của Fitch là B+.

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Với mục tiêu xây dựng “Ngân hàng tương lai” trong giai đoạn 2019-2024, ACB đã thành lập Văn phòng Quản lý chuyển đổi, thay cho Văn phòng Quản lý dự án chiến lược, để quản lý và thúc đẩy sự chuyển đổi của Ngân hàng trong năm năm tới thông qua các dự án chiến lược, với tổng ngân sách cho giai đoạn 1 (2019 - 2021) là 102 tỷ đồng. Trong mỗi chiến lược, lộ trình để cải thiện được thiết kế, phát triển và triển khai liên tục, cụ thể:

Các dự án chiến lược trong giai đoạn 2019-2024

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai	Thời gian dự kiến hoàn thành
Triển khai nền tảng Ngân hàng giao dịch (transaction banking)	ACB là ngân hàng nội địa đầu tiên ra mắt nền tảng Ngân hàng giao dịch cho các khách hàng doanh nghiệp lớn để cải thiện cách quản lý và giao dịch trên tài khoản của khách hàng.	Các chức năng đầu tiên được ra mắt vào tháng 6 năm 2019; các chức năng thanh toán trong nước/ tài khoản lương được thêm vào tháng 6 năm 2020; và lộ trình cho các chức năng khác có liên quan đến thanh toán sẽ được bổ sung trong năm 2021.	Các chức năng tiếp theo được dự kiến triển khai ngay sau Tết 2021.
Xây dựng hệ giá trị mang lại cho khách hàng doanh nghiệp	Thiết kế các giải pháp mới để cải thiện hệ giá trị mang lại cho khách hàng doanh nghiệp.	Các giải pháp đã được ra mắt vào năm 2020 bao gồm thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ cho các khách hàng doanh nghiệp, quy trình mở tài khoản doanh nghiệp trực tuyến được đơn giản hóa; các giải pháp khác được cải	Nhiều giải pháp mới đang được thực hiện để ra mắt vào cuối năm 2020.

		thiện để triển khai vào cuối năm.	
Xây dựng hệ giá trị mang lại cho khách hàng cá nhân	Phát triển các giải pháp mới để cải thiện các tính năng và trải nghiệm của khách hàng nhằm đưa ra những sản phẩm cốt lõi cho khách hàng cá nhân.	Các giải pháp được thiết kế để đáp ứng nhu cầu thiết yếu, bao gồm các giải pháp tài chính và phi tài chính cho các phân đoạn khách hàng trọng yếu.	Nhiều giải pháp mới đang được thực hiện để ra mắt vào cuối năm 2020.
Chuyển đổi quy trình tín dụng	Tự động hóa và số hóa toàn bộ quy trình tín dụng thông qua việc sử dụng các thiết bị công nghệ mới để cải thiện trải nghiệm khách hàng, tiết kiệm chi phí, và đưa ra quyết định tín dụng chất lượng.	Các cải tiến được thực hiện gần đây trên hệ thống CLMS (Hệ thống quản lý hoạt động cho vay) và đơn giản hóa của các thông tin cần thiết cho việc thẩm định để cải thiện thời gian xử lý hồ sơ; các sáng kiến cải thiện quy trình đang thực hiện bao gồm quy trình nộp đơn, thẩm định, phê duyệt và giải ngân.	Các cải tiến theo đúng tiến độ được ra mắt vào quý 2 năm 2020.
Cải thiện năng suất các kênh giao dịch	Cải thiện hiệu quả hoạt động vận hành thông qua việc tái cấu trúc/ tự động hóa các quy trình trọng yếu; các hành động để tăng tốc việc chuyển dịch các giao dịch tại quầy sang các kênh ngân hàng điện tử; và các cải thiện trong việc quản lý để tăng năng suất kinh doanh.	Quy trình mở tài khoản khách hàng cá nhân được đơn giản hóa triển khai vào giữa năm 2020; sáu quy trình vận hành được tái cấu trúc để chuyển giao hiệu quả; các chương trình thử nghiệm được thực hiện để cải thiện hiệu suất bán hàng.	Lộ trình thay thế cho quá trình tái cấu trúc xuyên suốt trong hai quý năm 2020; các chương trình thử nghiệm thành công sẽ được nhân rộng phạm vi toàn quốc vào Quý 3 năm 2020.

(Nguồn: ACB)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của ngân hàng

❖ Tổng tài sản

Tổng tài sản của ACB năm 2019 tăng 16,5% so với năm 2018 và đạt 384 nghìn tỷ đồng, trong đó tài sản sinh lời chiếm 95% tổng tài sản. Đóng góp cho sự tăng trưởng này là từ tăng trưởng tín dụng, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 269 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2018.

Cho vay khách hàng cá nhân là động lực tăng trưởng tín dụng của ACB, đạt 162 nghìn tỷ đồng, tăng 22% so với 2018, chiếm khoảng 60% tổng danh mục cho vay. Cho vay khách hàng doanh nghiệp tăng 9% so với năm 2018 và đạt 107 nghìn tỷ đồng, trong đó chủ yếu tài trợ thương mại trong nước cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. ACB chủ yếu tập trung cho vay ngắn hạn để giảm thiểu rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản.

Mặc dù tín dụng tăng trưởng cao hàng năm nhưng ACB luôn kiểm soát tốt chất lượng tín dụng. Tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2019 là 0,54%, thấp nhất trong hệ thống ngân hàng. Tại thời điểm 31/12/2019, Tỷ lệ dư nợ cho vay/huy động tiền gửi ổn định ở mức ~78%, thấp hơn mức quy định tối đa 80%; Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất đạt 10,9%, tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn về vốn quy định tại Basel II.

Tính đến thời điểm 30/09/2020, tổng tài sản hợp nhất của ACB đạt 419 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm 2019. Cho vay khách hàng đạt 297 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 10,7% so với năm 2019. Cho vay khách hàng cá nhân tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng tín dụng của ACB, chiếm khoảng 61% tổng danh mục cho vay.

Dịch COVID-19 tác động mạnh tới chất lượng tài sản của các ngân hàng, làm gia tăng tỷ lệ nợ xấu trong 9 tháng đầu năm 2020, tuy nhiên ACB vẫn tiếp tục duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức 0,83%, mức thấp trong hệ thống ngân hàng. Tại thời điểm 30/09/2020, tỷ lệ dư nợ cho vay/huy động tiền gửi ổn định ở mức 79%, thấp hơn quy định tối đa 85%.

Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2018 đến 30/9/2020 (Ngân hàng mẹ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9 tháng/2020
1	Tổng giá trị tài sản	328.561	382.886	16,5%	416.920
2	Vốn chủ sở hữu	20.674	27.329	32,2%	32.357

3	Doanh thu	13.795	15.777	14,4%	12.680
4	Chi phí hoạt động	6.541	8.149	24,6%	5.718
5	Thuế và các khoản phải nộp	1.229	1.472	19,8%	1.251
6	Lợi nhuận trước thuế	6.353	7.390	16,3%	6.259
7	Lợi nhuận sau thuế	5.124	5.918	15,5%	5.007
8	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	28,18%	24,66%	-12,5%	22,26%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Ngân hàng mẹ)

Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2018 đến 30/9/2020 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9 tháng/2020
1	Tổng giá trị tài sản	329.333	383.514	16,5%	418.748
2	Vốn chủ sở hữu	21.018	27.765	32,1%	32.919
3	Doanh thu	14.033	16.097	14,7%	12.966
4	Chi phí hoạt động	6.712	8.308	23,8%	5.861
5	Thuế và các khoản phải nộp	1.252	1.506	20,3%	1.278
6	Lợi nhuận trước thuế	6.389	7.516	17,6%	6.411
7	Lợi nhuận sau thuế	5.137	6.010	17,0%	5.133
8	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	27,73%	24,64%	-11,1%	22,88%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Hợp nhất)

❖ Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu năm 2019 tăng 32,1% so với năm 2018 và đạt 28 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ tăng 29% do ACB thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu 30%. Lợi nhuận chưa phân phối đạt 6,4 nghìn tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2018 chủ yếu do kết quả kinh doanh của ACB liên tục tăng trưởng tốt. ACB liên tục tăng trưởng về quy mô nhưng không cần huy động vốn từ cổ đông, tiếp tục chi trả cổ tức hàng năm, đồng thời xử lý dứt điểm các tài sản tồn đọng, do đó ACB là một trong những ngân hàng có tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu cao nhất trong ngành.

Tính đến thời điểm 30/09/2020, Vốn chủ sở hữu đạt 32,9 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6% so với năm 2019, trong đó vốn điều lệ tăng 30% chủ yếu từ việc ACB hoàn thành thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu 30% (hoàn thành trong tháng 9/2020). ACB tiếp tục duy trì được tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu cao ở mức 22,9%.

Cơ cấu vốn chủ sở hữu từ năm 2018 đến 30/9/2020 (Ngân hàng mẹ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng/giảm 2019/2018	30/9/2020
1	Vốn điều lệ	12.886	16.627	29%	21.616
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	272	100%	272
3	Cổ phiếu quỹ	(666)	(100)	-85%	-
4	Quỹ của tổ chức tín dụng	3.369	4.257	26%	4.257
5	Chênh lệch tỷ giá	-	-	0%	20
6	Lợi nhuận chưa phân phối	5.085	6.273	23%	6.192
Tổng Vốn chủ sở hữu		20.674	27.329	32%	32.357

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Ngân hàng mẹ)

Cơ cấu vốn chủ sở hữu từ năm 2018 đến 30/9/2020 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng/giảm 2019/2018	30/9/2020
1	Vốn điều lệ	12.886	16.627	29%	21.616
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	272	100%	272
3	Cổ phiếu quỹ	(666)	(100)	-85%	0
4	Quỹ của tổ chức tín dụng	3.693	4.596	24%	4.596
5	Chênh lệch tỷ giá				20
6	Lợi nhuận chưa phân phối	5.105	6.370	25%	6.415
Tổng Vốn chủ sở hữu		21.018	27.765	32%	32.919

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Hợp nhất)

❖ **Thu nhập hoạt động**

Tổng thu nhập hoạt động trong năm 2019 của Ngân hàng đạt 16.097 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ 2018. Trong đó thu nhập lãi thuần chiếm 75% tổng thu nhập, đạt 12.112 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2018 nhờ vào môi trường kinh doanh được cải thiện và cấu trúc tài sản ngày càng tốt hơn.

Thu nhập ngoài lãi năm 2019 đạt 3.985 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2018, đóng góp hơn 25% tổng doanh thu. Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi dựa trên nền tảng thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng vượt trội 78% và thu phí dịch vụ tăng 27% so với cùng kỳ. ACB liên tục đẩy mạnh thu nhập từ mảng phí dịch vụ, chủ yếu từ hoạt động bảo hiểm, dịch vụ thẻ, tài khoản thanh toán để nâng cao cơ cấu của mảng thu nhập này trên tổng doanh thu, giảm rủi ro tập trung vào hoạt động tín dụng và đa dạng hóa nguồn thu nhập. Ngoài ra, thu nhập thuần từ hoạt động khác trong 2 năm 2018 và 2019 tăng cao so với năm 2017, lần lượt đạt 1.815 tỷ đồng và 1.500 tỷ đồng, chủ yếu do ACB đẩy mạnh thu hồi các khoản nợ xấu đã sử dụng dự phòng xử lý.

Trong 9 tháng đầu năm 2020, tổng thu nhập hoạt động của ngân hàng đạt 12.966 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ 2019. Trong đó thu nhập lãi thuần chiếm 78% tổng thu nhập, đạt 10.166 tỷ đồng, tăng 15,8% so với cùng kỳ 2019. Thu nhập ngoài lãi đạt 2.800 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó thu nhập từ chứng khoán đầu tư tăng mạnh so với cùng kỳ, đạt 700 tỷ đồng do ACB chủ động thoái các khoản đầu tư ra ngoài danh mục khi thị trường thuận lợi.

Cơ cấu thu nhập hoạt động từ năm 2018 đến 30/9/2020 (Ngân hàng mẹ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9 tháng/2020
1	Thu nhập lãi thuần	10.160	11.894	17%	9.997
2	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	1.340	1.813	35%	1.195
3	Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	240	430	79%	488
4	Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(31)	51	-267%	96
5	Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	169	54	-68%	700

6	Thu nhập thuần từ hoạt động khác	1.813	1.500	-17%	200
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	104	34	-68%	4
Tổng thu nhập hoạt động		13.795	15.777	14%	12.680

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Ngân hàng mẹ)

Cơ cấu thu nhập hoạt động từ năm 2018 đến 30/9/2020 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9 tháng/2020
1	Thu nhập lãi thuần	10.363	12.112	17%	10.166
2	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	1.498	1.896	27%	1.289
3	Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	241	430	78%	489
4	Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-78	75	-196%	103
5	Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	169	54	-68%	700
6	Thu nhập thuần từ hoạt động khác	1.815	1.500	-17%	214
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	26	29	9%	6
Tổng thu nhập hoạt động		14.033	16.097	15%	12.966

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Hợp nhất)

❖ Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động trong năm 2019 đạt 8.308 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2018, trong đó chi phí nhân viên tăng 17%, chi về tài sản tăng 19%, chi phí quản lý tăng 17%. Chi phí cho nhân viên và chi phí quản lý chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí hoạt động, lần lượt là 45% và 27%. Đó cũng chính là chiến lược mà ACB đang tập trung đẩy mạnh phân bổ ngân sách, đầu tư chiến lược cho các nhiệm vụ phát triển dài hạn như các dự án nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, tăng chi phí nhân sự thu hút nhân tài và tổ chức các cuộc thi sáng tạo nhằm đưa ngân

hàng đến gần hơn với cuộc cách mạng công nghệ tài chính. ACB liên tục cải thiện tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động để đưa tỷ lệ này về mức 40% trong những năm tiếp theo.

Trong 9 tháng đầu năm 2020, chi phí hoạt động được kiểm soát tốt, đạt 5.861 tỷ đồng, trong đó chi phí nhân viên và chi phí cho hoạt động quản lý công cụ chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí hoạt động lần lượt với 54% và 21%. Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động đạt 45%.

Cơ cấu chi phí hoạt động từ năm 2018 đến 30/9/2020 (Ngân hàng mẹ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9 tháng/2020
1	Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	13	13	(2)%	13
2	Chi phí cho nhân viên	3.105	3.660	18%	3.088
3	Chi về tài sản	1.357	1.624	20%	1.264
4	Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.910	2.243	17%	1.253
5	Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	302	330	9%	277
6	Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn và dự phòng nợ khó đòi	(147)	278	(289)%	(175)
Tổng chi phí hoạt động		6.541	8.149	25%	5.718

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Ngân hàng mẹ)

Cơ cấu chi phí hoạt động từ năm 2018 đến 30/9/2020 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9 tháng/2020
1	Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	14	13	(2)%	13
2	Chi phí cho nhân viên	3.221	3.763	17%	3.182
3	Chi về tài sản	1.379	1.643	19%	1.280

4	Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.944	2.279	17%	1.284
5	Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	302	330	9%	277
6	Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn và dự phòng nợ khó đòi	(147)	279	(289)%	(175)
Tổng chi phí hoạt động		6.712	8.308	24%	5.861

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý 3/2020 – Hợp nhất)

❖ Lợi nhuận

Năm 2018 là năm đầu tiên có sự tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng sau khi xử lý dứt điểm các tài sản còn tồn đọng, quay trở lại vị thế của một trong ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam. Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 6.389 tỷ đồng, tăng 141% so với cùng kỳ năm 2017. Với kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt cũng đánh dấu là năm ACB có tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu cao nhất ngành với 27,7%. Bước qua năm 2019, ACB bắt đầu xây dựng chiến lược 5 năm để xây dựng “Ngân hàng của tương lai.” Các kết quả đạt được trong trong năm cho thấy sự tăng trưởng liên tục, tạo một nền tảng vững chắc cho các năm tiếp theo. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế trong năm 2019 đạt 7.516 tỷ đồng, tăng 17,6% so với năm 2018, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu cao ở mức 24,6%.

Tính đến 9 tháng đầu năm 2020, lợi nhuận trước thuế của ACB đạt 6.411 tỷ đồng, tăng 15,29% so với cùng kỳ năm 2019, hoàn thành 83,96% so với kế hoạch 7.636 tỷ đồng của năm 2020 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua. Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu là 22,88%.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng

7.2.1. Thuận lợi

Hoạt động của ACB trong năm 2018 và 2019 tăng trưởng ấn tượng nhờ có sự hỗ trợ từ các yếu tố vĩ mô cùng như năng lực nội tại. Các yếu tố vĩ mô tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh gồm:

- Nền kinh tế Việt Nam năm 2019 đã duy trì được đà tăng trưởng khả quan, quý sau cao hơn quý trước, cả năm đạt mức 7,02%, vượt mục tiêu 6,8% và là năm thứ 2 liên tiếp tăng trưởng trên 7%. Các lĩnh vực quan trọng như công nghiệp chế biến chế tạo, thương mại dịch vụ, xuất nhập khẩu đều tăng vượt dự báo nhờ duy trì tổng đầu tư toàn xã hội ở mức cao (tăng 10,2% so 2018); năng suất các nhân tố tổng hợp tăng 46,11% so với mức bình quân 33,58%

của thời kỳ 2011-2015, kết hợp với tiêu dùng cá nhân tiếp tục mở rộng (tổng mức bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng tăng 11,8% so 2018, cao nhất giai đoạn 2016-2019). Xuất siêu đạt 10 tỷ USD, là mức cao chưa từng có.

- Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp xa so với mục tiêu 4% cả năm, bình quân 2,79%, là kết quả của nỗ lực duy trì ổn định vĩ mô, làm nền tảng cho tăng trưởng bền vững. Năm 2019 là năm thứ 4 liên tiếp Việt Nam đưa lạm phát xuống dưới 5%/năm, tạo điều kiện để doanh nghiệp và dân cư vững tin hơn vào đồng tiền Việt Nam, có những quyết định dài hạn hợp lý trong đầu tư kinh doanh cũng như tiêu dùng.
- Chính sách tiền tệ được điều hành thận trọng, linh hoạt với phương châm ưu tiên ổn định vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng, dựa nhiều hơn vào những nguyên tắc vận hành của thị trường, có những biện pháp để vừa xử lý dần những tồn đọng trong hệ thống, vừa sớm ngăn ngừa những rủi ro dài hạn.
- Việc điều tiết lượng tiền lưu thông, bảo đảm thanh khoản và ổn định lãi suất, tỷ giá được thực hiện thông qua mua bán ngoại tệ, phát hành tín phiếu và các nghiệp vụ thị trường mở khác (OMO); chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước từ nhiều kênh về NHNNVN để kiểm soát tốt hơn lượng tiền cung ứng. Mặt bằng lãi suất được duy trì khá ổn định.
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc vẫn chưa thay đổi (bình quân 3%), song lãi suất điều hành từ tháng 9 năm 2019 được điều chỉnh theo hướng giảm nhẹ: lãi suất tái cấp vốn từ 6,25% xuống 6%; lãi suất tái chiết khấu từ 4,25% xuống 4%; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng từ 7,25% xuống 7%. Riêng lãi suất nghiệp vụ thị trường mở được giảm xuống hai lần, với tổng mức giảm là 0,75% (từ 4,75% còn 4%).
- Hạn mức tăng trưởng tín dụng vẫn được duy trì, song có sự điều chỉnh cho từng ngân hàng thương mại dựa trên khả năng huy động vốn và chất lượng tín dụng. Tính đến cuối năm 2019, tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng 14,2% và tín dụng tăng 13,75% so với cuối năm 2018. Tăng trưởng tín dụng tuy không cao, song vốn cho nền kinh tế vẫn được đáp ứng tương đối đầy đủ, kịp thời. Đó là do các ngân hàng thương mại đã xử lý được đáng kể nợ xấu tồn đọng, ngăn ngừa nợ xấu mới phát sinh, làm cho quy mô và hiệu quả của vốn khả dụng cung ứng cho nền kinh tế tăng lên. Nợ xấu của toàn bộ hệ thống giảm đáng kể.
- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của cả hệ thống tổ chức tín dụng đạt 12,1%. Đã có 18 ngân hàng thương mại được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công nhận đạt tiêu chuẩn Basel II trước thời hạn, chủ yếu là trụ cột về vốn.

Các yếu tố nội tại thuận lợi cho ACB trong quá trình kinh doanh

- Trong các năm qua, Ngân hàng tiếp tục quá trình tái cơ cấu theo chỉ đạo của NHNNVN và xây dựng bảng tổng kết tài sản vững mạnh với khả năng an toàn và thanh khoản cao. Kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt và tỷ suất sinh lợi luôn ở mức cao trong ngành.
- ACB đã xử lý triệt để các tài sản tồn đọng và quản trị rủi ro tín dụng một cách hiệu quả. Mặc dù tăng trưởng tín dụng cao nhưng ACB luôn duy trì tỷ lệ nợ xấu thấp 0.54% (năm 2019); tỷ lệ an toàn vốn đáp ứng các tiêu chuẩn Basel II và cao hơn mức quy định tối thiểu; tỷ lệ quỹ dự phòng rủi ro tín dụng cho nợ xấu luôn ở mức cao 175% (năm 2019).
- ACB liên tục đẩy mạnh phân bổ ngân sách, đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực, thu hút nhân tài để xây dựng các mục tiêu chiến lược trung dài hạn để Ngân hàng phát triển bền vững và có hiệu quả trong tương lai.
- Đội ngũ nhân viên và quản lý có chất lượng, có chuyên môn và kỹ năng xây dựng mối quan hệ gắn bó với khách hàng, đồng thời tư vấn các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với tình hình tài chính và nhu cầu của khách hàng; được thường xuyên đào tạo để thay đổi và cập nhật xu hướng tình thế để cung cấp sản phẩm, dịch vụ, giải pháp ngày càng phù hợp với từng phân đoạn khách hàng cụ thể.

7.2.2. Khó khăn

Những khó khăn mà ACB phải đối mặt đến từ sự sụt giảm tăng trưởng của nền kinh tế quốc tế và sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các ngân hàng nước ngoài và các công ty công nghệ. Cụ thể:

- Nhìn tổng thể, kinh tế thế giới 2019 tăng trưởng chậm dần và diễn ra ở hầu khắp các nước và các khu vực, một mặt là do đã bước vào chu kỳ suy giảm, mặt khác là hệ quả của việc thắt chặt dần chính sách tiền tệ của nhiều ngân hàng trung ương trong năm 2018, cùng với cắt giảm các gói kích thích tài chính nhằm ngăn ngừa khủng hoảng và lạm phát cao có thể xảy ra sau nhiều năm nới lỏng chưa từng có chính sách tiền tệ – tài khóa để thoát ra khỏi khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2008. Tình hình trở nên nghiêm trọng hơn khi trong năm 2020 sự bùng nổ mạnh mẽ của dịch COVID-19 đã làm gián đoạn chuỗi cung ứng của nền kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng mạnh đến khách hàng xuất nhập khẩu, làm cho hoạt động thanh toán quốc tế của ACB cũng chững lại. Dịch bệnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến các ngành du lịch, kinh doanh nhà hàng khách sạn, hậu cần (logistic) tác động đến hoạt động tài trợ tín dụng của ACB cho các khách hàng hoạt động trong lĩnh vực này cũng như cần thực hiện các chính sách như cơ cấu nợ, miễn giảm lãi để hỗ trợ khách hàng vượt qua giai

đoạn khó khăn. Nếu tình hình dịch bệnh kéo dài sẽ ảnh hưởng mạnh đến sức khỏe doanh nghiệp, dẫn đến nợ quá hạn có thể bùng phát và hoạt động kinh doanh tăng trưởng chậm lại trong thời gian tới.

- Số lượng các ngân hàng nước ngoài, các công ty về tài chính, công nghệ gia nhập thị trường ngày càng nhanh và mạnh, áp lực cạnh tranh tăng dần không những cạnh tranh với các ngân hàng truyền thống mà còn phải đối mặt với sự mạnh lên của các công ty fintech. Trong khi đó, hành lang pháp lý chưa thực sự rõ ràng, các công ty fintech có lợi thế về vốn và công nghệ làm cho khả năng cạnh tranh của ngân hàng ngày càng khó khăn hơn. Nắm bắt xu thế tương lai, ACB liên tục đầu tư mạnh vào hệ thống công nghệ thông tin và xây dựng chiến lược dài hạn để nâng cao khả năng cạnh tranh trong tương lai.
- Chính sách miễn giảm phí được các ngân hàng trong nước liên tục đẩy mạnh để phát triển CASA, gia tăng thị phần, phát triển mạng lưới khách hàng làm cho thị trường huy động vốn cạnh tranh gay gắt và đòi hỏi Ngân hàng cần có chính sách phí phù hợp để duy trì và thu hút khách hàng.
- Tình hình huy động vốn ngắn hạn gặp nhiều khó khăn do NHNNVN liên tục hạ trần lãi suất huy động không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 6 tháng. Nhiều công ty đầu tư tài chính nước ngoài gia nhập thị trường với nhiều chính sách ưu đãi làm cho huy động nguồn vốn ngày càng khó khăn hơn.

8. Vị thế của ACB so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của ACB tại Việt Nam

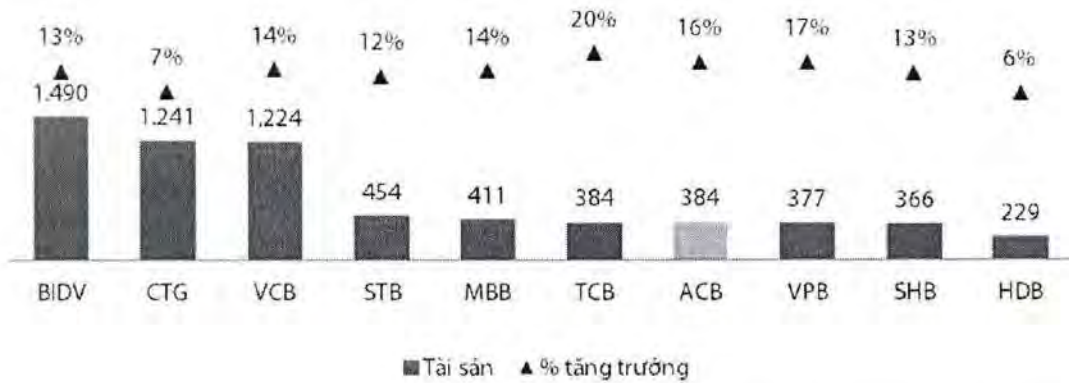
Trải qua 27 năm hình thành và phát triển, ACB đã liên tục tăng trưởng để trở thành một trong vài ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam. Điều này đã được minh chứng qua các tiêu chí sau:

❖ Quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu

Quy mô tổng tài sản liên tục tăng trưởng với mức bình quân 15%/năm trong giai đoạn 2013-2019. Đến cuối năm 2019, quy mô tổng tài sản của ACB đạt 384 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so với 2018, xếp vị trí thứ 7 trong số 10 ngân hàng niêm yết. So với các ngân hàng niêm yết thì ACB thuộc nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần có quy mô tài sản lớn.

Quy mô tổng tài sản của một số ngân hàng – 31/12/2019

Đơn vị tính: nghìn tỷ đồng

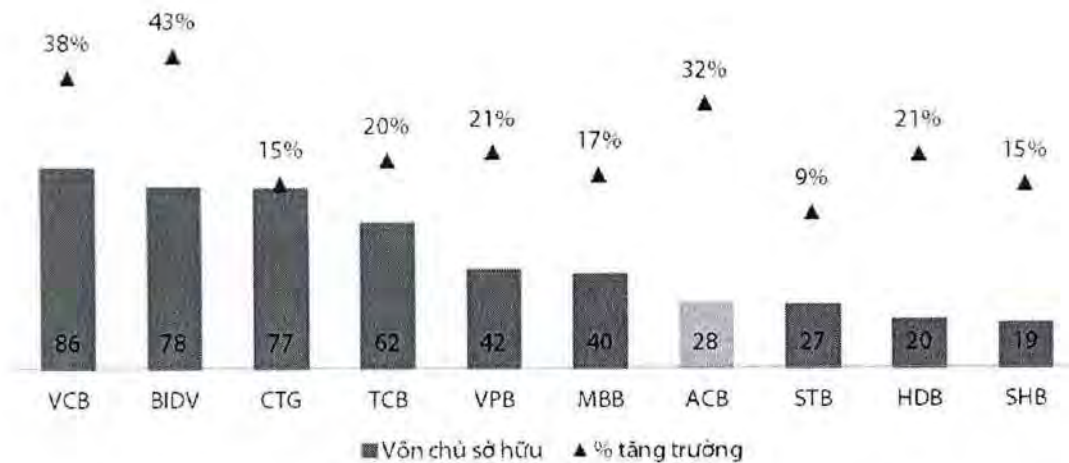


Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của các ngân hàng

Bên cạnh tăng trưởng quy mô tổng tài sản, quy mô vốn chủ sở hữu của ACB tăng trưởng liên tục với mức bình quân 14%/năm trong giai đoạn 2013-2019 mà không cần huy động thêm vốn từ cổ đông. Tính đến 31/12/2019, quy mô vốn chủ sở hữu đạt 28 nghìn tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ 2018, xếp thứ 7 trong số 10 ngân hàng niêm yết. Mặc dù với quy mô vốn chủ sở hữu thấp hơn các ngân hàng thương mại cổ phần khác nhưng quy mô tổng tài sản tăng trưởng tương xứng với các ngân hàng có quy mô lớn, điều này chứng tỏ ACB có khả năng sử dụng và huy động vốn hiệu quả.

Quy mô vốn chủ sở hữu của một số ngân hàng – 31/12/2019

Đơn vị tính: nghìn tỷ đồng



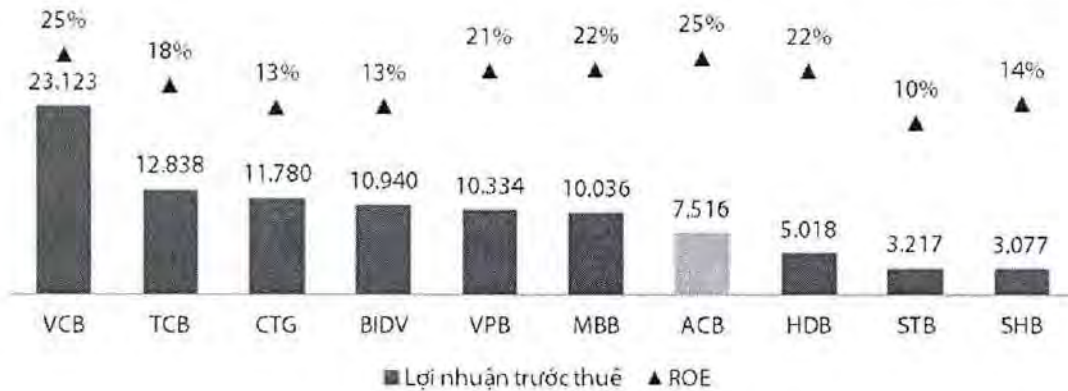
Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của các ngân hàng

❖ **Hiệu quả hoạt động kinh doanh**

Kết quả kinh doanh của ACB đạt được những sự tăng trưởng ấn tượng. Năm 2019, lợi nhuận trước thuế đạt 7.516 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2018. Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân đạt 24,6%, thuộc nhóm ngân hàng hàng đầu tại thị trường Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh của một số ngân hàng – 31/12/2019

Đơn vị tính: tỷ đồng



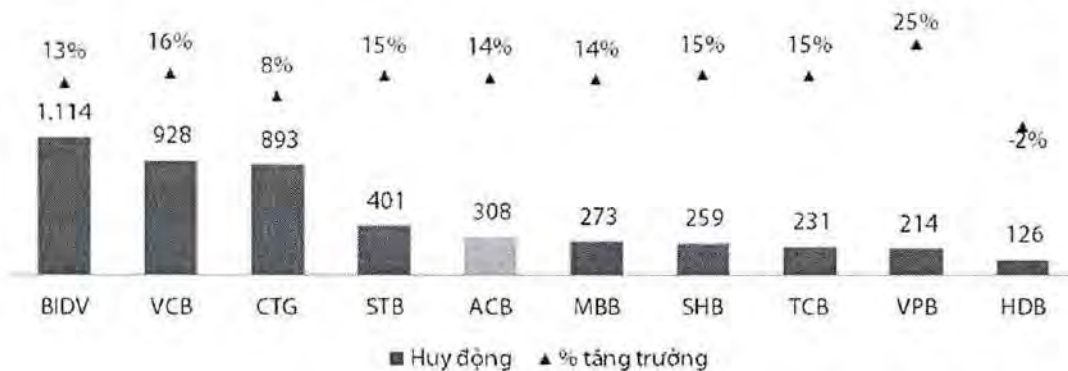
Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của các ngân hàng

❖ **Tốc độ tăng trưởng của huy động vốn và an toàn trong hoạt động tín dụng**

ACB luôn tăng trưởng bền vững và đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động kinh doanh. Quy mô huy động vốn liên tục tăng trưởng tốt nhờ vào nền tảng khách hàng lớn và gắn bó. Đến cuối 2019, huy động từ khách hàng đạt 308 nghìn tỷ đồng, tăng 14% so với 2018, xếp vị trí thứ 5 trong số 10 ngân hàng niêm yết.

Huy động vốn từ khách hàng của một số ngân hàng – 31/12/2019

Đơn vị tính: nghìn tỷ đồng

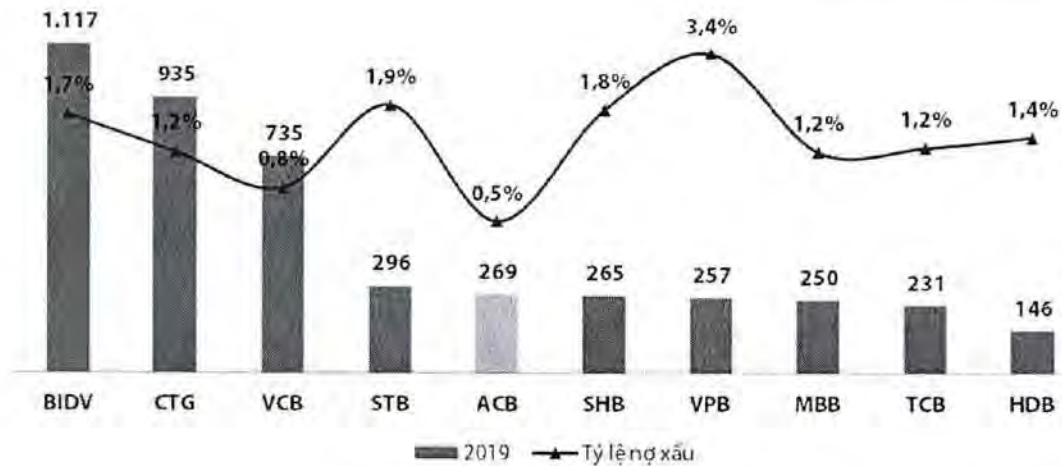


Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của các ngân hàng

ACB liên tục tăng trưởng mạnh mẽ tín dụng nhưng luôn đảm bảo quy định của NHNNVN và quản lý rủi ro tín dụng hiệu quả thông qua tỷ lệ nợ xấu luôn ở mức thấp nhất trong hệ thống ngân hàng, ở mức 0,54% vào cuối năm 2019. Dư nợ tại 31/12/2019 đạt 269 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với 2018, xếp vị trí thứ 5 trong số 10 ngân hàng niêm yết.

Dư nợ cho vay khách hàng của một số ngân hàng – 31/12/2019

Đơn vị tính: nghìn tỷ đồng



Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của các ngân hàng

❖ Chất lượng sản phẩm

Với kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng 27 năm, ACB luôn mang những sản phẩm và dịch vụ, trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. ACB lấy khách hàng làm trung tâm, luôn đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới phù hợp với nhu cầu của từng phân đoạn khách hàng. Ngoài ra, ACB rất chú trọng trong việc đầu tư vào đào tạo đội ngũ nhân viên chất lượng để tư vấn những sản phẩm, dịch vụ phù hợp nhất với tình hình tài chính của khách hàng. Điều này được chứng minh qua mức độ hài lòng về các sản phẩm và dịch vụ của khách hàng luôn ở mức cao trong hệ thống ngân hàng.

❖ Quản lý rủi ro

ACB đặc biệt chú trọng trong công tác quản lý rủi ro trong hoạt động vận hành và kinh doanh để luôn đảm bảo tính thanh khoản và an toàn cho toàn bộ hệ thống. Chính sách và quy trình quản lý rủi ro được xây dựng cho từng phân đoạn khách hàng, từng sản phẩm cụ thể. Từng giao dịch của khách hàng được kiểm soát qua nhiều cấp bậc và hệ thống giám sát tự động. ACB xây dựng trung tâm phân tích tín dụng và trung tâm phê duyệt tín dụng tập trung ở Hội sở để đảm bảo cho quá trình cấp tín dụng độc lập, khách quan, tuân theo tiêu chuẩn và chính sách định

hướng theo đúng khẩu vị rủi ro của ngân hàng. Quy trình quản lý khách hàng tập trung trên hệ thống giúp ngân hàng quản lý hiệu quả và dễ dàng nhận diện sớm các rủi ro có thể phát sinh và có các quyết định phù hợp.

❖ **Đội ngũ quản trị và điều hành**

Đội ngũ lãnh đạo cao cấp của ACB là những người có kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong ngành tài chính ngân hàng cũng như phi ngân hàng; trong công tác quản trị, kiểm soát và điều hành Ngân hàng luôn thể hiện năm giá trị cốt lõi của ACB: chính trực, cẩn trọng, cách tân, hiệu quả và hài hòa.

❖ **Vị thế của ACB theo xếp hạng của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế**

ACB luôn là một trong những ngân hàng được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm đánh giá ở mức cao và chỉ thấp hơn 1 bậc so với mức trần xếp hạng quốc gia của Việt Nam. Theo công bố của tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's Investor Service vào ngày 23/6/2020, ACB được Moody's đánh giá như sau:

Hạng mục	Xếp hạng của Moody's
Triển vọng	Ổn định
Xếp hạng năng lực độc lập (BCA)	Ba3
Xếp hạng tiền gửi	Ba3
Xếp hạng đơn vị phát hành dài hạn	Ba3

Nguồn: Moody's

Mức xếp hạng tín nhiệm này của ACB là mức cao nhất trong 20 ngân hàng được Moody's xếp hạng tại Việt Nam. Ngoài ra, ACB luôn được nhận đánh giá cao từ tổ chức xếp hạng tín nhiệm Fitch, cụ thể mức Xếp hạng tín nhiệm Nhà phát hành nợ dài hạn (Long-term Issuer default ratings - IDR) tại ngày 11/2/2020 là B+, triển vọng ổn định, đây là mức xếp hạng cao trong các ngân hàng được Fitch xếp hạng tín nhiệm tại Việt Nam.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành ngân hàng tại Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong hệ thống tài chính quốc gia và luôn tăng trưởng cao so với ngành ngân hàng ở các quốc gia ASEAN khác. Với tốc độ tăng trưởng GDP trong khoảng từ 5% đến 7% trong 10 năm qua (2009-2019), trừ năm 2020, và dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2021 là trên dưới 6% (kịch bản tích cực) thì ngành ngân hàng sẽ tiếp tục phát triển bền vững

Việt Nam là một quốc gia có sự tăng trưởng mạnh về số lượng người sử dụng internet và tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh, cùng với chính sách khuyến khích giao dịch không tiền mặt của chính phủ tạo tiền đề cho sự tăng trưởng mạnh mẽ số lượng khách hàng có tài khoản và thẻ ngân hàng. Theo thống kê của Vụ Thanh toán NHNNVN cuối năm 2019, số người trưởng thành sở hữu tài khoản ngân hàng đã đạt đến 43 triệu, tương đương 63% người ở độ tuổi trưởng thành, tăng gấp đôi so với năm 2015. Tính đến cuối tháng 11.2019, giao dịch thanh toán nội địa của thẻ ngân hàng tăng 42% về số lượng và 35% về giá trị so với cùng kỳ năm trước; giao dịch qua kênh Internet tăng 69,4% về số lượng và 37% về giá trị; thanh toán qua điện thoại di động tăng 169% về số lượng và 225% về giá trị. Sự tăng trưởng này là minh chứng cho sự tăng trưởng của ngân hàng trong hiện tại và tương lai.

Việt Nam cũng là một quốc gia có số lượng các doanh nghiệp được thành lập ngày càng gia tăng, nhu cầu vốn tăng liên tục, đó là điều kiện để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng của ngành ngân hàng.

Sự tăng trưởng tích cực của nền kinh tế Việt Nam là yếu tố thu hút các nhà đầu tư, nguồn vốn FDI, các công ty nước ngoài gia nhập vào thị trường Việt Nam, tạo ra sự nhộn nhịp trong hoạt động thương mại quốc tế, từ đó ngân hàng là nơi hỗ trợ tốt các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xuất nhập khẩu, hậu cần (logistic), v.v.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

So sánh với các ngân hàng niêm yết, ACB luôn nổi bật là một trong những ngân hàng hàng đầu về khả năng sinh lợi, cụ thể tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu bình quân năm 2019 đạt 24,6%, tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản bình quân đạt 1,7%. Xét về hiệu quả, ACB là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu thị trường Việt Nam.

Chỉ tiêu tài chính của một số ngân hàng niêm yết

Đơn vị tính: nghìn tỷ đồng

Chỉ tiêu	ACB	VCB	BIDV	CTG	MBB	VPB	TCB	STB
Tổng tài sản	384	1.224	1.490	1.241	411	377	384	454
Tiền gửi của khách hàng	308	928	1.114	893	273	214	231	401
Cho vay khách hàng	269	735	1.117	935	250	257	231	296
Vốn chủ sở hữu	28	86	78	77	40	42	62	27
ROA	1,7%	1,6%	0,6%	0,8%	2,1%	2,4%	2,9%	0,6%
ROE	24,6%	25,0%	13,2%	13,1%	21,8%	21,5%	18,0%	9,6%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của các ngân hàng

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Ngân hàng với chủ trương, chính sách của Nhà nước, NHNNVN và xu thế chung trên thế giới

ACB cân bằng giữa tuân thủ và hiệu quả, giữa đổi mới và đảm bảo kinh doanh thường nhật, và hướng đến áp dụng thông lệ tiên tiến; do đó, định hướng kinh doanh dài hạn có thể nói là phù hợp với chủ trương, chính sách của Chính phủ và NHNNVN, và xu hướng chung trên thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng lao động 2017 – 2019 (theo BCTC hợp nhất)

Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Số lượng (nhân viên)	10.334	10.679	11.168
Thu nhập bình quân/nhân viên (triệu đồng)	231	245	294

(Nguồn: ACB)

9.2. Chính sách lao động và hoạt động đãi ngộ

ACB xây dựng, triển khai và điều chỉnh kịp thời các chính sách lương, thưởng, phúc lợi để thu hút, gìn giữ, động viên và tương thưởng nhân tài. Cụ thể:

- Chính sách lương thưởng có tính cạnh tranh trên cơ sở khảo sát lương của thị trường lao động.
- Thu nhập của nhân viên được xác định theo kết quả hoàn thành công việc của Ngân hàng, đơn vị và cá nhân. ACB đã xây dựng hệ thống quản lý thành tích công việc nhân viên (BSC) nhằm đảm bảo quy trình quản trị lương thưởng được khách quan, chính xác và nhanh chóng.
- ACB tuân thủ quy định của pháp luật về bảo hiểm đối với người lao động. Tất cả nhân viên chính thức của ACB đều được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.
- ACB cũng chăm lo nhân viên qua các chế độ như trợ cấp như tiền ăn giữa ca, chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện (ACB care), chương trình hỗ trợ bảo hiểm sức khỏe cho người thân, chương trình cho vay lãi suất ưu đãi, chương trình trợ cấp nhân viên gặp khó khăn hoặc bệnh tật hiểm nghèo, v.v.

- ACB còn nâng cao tinh thần làm việc nhân viên thông qua các chương trình xây dựng đội nhóm (team building), sinh nhật Ngân hàng, tiệc tất niên vinh danh nhân viên xuất sắc, v.v.
- Đối với cấp quản lý, ACB từ lâu đã thiết kế một số chính sách đãi ngộ khác biệt như: trợ cấp chi phí di chuyển xa, thưởng cổ phiếu (ESOP), khám sức khỏe định kỳ tại bệnh viện cao cấp, khen thưởng bằng chuyến du lịch nước ngoài, v.v.

9.3. Chính sách và hoạt động tuyển dụng

Mối quan hệ giữa ACB với nhân viên được liên kết chặt chẽ dựa trên nguyên tắc hợp tác vì mục tiêu chung của tổ chức, là "đối tác sự nghiệp" của nhau.

Trong năm 2019, ACB đã kết nối hơn 2.300 đối tác sự nghiệp trên khắp cả nước, trong đó nhóm lực lượng nhân sự trẻ dưới 25 tuổi chiếm hơn 60%. Đội ngũ nhân tài, đặc biệt tại các đơn vị kênh phân phối đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển kinh doanh của ACB trong giai đoạn tăng tốc 2019 - 2024.

Các hoạt động tạo nguồn nhân sự và trải nghiệm ngân hàng thực tế đã được tích cực triển khai như chương trình The Next Banker và ACB Experience dành cho sinh viên thuộc các trường đại học trọng điểm trên toàn quốc. Hoạt động này giúp sinh viên có những trải nghiệm thực tế về công việc tại ngân hàng và tạo cơ hội để rút ngắn lộ trình trở thành nhân viên chính thức tại ACB.

9.4. Chính sách và hoạt động đào tạo và phát triển nhân viên

Chính sách và hoạt động đào tạo theo mục tiêu lấy người học làm trọng tâm, nỗ lực thúc đẩy tinh thần học tập chủ động, lâu dài và lan tỏa sự tiến bộ trong tổ chức, đến cộng đồng, và khách hàng của ACB.

Trong năm 2019, hoạt động đào tạo đã đáp ứng 95 – 98% nhu cầu đào tạo của Ngân hàng, nâng số ngày bình quân đào tạo trên toàn hệ thống lên 4,7 ngày. Các chương trình đào tạo nội bộ và liên kết với đối tác bên ngoài được đều đặn tổ chức, đáp ứng kịp thời nhu cầu bổ sung nghiệp vụ, phát triển kỹ năng và nâng cao năng lực cho nhân viên các cấp từ tân tuyển cho đến quản lý.

Hình thức và nội dung đào tạo được thiết kế đa dạng và theo sát nhu cầu thực tế, xoay quanh 9 lĩnh vực sau: (i) nghiệp vụ riêng của ACB, (ii) nghiệp vụ ngành ngân hàng, (iii) tin học, (iv) pháp lý và tuân thủ, (v) quản lý rủi ro, (vi) bán hàng, (vii) hành vi nội cá nhân (personal behaviors), (viii) hành vi liên cá nhân (interpersonal behaviors), và (ix) quản lý và lãnh đạo.

Chương trình và hoạt động đào tạo được triển khai không chỉ nhằm mục đích giúp nhân viên bổ sung năng lực cho công việc hiện tại mà còn mang đến hành trang cho lộ trình phát triển nghề nghiệp cá nhân trong tương lai.

Năm 2019, tổ chức về nhân sự uy tín HR Asia đã trao cho ACB giải thưởng Tổ chức có môi trường làm việc tốt nhất châu Á năm 2019.

10. Chính sách cổ tức

Ngân hàng thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều lệ Ngân hàng và các văn bản pháp lý liên quan. Ngân hàng chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, mức cổ tức chi trả và mức cổ tức dự kiến cho năm tiếp theo được ĐHĐCĐ thông qua theo Tờ trình của HĐQT về việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận. Tùy theo tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, cổ tức của ACB có thể được chi trả bằng tiền và/hoặc cổ phiếu.

Ngân hàng chia cổ tức năm 2018 là 30% bằng cổ phiếu, tương đương 374.149.539 cổ phiếu và chia cổ tức năm 2019 ở mức 30% bằng cổ phiếu, tương đương 498.821.183 cổ phiếu. Ngân hàng dự kiến chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 18%, sẽ được trình ĐHĐCĐ tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Tỷ lệ chi trả cổ tức trong năm 2018 và 2019

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (dự kiến)
Tỷ lệ cổ tức	30% bằng cổ phiếu	30% bằng cổ phiếu	18% bằng cổ phiếu

11. Tình hình hoạt động tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính của ACB trong năm 2018-2019

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ		Hợp nhất	
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019
1. Quy mô vốn				
Vốn điều lệ	12.886	16.627	12.886	16.627

Tổng tài sản có	328.561	382.886	329.333	383.514
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9,28%	10,24%	10,05%	10,91%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Số dư huy động tiền gửi	270.473	308.494	269.999	308.129
Số dư cho vay	227.759	265.981	230.527	268.701
Doanh số huy động tiền gửi	3.637.984	4.777.083	3.637.456	4.776.718
Doanh số cho vay	327.445	394.600	343.138	402.993
Doanh số thu nợ	385.633	430.959	401.557	439.438
Nợ quá hạn	2.021	2.059	2.058	2.080
Nợ khó đòi	1.639	1.441	1.675	1.449
Tổng dư nợ cho vay/Nguồn vốn huy động (theo NHNNVN)	77,47%	77,55%	N/A	N/A
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ Tổng số dư bảo lãnh	0,01%	0,00%	0,01%	0,00%
Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ	0,89%	0,77%	0,89%	0,77%
Tỷ lệ nợ khó đòi/ Tổng dư nợ	0,72%	0,54%	0,73%	0,54%
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	22,85%	22,62%	N/A	N/A
Khả năng chi trả trong vòng 30 ngày				
VND	78,18%	79,59%	N/A	N/A
Ngoại tệ khác	636,26%	217,26%	N/A	N/A
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	32,63%	26,57%	N/A	N/A

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019 (Riêng và Hợp nhất)

Ghi chú: Các chỉ tiêu về khả năng thanh khoản và Tổng dư nợ/Nguồn vốn huy động được trình bày trên bảng chỉ tính cho hoạt động riêng lẻ của Ngân hàng.

Bảng tóm tắt các chỉ tiêu tài chính trong năm 2018 và 2019 cho thấy ACB có sự tăng trưởng bền vững về quy mô và hiệu quả kinh doanh, cụ thể:

Về quy mô, tổng tài sản của ACB tại cuối 2019 đạt 384 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so với đầu năm chủ yếu đến từ cho vay khách hàng tăng 17%. Tỷ lệ nợ xấu vẫn luôn được kiểm soát tốt và ở mức thấp trong toàn hệ thống với 0,54%. Quy mô huy động tiền gửi từ khách hàng đạt 308 nghìn tỷ đồng, tăng 14% so với 2018. Mặc dù huy động tăng trưởng chậm hơn tín dụng như tỷ

lệ Cho vay/Huy động (LDR) luôn thấp hơn mức quy định tối đa của NHNNVN (85%). Vốn điều lệ cuối năm 2019 đạt 16.627 tỷ đồng, tăng 29% so với 2018 thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Mặc dù tăng trưởng cao nhưng tỷ lệ an toàn vốn vẫn kiểm soát rất tốt với hệ số CAR theo Basel II đạt 10,9% vào cuối năm 2019, cao hơn mức quy định tối thiểu 8%.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 7.516 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2018. Trong đó, thu nhập lãi tăng 17%, chiếm 75 tổng doanh thu. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân và tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản bình quân lần lượt đạt 24,6% và 1,7%, mức sinh lời cao trong ngành.

Bên cạnh tăng trưởng bền vững, ACB luôn đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản cao và linh hoạt trong chính sách điều hành hoạt động kinh doanh. Tỷ lệ dự trữ thanh khoản luôn ở mức cao hơn gấp đôi (22,62% vào cuối năm 2019) quy định tối thiểu (10%). Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn luôn ở mức 26,57% vào cuối 2019, thấp hơn nhiều so với mức quy định tối đa (40%).

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ tên các thành viên	Chức danh	Ghi chú
1	Trần Hùng Huy	Chủ tịch	
2	Nguyễn Thành Long	Phó Chủ tịch	
3	Dominic Timothy Charles Scriven	Thành viên	
4	Đinh Thị Hoa	Thành viên	
5	Đặng Thu Thủy	Thành viên	
6	Đàm Văn Tuấn	Thành viên, Phó Tổng giám đốc	Thành viên điều hành
7	Hiep Van Vo	Thành viên	Thành viên độc lập
8	Huang Yuan Chiang	Thành viên	Thành viên độc lập

12.1.1. Ông Trần Hùng Huy – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Năm sinh: 1978
- Số CCCD: 079078004267; Ngày cấp: 05/4/2017; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
2010	Golden Gate University	Quản trị Kinh doanh	Tiến sĩ
2000 – 2002	Chapman University	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ
1997 – 2000	Chapman University	Quản trị Kinh doanh	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
09/2012 – nay	Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Á Châu
2010 - 2011	Thành viên Nhóm tư vấn sáp nhập tổ chức tài chính	Tập đoàn Tài chính Rothschild (Anh Quốc)
2006 – 09/2012	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Á Châu
2008 – 09/2012	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Á Châu
2004 – 2008	Giám đốc Marketing	Ngân hàng TMCP Á Châu
2002 – 2004	Chuyên viên Nghiên cứu thị trường	Ngân hàng TMCP Á Châu

- Số cổ phiếu nắm giữ: 74.071.670 cổ phiếu, chiếm 3,43% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: 74.071.670 cổ phiếu.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ; Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1	Đặng Thu Thủy	25.817.788 cổ phiếu; tỷ lệ 1,19%	Mẹ

- Các khoản nợ đối với ACB: 500.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng.)
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

12.1.2. Ông Nguyễn Thành Long, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1951
- Số CMND: 020151843; Ngày cấp: 12/12/2012; Nơi cấp: CA Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
1996 – 1998	Đại học Ngoại ngữ Hà Nội	Anh Văn	Cử nhân
1974 – 1975	Viện Đại học Vạn Hạnh (Sài Gòn)	Tiền tệ ngân hàng	Cao học I
1971 – 1974	Viện Đại học Vạn Hạnh (Sài Gòn)	Thương mại học	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Phó Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - ✓ Chủ tịch HĐQT - Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Long
 - ✓ Thành viên HĐQT - Công ty Chứng khoán ACB (ACBS)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
12/2012 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
5/2012 – nay	Chủ tịch HĐQT	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bảo Long
2008 – 5/2012	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt
1988 – 2/2012	Phó Tổng giám đốc – Tổng giám đốc	Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá Quý Sài Gòn – SJC
1999 – 2010	Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)
1975 – 1988	Phó Văn phòng Thành Đoàn và Phó giám đốc Nhà xuất bản Trẻ	Thành Đoàn Tp. HCM
1969 – 1975	Hoạt động cách mạng	Thành Đoàn Sài Gòn - Gia Định

- Số cổ phiếu nắm giữ: 797.069, chiếm 0,04% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0
 - + Cá nhân sở hữu: 797.069 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Các khoản nợ đối với ACB: 500.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng.)
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

12.1.3. Ông Dominic Timothy Charles Scriven, Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1963
- Hộ chiếu số: 548492043; Ngày cấp: 02/6/2017; Nơi cấp: Vương Quốc Anh.
- Quốc tịch: Anh
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
1981 – 1985	Đại học Exeter – Vương Quốc Anh	Luật và Xã hội học	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Thành viên HĐQT.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

STT	Tên Công Ty	Chức vụ
1	Viet Fund Management	Chủ tịch HĐQT
2	Wildlife At Risk*	Cố đồng kiêm Giám đốc
3	Vietnam Institute of Directors	Giám đốc
4	Dogma Vietnam Ltd	Giám đốc
5	The Mango E Limited	Giám đốc
6	Asia Song Design Ltd.	Giám đốc
7	Rising Phoenix Pty Ltd.	Giám đốc
8	Dodunduwa Watta (Private) Limited	Giám đốc
9	Sathutu Kanda (Private) Limited	Giám đốc
10	S.E. Enterprise (Private) Limited	Giám đốc

11	Rosha Reef (PVT) Ltd.	Giám đốc
12	Rising Phoenix Conservation(US)	Giám đốc
13	SKV Herb Ltd.	Giám đốc
14	Realgate Limited	Giám đốc
15	Dragon Capital Group Limited	Chủ tịch điều hành
16	Dragon Financial Holdings Limited và nhóm các tổ chức/quỹ thuộc Dragon Capital Group	Giám đốc
17	Enterprise Investment Management Limited	Giám đốc
18	Vietnam Debt Fund SPC	Giám đốc
19	Vietnam Enterprise Investments Limited	Giám đốc
20	Ruby Hill Microfinance	Giám đốc
21	Green Delta Dragon Asset Management Company Limited	Giám đốc

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1996 - 2019	Tổng giám đốc/Giám đốc	Dragon Capital Group Limited và nhóm các tổ chức/quỹ thuộc Dragon Capital Group
2004 - 18/12/2019	Giám đốc	FJS Insights 2 Limited (tên cũ là Total Equity International Limited)
2008 - 5/2019	Giám đốc	Ascetic Investments Ltd
2006 - 4/2019	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng cơ sở Hồ Chí Minh
2006 - 2017	Giám đốc	Vietnam Resource Investments (Cayman) Limited
2006 - 2017	Giám đốc	Thewlis Limited (tên cũ là PN Holdings Limited)
2006 - 2016	Giám đốc	Indochina Opportunity Partners Holding Limited
2004 - 2016	Giám đốc	Vietnam Growth Fund Limited
2000 - 2016	Phó Chủ tịch HĐQT	Ree Corporation
2014 - 2015	Giám đốc	Semeru Asia Equity High Yield Fund Limited

2014 - 2015	Giám đốc	Semeru Asia High Yield Fund Limited
2008 - 2011	Thành viên HĐQT	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu (ACB)
2005 - 2011	Giám đốc	Vietnam Dragon Fund Limited
2003 - 2011	Giám đốc	Rickmansworth Limited
2002 - 2011	Thành viên HĐQT	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)
2002 - 2011	Giám đốc	Geffen Limited
2001 - 2011	Giám đốc	Goldchurch Limited
2001 - 2011	Giám đốc	Wareham Group Limited
2000 - 2011	Giám đốc	Amersham Industries Limited
2000 - 2011	Giám đốc	UD Holdings Limited
1999 - 2011	Giám đốc	Balestrand Limited
1999 - 2011	Giám đốc	Grinling International Limited
1999 - 2011	Giám đốc	Venner Group Limited
1996 - 2011	Giám đốc	VEIL Holdings Limited và nhóm các tổ chức/quỹ thuộc VEIL Holdings
2005 - 2010	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk)
2006 - 2009	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Tp. HCM (CII)
1996 - 2009	Thành viên HĐQT	Công Ty Cổ Phần Thiết Kế Xây Dựng và Phát Triển (PDD)
2002 - 2008	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần Vận Tải Biển Thái Bình Dương (Pacific Ocean Shipping Joint Venture)
2000 - 2008	Thành viên HĐQT	Công ty Liên Doanh Hà Nội Lake View Sport
2002 - 2007	Thành viên HĐQT	Ngân hàng Thương mại Cổ phần các Doanh nghiệp Ngoài quốc doanh Việt Nam

1999 - 2007	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ Phần Đồ Hộp Hạ Long (Halong Canfoco)
1993 -1994	Giám đốc đầu tư	Tập đoàn Peregrine Việt Nam
1989 -1991	Giám Đốc Đầu Tư	Công Ty Quản Lý Quỹ Sun Hung Kai
1986 -1988	Trợ Lý Giám Đốc	Vickers Da Costa, Hongkong
1985 -1986	Trợ Lý Quản Lý	M&G Investment Management, London, UK

- Số cổ phiếu nắm giữ: 149.565.600, chiếm 6,92% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện Dragon Financial Holdings Limited sở hữu: 149.565.600 cổ phiếu.
 - + Cá nhân sở hữu: Không.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ; Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1	Dragon Financial Holdings Limited (DFH)	149.565.600 cổ phiếu; tỷ lệ 6,92%	Giám đốc, đại diện vốn góp tại ACB
2	First Burns Investments Limited	53.505.280 cổ phiếu; tỷ lệ 2,48%	Ông Dominic Timothy Charles Scriven là đại diện vốn góp của Dragon Financial Holdings Limited (DFH), và First Burns Investments Limited là người liên quan của DFH
3	Asia Reach Investments Limited	54.342.844 cổ phiếu; tỷ lệ 2,51%	Ông Dominic Timothy Charles Scriven là đại diện vốn góp của Dragon Financial Holdings Limited (DFH), và Asia Reach Investments Limited là người liên quan của DFH
4	DC Developing Markets Strategies	2.829.800 cổ phiếu; tỷ lệ 0,13%	Ông Dominic Timothy Charles Scriven là đại diện vốn góp của Dragon

	Public Limited Company		Financial Holdings Limited (DFH), và DC Developing Markets Strategies Public Limited Company là người liên quan của DFH
--	------------------------	--	---

- Các khoản nợ đối với ACB: Không có.
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

12.1.4. Bà Đinh Thị Hoa, Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1961
- Số CMND: 010078518; Ngày cấp: 21/01/2010; Nơi cấp: CA Tp. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
1990 - 1992	Trường Đại học Kinh doanh Harvard, Mỹ	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ
1980 - 1985	Đại học Moscow State, Nga	Khoa học Chính trị, Báo chí	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

STT	Tên Công Ty	Chức vụ
1	Công ty cổ phần Truyền thông và Giải trí Galaxy	Chủ tịch HĐQT
2	Công ty cổ phần Phim Thiên Ngân	Chủ tịch HĐQT
3	Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Phó Chủ tịch HĐQT

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2014 - Nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng Á Châu
	Chủ tịch HĐQT	CTCP Phim Thiên Ngân
	Phó Chủ tịch HĐQT	CTCP Chứng khoán Thiên Việt

	Chủ tịch HĐQT	CTCP Galaxy ME
2014 - 7/2020	Chủ tịch HĐQT	CTCP Galaxy Play
2015 - 3/2018	Thành viên HĐQT	CTCP Cơ Điện Lạnh (REE)
2013 - 2014	Thành viên HĐQT	Ngân hàng Á Châu
	Chủ tịch HĐQT	CTCP Phim Thiên Ngân
	Chủ tịch HĐQT	CTCP Galaxy ME
	Phó Chủ tịch HĐQT	CTCP Chứng khoán Thiên Việt
2008 - 2013	Chủ tịch HĐQT	CTCP Phim Thiên Ngân
	Phó Chủ tịch HĐQT	CTCP Chứng khoán Thiên Việt
2007 - 2008	Chủ tịch HĐQT	CTCP Phim Thiên Ngân
	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng Á Châu
	Phó Chủ tịch HĐQT	CTCP Chứng khoán Thiên Việt
2004 - 2007	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Á Châu
	Chủ tịch HĐQT	CTCP Phim Thiên Ngân
1998 - 2004	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng Á Châu
	Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH Phim Thiên Ngân
1994 - 1998	Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH Phim Thiên Ngân
1992 - 1994	Thực tập Quản trị Kinh doanh	Công ty Procter & Gamble, Bangkok, Thái Lan
1989 - 1992	Học Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	Đại học Havard, Mỹ
1988 - 1989	Chuyên viên dự án	Chương trình Lương thực Thế giới (Hà Nội)
1985 - 1988	Chuyên viên	Bộ Ngoại Giao

- Số cổ phiếu nắm giữ: 32.522 cổ phiếu, chiếm 0,0016% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện sở hữu: Không.

+ Cá nhân sở hữu: 32.522 cổ phiếu.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ; Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1	Lê Thị Lương	8.995 cổ phiếu; tỷ lệ 0,0004%	Mẹ

2	Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt	45 cổ phiếu; tỷ lệ 0,00%	Phó chủ tịch HĐQT
---	--	--------------------------	-------------------

- Các khoản nợ đối với ACB: Không có.
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

12.1.5. Bà Đặng Thu Thủy, Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1955
- Số CMND: 020456705; Ngày cấp: 30/9/2011; Nơi cấp: CA Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
1995 – 1999	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Ngữ văn Anh	Cử nhân
1989 – 1993	Đại học Kinh tế Tp. HCM	Kế hoạch hóa kinh tế quốc dân	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
4/2011 – nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Á Châu
2003 – 2/2012	Giám đốc Khối QTNL	Ngân hàng TMCP Á Châu
1993 – 2003	Chánh văn phòng	Ngân hàng TMCP Á Châu

- Số cổ phiếu nắm giữ: 25.817.788 cổ phiếu, chiếm 1,19% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: 25.817.788 cổ phiếu.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ; Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1	Trần Hùng Huy	74.071.670 cổ phiếu; tỷ lệ 3,43%	Con

2	Đặng Thu Hà	22.209.281 cổ phiếu; tỷ lệ 1,03%	Em ruột
3	Đặng Thị Thu Vân	707.963 cổ phiếu; tỷ lệ 0,03%	Em ruột
4	Đặng Văn Phú	175.085 cổ phiếu; tỷ lệ 0,01%	Em ruột
5	Đặng Phú Vinh	7.947.864 cổ phiếu; tỷ lệ 0,37%	Em ruột
6	Nguyễn Thị Huỳnh Mai	340.156 cổ phiếu; tỷ lệ 0,02%	Em dâu

- Các khoản nợ đối với ACB: Không có
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

12.1.6. Ông Đàm Văn Tuấn, Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1951
- Số CMND: 022072892; Ngày cấp: 09/12/2009; Nơi cấp: CA Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
2008 - 2009	Đại học Khoa học ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ	Tài chính ngân hàng	Thạc sĩ
1995 - 1998	Đại học Kinh tế Tp. HCM	Tài chính kế toán doanh nghiệp	Cử nhân
1991 - 1994	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM	Ngôn ngữ học so sánh	Thạc sĩ
1985 - 1990	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM	Ngữ văn Hán Nôm	Cử nhân
1985 - 1990	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM	Ngữ văn Anh	Cử nhân
1966 - 1971	Hội Việt Mỹ (VAA) & Trường Đại học Michigan (Hoa Kỳ)	Tiếng Anh	Chứng chỉ thành thạo tiếng Anh

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc và Người được ủy quyền công bố thông tin.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
12/2012 - nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng Á Châu
2001 - nay	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng Á Châu
1996 - 2001	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng Á Châu
1994 - 1995	Phó giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng Á Châu
1993 - 1994	Giảng viên	Bộ môn Châu Á học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM
1992 - 1994	Giảng viên	Trường Ngoại ngữ Doanh thương Sài Gòn
1989 - 1991	Phụ tá Trưởng khoa	Khoa Ngoại ngữ Trường Kỹ thuật hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm (Vocatech School)
1983 - 1994	Giảng viên	Một số trung tâm ngoại ngữ ở Tp. HCM

- Số cổ phiếu nắm giữ: 87.064 cổ phiếu, chiếm 0,004% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: 87.064 cổ phiếu.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có
- Các khoản nợ đối với ACB: 500.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng.)
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

12.1.7. Ông Hiep Van Vo, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1967
- Hộ chiếu số: 565866371; Ngày cấp: 22/06/2018; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ
- Quốc tịch: Hoa Kỳ
- Trình độ chuyên môn

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
1995 – 1997	Trường Kinh doanh Harvard	Quản trị Kinh doanh	Thạc sĩ
1986 – 1990	West Point, Học viện Quân sự Hoa Kỳ	Kỹ thuật vật lý	Cử nhân Khoa học tự nhiên

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Thành viên độc lập HĐQT.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2015 – Nay	Giám đốc điều hành	CVC Asia Pacific (Singapore)
2009 – 2015	Giám đốc	VIGroup
2008 – 2009	Giám đốc	Deutsche Bank
2006 – 2007	Giám đốc	Vietnam Partners, LLC, Partner & COO
2004 – 2006	Giám đốc	Citigroup
2000 – 2003	Trưởng Phòng	Citigroup
1997 – 1999	Phó Phòng	Citigroup

- Số cổ phiếu nắm giữ: Không có.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Các khoản nợ đối với ACB: Không có.
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn thành viên HĐQT.

12.1.8. Ông Huang Yuan Chiang, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1959
- Số hộ chiếu: K0984614D; Ngày cấp: 22/01/2019; Nơi cấp: Singapore
- Quốc tịch: Singaporean
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
1979 - 1983	Monash University	Luật	Cử nhân
1979 - 1981	Monash University	Kinh tế	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Thành viên độc lập HĐQT.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
10/1999 – nay	Cố vấn, giám đốc chuyên môn	N/A
6/1999 – 10/1999	Giám đốc điều hành	Deutsche Bank AG, Singapore Branch
1996 – 6/1999	Giám đốc điều hành Tài chính doanh nghiệp/Mua bán & sáp nhập	Bankers Trust Company, Singapore Branch
1991 - 1996	Giám đốc tài chính doanh nghiệp	HSBC Investment Bank Asia Ltd (Singapore)
1990 - 1991	Biệt phái công tác	Samuel Montagu & Co Ltd, (London)
1988 - 1990	Giám đốc	HSBC Investment Bank Asia Ltd, (Singapore)
1987 - 1988	Trợ lý giám đốc	Standard Chartered Merchant Bank Asia Limited, (Singapore)
1984 - 1987	Luật sư & cố vấn pháp luật	Chooi & Co (Kuala Lumpur)

- Số cổ phiếu nắm giữ: Không có.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Các khoản nợ đối với ACB: Không có.
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn thành viên HĐQT.

12.2. Ban kiểm soát

STT	Họ tên các thành viên	Chức danh
1	Huỳnh Nghĩa Hiệp	Trưởng BKS (chuyên trách)
2	Hoàng Ngân	Thành viên BKS (chuyên trách)
3	Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên BKS (chuyên trách)
4	Phùng Thị Tốt	Thành viên BKS (không chuyên trách)

12.2.1. Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp, Trưởng Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1953
- Số CMND: 021563781; Ngày cấp: 31/7/2007; Nơi cấp: CA Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
1975 – 1978	Đại học Kinh tế Tp. HCM	Ngân hàng	Cử nhân
1971 – 1975	Đại học Vạn Hạnh	Thương mại	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Trưởng Ban kiểm soát
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2008 – nay	Trưởng Ban kiểm soát	Ngân hàng TMCP Á Châu
1994 – 2008	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Á Châu
1993 – 1994	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Á Châu
1978 – 1993	Giảng viên	Đại học Kinh tế Tp. HCM

- Số cổ phiếu nắm giữ: 419.942 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ, trong đó:

- + Đại diện sở hữu: Không.
- + Cá nhân sở hữu: 419.942 cổ phiếu.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ; Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Thị Nga	142.322 cổ phiếu; tỷ lệ 0,01%	Vợ
2	Huỳnh Văn Khôi	50 cổ phiếu; tỷ lệ 0,00%	Con

- Các khoản nợ đối với ACB: 400.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng)
- Thủ lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.

12.2.2. Bà Nguyễn Thị Minh Lan, Thành viên chuyên trách

- Năm sinh: 1965
- Số CMND: 022438148; Ngày cấp: 25/6/2011; Nơi cấp: CA Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
2009 – 2011	Học viện Hành chính Quốc gia	Hành chính học	Cử nhân
1982 – 1986	Đại học Kinh tế Tp. HCM	Ngân hàng	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Thành viên Ban kiểm soát (chuyên trách)
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2013 – nay	Thành viên Ban kiểm soát	Ngân hàng TMCP Á Châu
2010 – 2013	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín
2009 – 2010	Trợ lý Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín
2009 – 2009	Trợ lý Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Á Châu
2002 – 2009	Trưởng phòng Quản lý ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước CN Tp. HCM
1996 – 2002	Trưởng phòng Tiền tệ kho quỹ	Ngân hàng Nhà nước CN Tp. HCM
1992 – 1996	Phó phòng kế toán	Ngân hàng Nhà nước CN Tp. HCM
1986 – 1992	Nhân viên kế toán	Ngân hàng Nhà nước CN Tp. HCM

- Số cổ phiếu nắm giữ: Không có.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có
- Các khoản nợ đối với ACB (nếu có): 260.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng.)
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB (nếu có): Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.

12.2.3. Bà Hoàng Ngân, Thành viên chuyên trách

- Năm sinh: 1954
- Số CMND: 021577633; Ngày cấp: 15/5/2006; Nơi cấp: CA Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
2000 – 2011	Bộ Tài chính	Kế toán trưởng	Chứng chỉ Kế toán trưởng

1995	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp. HCM	Anh văn	Chứng chỉ Ngoại ngữ – Trình độ B
1975 – 1978	Đại học Kinh tế Tp. HCM	Tài chính – Kế toán – Ngân hàng	Cử nhân
1972 – 1975	Đại học Luật khoa Sài Gòn	Tư pháp	Đang học Cử nhân Luật năm thứ ba

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Thành viên Ban kiểm soát (chuyên trách)
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1993 – nay	Thành viên Ban kiểm soát	Ngân Hàng TMCP Á Châu
1988 – 2009	Kế toán trưởng – Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Vàng Bạc Đá Quý Sài Gòn (nay là Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá Quý Sài Gòn – SJC)
1978 – 1988	Giáo viên	Trường Trung Học Ngân Hàng III TW – Tp. HCM

- Số cổ phiếu nắm giữ: 91.387 cổ phiếu, chiếm 0,0042% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: Không
 - + Cá nhân sở hữu: 91.387 cổ phiếu.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ; Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1	Huỳnh Bảo Ngọc	81.503 cổ phiếu; tỷ lệ 0,0038%	Con

- Các khoản nợ đối với ACB: 300.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng.)
- Thu lao và các lợi ích liên quan đối với ACB (nếu có): Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.

12.2.4. Bà Phùng Thị Tốt, Thành viên không chuyên trách

- Năm sinh: 1950
- Số CCCD: 079150001205; Ngày cấp: 10/4/2017; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
1975 – 1978	Đại học Kinh tế Tp. HCM	Ngân hàng	Cử nhân
1972 – 1975	Đại học Luật khoa Sài Gòn	-/-	Đại học năm thứ 2
1970 – 1972	Đại học Khoa học Sài Gòn	-/-	Chứng chỉ dự bị Khoa học

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Thành viên Ban kiểm soát (không chuyên trách)
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2003 – nay	Thành viên Ban kiểm soát	Ngân hàng TMCP Á Châu
2002 – 2004	Kiểm toán trưởng	Ngân hàng TMCP Á Châu
1994 – 2002	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Á Châu
1993 – 1994	Nhân viên kế toán	Ngân hàng TMCP Á Châu
1978 – 1993	Giáo viên	Trường Trung học Ngân hàng III TW Tp. HCM

- Số cổ phiếu nắm giữ: 116.844 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: 116.844 cổ phiếu.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Các khoản nợ đối với ACB: Không có.
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.

12.3. Ban Tổng giám đốc

STT	Họ tên các thành viên	Chức danh	Ghi chú
1	Đỗ Minh Toàn	Tổng giám đốc	
2	Đàm Văn Tuấn	Phó Tổng giám đốc	Thành viên HĐQT

3	Bùi Tấn Tài	Phó Tổng giám đốc	
4	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Tổng giám đốc	
5	Nguyễn Thị Hai	Phó Tổng giám đốc	
6	Từ Tiến Phát	Phó Tổng giám đốc	
7	Nguyễn Thị Tuyết Vân	Phó Tổng giám đốc	
8	Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng giám đốc	Kiểm Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính
9	Nguyễn Ngọc Như Uyên	Phó Tổng giám đốc	

12.3.1. Ông Đỗ Minh Toàn, Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1971
- Số CCCD: 054071000015; Ngày cấp: 12/12/2016; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
2003 - 2005	Đại học Columbia Southern	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ
1998 - 2002	Đại học Luật Tp. HCM	Luật học	Cử nhân
1994 - 1997	Đại học Kinh tế	Quản trị kinh doanh	Cử nhân
1989 - 1993	Trường Cao cấp Ngân Hàng Tp. HCM	Ngân hàng	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Tổng Giám Đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2012 - Nay	Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Á Châu
2003 - 2012	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Á Châu
2001 - 2003	Giám đốc Khối KHDN	Ngân hàng TMCP Á Châu
1998 - 2001	Trưởng Phòng tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu

1996 - 1998	Phó Phòng tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu
1994 - 1996	Nhân viên tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu
1993 - 1994	Trợ lý Marketing	VPĐD Ngân hàng TNG Barings

- Số cổ phiếu nắm giữ: 1.416.415 cổ phiếu, chiếm 0,07% vốn điều lệ, trong đó:

- + Đại diện sở hữu: Không.
- + Cá nhân sở hữu: 1.416.415 cổ phiếu.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ; Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1	Bùi Thị Tuyết Loan	284.148 cổ phiếu; tỷ lệ 0,01%	Vợ
2	Nguyễn Thị Lan Anh	217 cổ phiếu; tỷ lệ 0,00%	Em dâu
3	Công ty Cổ Phần Thương mại và Đầu tư Huy Quân	2.841 cổ phiếu; tỷ lệ 0,0001%	Sở hữu 51% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với ACB: 500.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng.)
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn Ban điều hành.

12.3.2. Ông Bùi Tấn Tài, Phó Tổng giám đốc thường trực

- Năm sinh: 1973
- Số CMND: 022498773; Ngày cấp: 09/9/2011; Nơi cấp: CA Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
2001 – 2003	Đại học Nam California	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ
1997 – 1999	Đại học Kinh tế Tp. HCM	Quản trị kinh doanh	Cử nhân
1991 – 1995	Đại học Ngân hàng Tp. HCM	Kinh tế	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Phó Tổng giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

STT	Tên Công Ty	Chức vụ
1	Công ty CP YouTrade	Chủ tịch
2	Công ty CP TV TM DV Công Nghệ DMT	Chủ tịch
3	Công ty CP GoAmazing & TT Anh Ngữ Amazing English	Chủ tịch
4	Công ty CP Đầu tư Sài Gòn StarHill	Chủ tịch
5	Công ty CP Khu Công Nghiệp và Đô Thị Đức Hòa III - RESCO	Chủ tịch
6	Công ty Cổ phần Đầu tư PMG	Chủ tịch

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2/2007 – nay	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Á Châu
2004 – 2007	Giám đốc Khối KHCN	Ngân hàng TMCP Á Châu
2003 – 2004	Phó giám đốc Sở giao dịch Tp. HCM	Ngân hàng TMCP Á Châu
2000 – 2002	Trưởng phòng Hỗ trợ tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu
1999 – 2000	Phó phòng Hỗ trợ tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu
1998 – 1999	Phó phòng Thẩm định tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu
1995 – 1998	Nhân viên Thẩm định tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu

- Số cổ phiếu nắm giữ: 81.840 cổ phiếu, chiếm 0,0038% vốn điều lệ, trong đó:

- + Đại diện sở hữu: Không.
- + Cá nhân sở hữu: 81.840 cổ phiếu.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ; Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1	Trần Thị Đoàn Trinh	264.190 cổ phiếu; tỷ lệ 0,01%	Vợ

- Các khoản nợ đối với ACB: 500.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng)

- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn Ban điều hành.

12.3.3. Ông Đàm Văn Tuấn, Phó Tổng giám đốc

(Xin xem thông tin tại mục 12.1.6, phần 12.1. Hội đồng quản trị)

12.3.4. Ông Nguyễn Đức Thái Hân, Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1967
- Số CMND: 022332181; Ngày cấp: 02/6/2011; Nơi cấp: CA Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
1984 – 1988	Đại học Tổng hợp Tp. HCM	Vật lý	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Phó Tổng giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT - Công ty Chứng khoán ACB (ACBS)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
08/2008 – nay	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Á Châu
2003 – 2008	Giám đốc Khối Ngân quỹ	Ngân hàng TMCP Á Châu
1998 – 2003	Trưởng Phòng Kinh doanh tiền tệ	Ngân hàng TMCP Á Châu
1996 – 1998	Phó Phòng Tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu
1995 – 1996	Phó Phòng Nghiên cứu và phát triển	Ngân hàng TMCP Á Châu

- Số cổ phiếu nắm giữ: 55.840 cổ phiếu, chiếm 0,0026% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: 55.840 cổ phiếu.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ; Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1	Võ Thị Ngọc Lành	3.604 cổ phiếu; tỷ lệ 0,0002%	Vợ
2	Nguyễn Hồng Nga	8.828 cổ phiếu; tỷ lệ 0,0004%	Em dâu

- Các khoản nợ đối với ACB (nếu có): 500.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng)
- Thu lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn Ban điều hành.

12.3.5. Bà Nguyễn Thị Hai, Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1954
- Số CCCD: 049154000138; Ngày cấp: 29/8/2017; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú và DLQG về Dân Cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
1975 – 1979	Đại học Kinh tế Tp. HCM	Ngân hàng	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Phó Tổng giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Công Đoàn ACB
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2011 – nay	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Á Châu
2002 – 2011	Giám đốc Sở Giao Dịch	Ngân hàng TMCP Á Châu
1993 – 2002	Trưởng phòng Tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu

- Số cổ phiếu nắm giữ: Không có.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ; Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Thiện	782.453 cổ phiếu; tỷ lệ 0,0362%	Anh ruột

- Các khoản nợ đối với ACB: 400.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng)
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn Ban điều hành.

12.3.6. Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân, Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1965
- Số CCCD: 001165013888; Ngày cấp: 23/10/2018; Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
2004	Đại học Luật Tp. HCM	Luật kinh tế	Cử nhân
1995	Đại học Ngân hàng Tp. HCM	Kinh tế	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Phó Tổng giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQTV - Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản ACB (ACBA)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2014 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Á Châu
2008-2014	Giám đốc Khối Phát triển Kinh doanh	Ngân hàng TMCP Á Châu
1999-2008	Trưởng phòng Quản lý các Ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước – CN Tp. HCM
1997-1999	Phó phòng Tổng hợp và Quản lý các Ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước – CN Tp. HCM
1995-1997	Phó phòng Quản lý Ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước – CN Tp. HCM
1991-1995	Nhân viên kế toán	Ngân hàng Khu Vực I

- Số cổ phiếu nắm giữ: 42.937 cổ phiếu, chiếm 0,002% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: Không
 - + Cá nhân sở hữu: 42.937 cổ phiếu.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Các khoản nợ đối với ACB: 500.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng)
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn Ban điều hành.

12.3.7. Ông Từ Tiến Phát, Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1974
- Số CMND: 022696597; Ngày cấp: 27/01/2015; Nơi cấp: CA Tp. HCM

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
2015	Đại học Kinh tế Tp. HCM	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ
1995	Đại học Kinh tế Tp. HCM	Kinh tế	Cử nhân

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Phó Tổng giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT - Công ty Chứng khoán ACB (ACBS)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2015 – nay	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Á Châu
9/2012 – 1/2015	Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân	Ngân Hàng TMCP Á Châu
9/2001 – 9/2012	Giám đốc Chi nhánh Châu Văn Liêm	Ngân Hàng TMCP Á Châu
10/1999 – 9/2001	Phó Phòng – Chi Nhánh Chợ Lớn	Ngân Hàng TMCP Á Châu
4/1999 – 9/1999	Nhân viên tín dụng cá nhân – Chi Nhánh Chợ Lớn	Ngân Hàng TMCP Á Châu
12/1998 – 4/1999	Nhân viên tín dụng cá nhân – Hội sở	Ngân Hàng TMCP Á Châu
8/1996 – 12/1998	Nhân viên tín dụng cá nhân – Chi nhánh Chợ Lớn	Ngân Hàng TMCP Á Châu

- Số cổ phiếu nắm giữ: 438.100 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: 438.100 cổ phiếu.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ; Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Thị Bích Đào	507.000 cổ phiếu; tỷ lệ 0,02%	Vợ

- Các khoản nợ đối với ACB: 400.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng.)

- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn Ban điều hành.

12.3.8. Ông Nguyễn Văn Hòa, Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1969
- Số CMND: 023458434; Ngày cấp: 11/3/2011; Nơi cấp: CA Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
2005	Đại học Kinh Tế Tp. HCM	Kế toán trưởng	Chứng chỉ
1990 - 1995	Đại Học Ngân hàng Tp. HCM	Ngân hàng	Cử nhân
1995	Đại Học Ngân hàng Tp. HCM	Kế toán tổng hợp	Chứng chỉ
1995	Đại Học Ngân hàng Tp. HCM	Tín dụng tổng hợp	Chứng chỉ
1995	Đại học Sư phạm Tp. HCM	Tin học	Chứng chỉ
1995	Sở GD và ĐT	Tiếng Anh	Chứng chỉ B

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

STT	Tên Công Ty	Chức vụ
1	Công ty CP Sài Gòn Phú Quốc	Thành viên HĐQT
2	Công ty TNHH Khách sạn du lịch Saigon Star	Thành viên HĐQT

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2017 - nay	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Á châu
2015 - nay	Giám đốc tài chính	Ngân hàng TMCP Á châu
2002 - nay	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Á châu
1998 - 2002	Phó phòng kế toán Hội sở	Ngân hàng TMCP Á châu
1997 - 1998	Kế toán trưởng chi nhánh	Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đà Nẵng
1995 - 1996	Kế toán viên	Ngân hàng TMCP Á châu

- Số cổ phiếu nắm giữ: 119.892 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ, trong đó:

- + Đại diện sở hữu: Không.
- + Cá nhân sở hữu: 119.892 cổ phiếu.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ; Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Mối quan hệ
1	Trần Thị Diệu Trang	25.476 cổ phiếu; tỷ lệ 0,0012%	Vợ

- Các khoản nợ đối với ACB: 200.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng.)
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn Ban điều hành và Kế toán trưởng.

12.3.9. Bà Nguyễn Ngọc Như Uyên, Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1978
- Số CMND: 023166575; Ngày cấp: 12/6/2009; Nơi cấp: CA Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Tên, địa chỉ trường	Chuyên ngành	Bằng cấp
2007-2008	University of Melbourne	Quản trị kinh doanh	Thạc sỹ

- Chức vụ hiện nay tại ACB: Phó Tổng giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

STT	Tên Công Ty	Chức vụ
1	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	Thành viên HĐQT
2	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB	Thành viên HĐQT
3	Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Liên Á Châu	Thành viên HĐQT
4	Công ty TNHH Khách Sạn Du Lịch Saigon Star	Kiểm soát viên
5	Công ty cổ phần Thanh Toán Quốc Gia Việt Nam	Thành viên HĐQT

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2018-nay	Phó Tổng Giám Đốc	Ngân Hàng TMCP Á Châu
4/2015-nay	Giám đốc Đầu tư	Ngân Hàng TMCP Á Châu

9/2008-12/2014	Giám đốc Nghiệp vụ	Dragon Capital
4/2004-12/2006	Giám đốc Đầu Tư	Mekong Capital
6/2002-4/2004	Chuyên viên tư vấn cao cấp	KPMG VietNam
1/2001-6/2002	Chuyên viên tư vấn	Arthur Andersen

- Số cổ phiếu nắm giữ: 39.000 cổ phiếu, chiếm 0,0018% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: 39.000 cổ phiếu.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Các khoản nợ đối với ACB: 100.000.000 đồng (hạn mức thẻ tín dụng.)
- Thù lao và các lợi ích liên quan đối với ACB: Theo quy định của ACB về tiêu chuẩn Ban điều hành.

12.4. Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Hòa, Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng

(Xin xem thông tin tại mục 12.3.8, phần 12.3. Ban Tổng Giám đốc.)

13. Tài sản

Tài sản cố định của ACB trong tại 31/12/2019

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	4.631	2.682	57,9%	4.737	2.721	57,4%
Trụ sở làm việc	2.493	2.028	81,3%	2.556	2.062	80,7%
Thiết bị văn phòng	1.596	493	30,9%	1.630	497	30,5%
Phương tiện vận tải	382	148	38,7%	388	150	38,6%
Tài sản cố định khác	160	13	8,0%	163	13	8,0%
Tài sản cố định vô hình	1.363	1.032	75,7%	1.409	1.049	74,4%
Quyền sử dụng đất	817	817	100,0%	817	817	100,0%
Phần mềm	546	215	39,3%	593	232	39,2%
Tổng cộng	5.994	3.714	62,0%	6.147	3.770	61,3%

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2019)

Một số bất động sản lớn thuộc sở hữu của ACB

STT	Tên bất động sản	Địa chỉ	Tổng diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng/sở hữu	Giấy tờ pháp lý
1	CN HUNG YÊN	Đường Nguyễn Văn Linh, TT Bàn Yên Nhân, Huyện Mỹ Hòa, Tỉnh Hưng Yên	18.430	- Thuê đất của Nhà nước - Thời hạn thuê 40 năm đến 23/10/2042	GCN Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BH 670800 ngày 29/12/2014
2	CVPM QUANG TRUNG	Lô 19, CVPM Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Q.12, Tp. HCM	8.772	- Nhận chuyển nhượng - Thời hạn sử dụng đến 10/02/2056	GCN Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CG 972892 ngày 01/03/2017
3	TRUNG TÂM HỌC TẬP	29 Ter Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, Tp. HCM	4.153	- Nhà nước giao đất - Sử dụng lâu dài	GCN Quyền sử dụng đất, số V868804 ngày 23/12/2002
4	CN VSIP II	Lô A1, KCN Vsip II, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	2.966	- Thuê đất của Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore - Thời hạn sử dụng đến 02/12/2055	Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số VSIP/LED/LA-VSIP/II/A/1/2009 ngày 30/06/2020
5	PGD CAO LÃNH	55 Đặng Văn Bình, P1, Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	2.387	- Thuê đất của Nhà nước - Thời hạn thuê 50 năm đến 06/12/2055	GCN Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BS 372040 ngày 21/01/2014
6	CN HÒA HƯNG	444A - 446 Cách Mạng Tháng 8,	1.868	- Nhận chuyển nhượng	GCN Quyền sử dụng đất, quyền

		P.11, Quận 3, Tp. HCM		- Sử dụng lâu dài	sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BP 829434 ngày 30/08/2013
7	BDS GIA LAI	16 Phạm Văn Đồng, P. Hoa Lư, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	1.844	- Nhận chuyển nhượng - Sử dụng lâu dài	GCN Quyền sử dụng đất, số AL 867434 ngày 25/03/2008

(Nguồn: ACB)

14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm 2020 và 2021

Một số chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2020 và 2021 (Ngân hàng mẹ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Kế hoạch 2020 (*)	% tăng/giảm 2020/2019	Kế hoạch 2021 (**)	% tăng/giảm 2021/2020
1	Doanh thu thuần	15.777	16.444	4%	18.887	15%
2	Lợi nhuận sau thuế	5.918	5.948	1%	7.508	26%
3	Vốn chủ sở hữu	27.329	33.423	22%	40.756	22%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	37,5%	36,2%	-1,3%	39,8%	3,6%
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	24,7%	19,6%	-5,1%	20,2%	0,7%
6	Tỷ lệ cổ tức	30,0%	18,0%	-12,0%	25,0%	7,0%

(Nguồn: ACB)

Một số chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2020 và 2021 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Kế hoạch 2020 (*)	% tăng/giảm 2020/2019	Kế hoạch 2021 (**)	% tăng/giảm 2021/2020
1	Doanh thu thuần	16.097	16.654	3%	19.150	15%

2	Lợi nhuận sau thuế	6.010	6.109	2%	7.666	25%
3	Vốn chủ sở hữu	27.765	33.823	22%	41.156	22%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	37,3%	36,7%	-0,7%	40,0%	3,4%
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	24,6%	19,8%	-4,8%	20,4%	0,6%
6	Tỷ lệ cổ tức	30,0%	18,0%	-12,0%	25,0%	7,0%

(Nguồn: ACB)

Ghi chú:

(*) Kế hoạch kinh doanh 2020: theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2020.

(**) Kế hoạch kinh doanh 2021: Kế hoạch này có thể điều chỉnh tùy thuộc vào tình hình kinh doanh thực tế khi chính thức trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên năm 2021.

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với quá trình hoạt động lâu dài trong lĩnh vực ngân hàng, ACB luôn duy trì được vị thế là một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam. Từ năm 2019-2024, Ngân hàng triển khai chiến lược “Ngân hàng tương lai” với mục tiêu ba mục tiêu chiến lược là (i) tăng trưởng mảng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp nhỏ và vừa, (ii) dẫn đầu với trải nghiệm khách hàng vượt trội và (iii) đạt được lợi nhuận hấp dẫn và bền vững.

Các chương trình chiến lược đang được triển khai gồm có: phát triển hệ giá trị mang lại cho khách hàng, cải tiến năng suất các kênh bán hàng, cải tiến quy trình thẩm định và phê duyệt tín dụng, nâng cấp ứng dụng giao dịch ngân hàng qua điện thoại thông minh (mobile banking app), và xây dựng nghiệp vụ ngân hàng giao dịch (transaction banking services). Các dự án chiến lược đang thực hiện đúng theo tiến độ; đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp và đầy đủ đáp ứng nhu cầu kinh doanh; cân đối được nguồn vốn và sử dụng vốn và các nguồn lực khác cho các cơ hội kinh doanh; xây dựng văn hóa kinh doanh hiệu quả, có động lực thúc đẩy kinh doanh và nhân viên gắn kết; và ra quyết định kinh doanh đúng đắn và điều chỉnh quyết định kinh doanh kịp thời phù hợp với điều kiện hoạt động. Các dự án chiến lược là nền tảng để tăng trưởng cho các năm tiếp theo.

Giai đoạn 2021 -2024, mục tiêu tăng trưởng được đặt ra như sau:

- Tổng tài sản dự kiến tăng bình quân 15%;

- Tiền gửi khách hàng tăng 15%;
- Tín dụng tăng 15%;
- Tỷ lệ nợ xấu dưới 2%;
- Lợi nhuận trước thuế tăng khoảng 12%-20% mỗi năm.

Kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua đã chứng tỏ sự đúng đắn về chiến lược và định hướng kinh doanh, cùng như sự vượt trội về năng lực quản lý hiệu quả của Ngân hàng. ACB luôn là ngân hàng dẫn đầu về hiệu quả và sự bền vững với tăng trưởng ổn định về quy mô huy động và cho vay, tỷ lệ an toàn vốn cao, khả năng thanh khoản tốt, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu cao. Không chỉ được các nhà đầu tư trong nước đánh giá cao mà ACB còn thu hút được sự chú ý của các tổ chức đầu tư từ nước ngoài, điều đó chứng minh qua tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông nước ngoài luôn ở mức tối đa 30%, ACB luôn được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm đánh giá cao so với các ngân hàng ở thị trường Việt Nam.

Trong thời gian tới, ACB sẽ tiếp tục triển khai các dự án chiến lược, đẩy mạnh đầu tư nền tảng công nghệ thông tin, đào tạo đội ngũ nhân sự, triển khai các cuộc thi về sáng tạo để đưa ra những sáng kiến đổi mới về sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng. Đồng thời, ACB sẽ đẩy mạnh phát triển tiền gửi không kì hạn để giảm chi phí sử dụng vốn, gia tăng tỷ trọng thu nhập phí dịch vụ thông qua phát triển mạnh sản phẩm Bancassurance và dịch vụ thẻ, điều chỉnh chi phí hoạt động để đưa tỷ lệ chi phí hoạt động/ tổng doanh thu (CIR) về mức khoảng 40%. ACB tin rằng với nền tảng khách hàng trung thành hiện tại, các dự án chiến lược, đội ngũ nhân lực sẽ là động lực để ACB tiếp tục duy trì vị thế ngân hàng thương mại dẫn đầu thị trường Việt Nam.

14.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua

Các dự án đang được triển khai trong giai đoạn 2019-2024

Ngoài các dự án nêu ở 6.4, ACB còn thực hiện các dự án sau:

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai	Thời gian dự kiến hoàn thành
Nâng cấp hệ nghiệp vụ ngân hàng lõi (core banking platform)	Nâng cấp hệ thống core banking, digital platform, backup theo lộ trình 3 giai đoạn để đảm bảo cho hoạt động vận hành kinh doanh.	Đang thực hiện giai đoạn 1&2 của dự án nâng cấp core banking	Dự kiến hoàn thành giai đoạn 2 vào tháng 10-2020
PCI DSS	Thực hiện các yêu cầu để nâng cấp hệ thống CNTT	Đang triển khai	Dự kiến hoàn thành 11-2020

	tại ACB đạt chuẩn PCI DSS.		
SOC(Security Operations Center Program)	Thành lập Trung tâm vận hành bảo mật (SOS) để thực hiện các công việc nhằm đảm bảo an toàn bảo mật cho hệ thống CNTT tại ACB	Lộ trình thực hiện trong 3 năm	Dự kiến ra mắt vào 12 - 2020
Nâng cấp Workflow	Thay thế ứng dụng Workflow hiện tại ở trung tâm thanh toán quốc tế bằng phần mềm RedHad PAM	Đang trong quá trình khởi tạo và triển khai chuyển đổi	Dự kiến ra mắt vào 6-2021

(Nguồn: ACB)

ACB luôn chú trọng đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin để nâng cấp và cải thiện các quy trình vận hành, nâng cao năng suất và sự tiện lợi cho khách hàng. Trong năm 2018, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua chủ trương thành lập Quỹ Khoa học và công nghệ. Tính đến 30/06/2020, ACB đã trích tổng 1.100 tỷ đồng cho Quỹ này để thực hiện các dự án chiến lược, phát triển hệ thống công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn quốc tế và đảm bảo an toàn thông tin.

14.4. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Tháng 9/2020, ACB đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 21,6 nghìn tỷ đồng thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với mức 30% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Trong những năm tiếp theo, tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh, ACB sẽ có kế hoạch tăng vốn điều lệ thích hợp, đáp ứng nhu cầu hoạt động cũng như tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) đã tiến hành khảo sát, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của ACB.

Dựa trên kết quả kinh doanh của ACB qua các năm 2018, 2019 cho đến 9 tháng năm 2020, khả năng triển khai và vận hành công tác tổ chức, quản lý doanh nghiệp, cùng với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có

những biến động lớn và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh, thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2020 mà ACB đưa ra là có tính khả thi.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán:

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá:

Mệnh giá là: 10.000 đồng/cổ phần.

3. Tổng số chứng khoán niêm yết:

Tổng số chứng khoán niêm yết là: **2.161.558.460** cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

4.1. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán

Hiện nay, các cam kết nắm giữ của các cổ đông nội bộ và cổ đông lớn liên quan đến cổ đông nội bộ theo quy định tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ khi ACB niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã hết thời hạn cam kết nắm giữ. Do đó, ACB không có cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong trường hợp này.

4.2. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ. Theo đó, danh sách các thành viên bị hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu trong thời gian đảm nhiệm chức vụ như sau:

STT	Tên thành viên	Chức danh	Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Ghi chú
1	Trần Hùng Huy	Chủ tịch HĐQT	74.071.670	
2	Dragon Financial Holdings Limited	TV HĐQT	149.565.600	Tổ chức có người đại diện làm TV HĐQT

	(Ông Dominic Timothy Charles Scriven đại diện làm TV HĐQT)			
3	Nguyễn Thành Long	TV HĐQT	797.069	
4	Đinh Thị Hoa	TV HĐQT	32.522	
5	Đặng Thu Thủy	TV HĐQT	25.817.788	
6	Đàm Văn Tuấn	TV HĐQT	87.064	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD, người được ủy quyền CBTT
7	Hiep Van Vo	TV HĐQT	0	Thành viên độc lập
8	Huang Yuan Chiang	TV HĐQT	0	Thành viên độc lập
9	Huỳnh Nghĩa Hiệp	Trưởng BKS	419.942	
10	Hoàng Ngân	TV BKS	91.387	
11	Phùng Thị Tốt	TV BKS	116.844	
12	Nguyễn Thị Minh Lan	TV BKS	0	
13	Đỗ Minh Toàn (*)	Tổng giám đốc	1.416.415	
TỔNG CỘNG			252.256.301	

Ghi chú: (*) đã bao gồm số cổ phiếu ESOP mà thành viên được nhận theo Quy chế ESOP của ACB

4.3. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của tổ chức phát hành

- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (bao gồm cổ phiếu ESOP và các quyền phát sinh từ cổ phiếu ESOP): 2.187.846 cổ phiếu
- Lý do hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu ESOP cho nhân viên ACB (bao gồm các quyền phát sinh từ cổ phiếu ESOP) bị hạn chế chuyển nhượng theo Quy chế ESOP do ACB ban hành.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 02 năm kể khi nhân viên ACB được nhận cổ phiếu ESOP theo các văn bản chấp thuận của VSD.
- Số lượng cổ phiếu niêm yết bị hạn chế chuyển nhượng theo thời điểm như sau:
 - ✓ Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 02 năm đến 17/04/2022: 1.763.286 cổ phiếu.
 - ✓ Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 02 năm đến 22/04/2022: 424.560 cổ phiếu.

5. Xếp hạng tín nhiệm

ACB luôn là một trong những ngân hàng được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm đánh giá ở mức cao và chỉ thấp hơn 1 bậc so với mức trần xếp hạng quốc gia của Việt Nam. ACB được đánh giá tín nhiệm theo xếp hạng của Moody là Ba3 và theo xếp hạng của Fitch là B+.

Cụ thể, theo công bố của tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's Investor Service vào ngày 23/6/2020, ACB được Moody's đánh giá theo các hạng mục như sau:

Hạng mục	Xếp hạng của Moody's
Triển vọng	Ổn định
Xếp hạng năng lực độc lập (BCA)	Ba3
Xếp hạng tiền gửi	Ba3
Xếp hạng đơn vị phát hành dài hạn	Ba3

(Nguồn: Moody's)

Mức xếp hạng tín nhiệm này của ACB là mức cao nhất trong 20 ngân hàng được Moody's xếp hạng tại Việt Nam.

Ngoài ra, ACB luôn được nhận đánh giá cao từ tổ chức xếp hạng tín nhiệm Fitch, cụ thể mức Xếp hạng tín nhiệm Nhà phát hành nợ dài hạn (Long-term Issuer default ratings - IDR) tại ngày 11/2/2020 là B+, triển vọng ổn định, đây cũng là mức xếp hạng cao trong các ngân hàng được Fitch xếp hạng tín nhiệm tại Việt Nam.

6. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu ACB được xác định dựa trên 2 phương pháp tính giá, bao gồm: tham khảo theo phương pháp giá trị sổ sách tại thời điểm 30/9/2020 và xác định giá tham chiếu theo phương pháp giá trị thị trường là bình quân giá tham chiếu của 20 (hai mươi) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy niêm yết trên HNX.

Giá tham chiếu theo phương pháp giá trị thị trường sẽ phụ thuộc vào yếu tố cung cầu trên thị trường chứng khoán và thời điểm tính giá sẽ được xác định cụ thể sau khi cổ phiếu ACB bị hủy niêm yết trên HNX.

6.1. Phương pháp giá trị sổ sách của cổ phiếu ACB

Giá trị sổ sách của cổ phiếu ACB được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị 1 cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

STT	Khoản mục	Theo BCTC hợp nhất đến 30/9/2020	Theo BCTC riêng đến 30/9/2020
1	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	32.918.968	32.357.062
2	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	2.161.558.460	2.161.558.460
3	Giá trị sổ sách (đồng)	15.229	14.969

(Nguồn: BCTC Riêng và Hợp nhất Quý 3/2020)

6.2. Phương pháp theo giá thị trường

Phương pháp theo giá thị trường được xác định theo thực tế giao dịch của cổ phiếu ACB niêm yết trên HNX. Giá trị cổ phiếu ACB theo phương pháp thị trường là bình quân giá tham chiếu của 20 phiên giao dịch tạm tính từ ngày 22/10/2020 đến ngày 18/11/2020 là: **25.250** đồng/cổ phiếu.

Mức giá tham chiếu chính thức trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu ACB sẽ được xác định lại sau khi HOSE cấp quyết định niêm yết và cổ phiếu ACB được hủy niêm yết trên HNX. ACB sẽ thông báo đến HOSE về mức giá tham chiếu chính thức và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

6.3. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE

Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE được xác định theo khoản 1 Điều 1 Quyết định số 295/QĐ-SGDHCM ngày 30/7/2019 sửa đổi điểm 2.5 khoản 2 Điều 5 Quyết định số 85/QĐ-SGDHCM ngày 19/3/2018 của HOSE. Theo đó, ACB quyết định về nguyên tắc xác định giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên theo Quyết định số 2906/TCQĐ-HĐQT.20 ngày 14/10/2020 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Á Châu là: bình quân giá tham chiếu của **20** (hai mươi) phiên giao dịch gần nhất trên HNX trước khi hủy niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

ACB là một công ty đại chúng và đồng thời là tổ chức tín dụng, do đó tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

Cụ thể, theo Điều 7 Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014, ACB phải đáp ứng và tuân thủ đầy đủ các quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả phần vốn nhà đầu tư nước ngoài ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần), cụ thể như sau:

- Tỷ lệ sở hữu của một cá nhân nước ngoài không vượt quá 5% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu của một tổ chức nước ngoài không vượt quá 15% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 20% vốn điều lệ.
- Tổng mức sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ.

Hiện nay, tổng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại ACB là 30% (tương đương 648.467.538 cổ phiếu).

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Thuế áp dụng cho hoạt động kinh doanh của ACB

Hoạt động kinh doanh của ACB phải chịu các mức thuế suất theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Các loại thuế mà ngân hàng đang nộp theo quy định gồm:

- ✓ **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:** ACB thực hiện nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Bắt đầu từ ngày 01/01/2016, các ngân hàng áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.
- ✓ **Thuế Giá trị gia tăng:** ACB thực hiện nộp thuế đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ngoài ra, ACB còn thực hiện việc thu chi hộ thuế thu nhập cá nhân đối với các cá nhân có thu nhập chịu thuế tại ACB theo các quy định của Luật thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

8.2. Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của ACB

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân 2007, Luật sửa đổi bổ sung của Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2012 và các văn bản hướng dẫn hiện hành, các khoản thu nhập chịu thuế thu

nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau: Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất. Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau: Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức kiểm toán**

- Tên Công ty: Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
- Địa chỉ: Lầu 8, số 29 Lê Duẩn, Q.1, Tp. HCM
- Điện thoại: (+84) (283) 823 0796
- Website: www.pwc.com/vn

2. Tổ chức tư vấn

- Tên Công ty: Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)
- Địa chỉ: Số 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM
- Điện thoại: (+84) (283) 823 4160 Fax: (+84) (283) 823 5060
- Website: www.acbs.com.vn

VII. GIỚI THIỆU DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

STT	VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN
1	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành
2	Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành
3	Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành
4	Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng
5	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.
6	Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam
7	Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/09/2013 và Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
8	Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
9	Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn Nghị định số 71/2017/NĐ-CP
10	Và một số văn bản pháp luật khác có liên quan

VIII. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Giấy phép thành lập và Giấy phép sửa đổi bổ sung

Phụ lục 2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục 3. Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc chuyển đăng ký niêm yết cổ phiếu sang HOSE

Phụ lục 4. Quyết định HĐQT về việc triển khai phương án chuyển đăng ký niêm yết cổ phiếu sang HOSE

Phụ lục 5. Điều lệ tổ chức và hoạt động

Phụ lục 6. Danh sách cổ đông, tóm tắt sở cổ đông

Phụ lục 7. Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất 2018, 2019

Phụ lục 8. Báo cáo tài chính soát xét riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2020

Phụ lục 9. Báo cáo kiểm toán vốn đầu tư của chủ sở hữu

Và các phụ lục khác.

11/11/2020 10:00:00 AM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2020

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

ACB

**TRƯỞNG BAN KIỂM
SOÁT**



Huỳnh Nghĩa Hiệp

CHỦ TỊCH



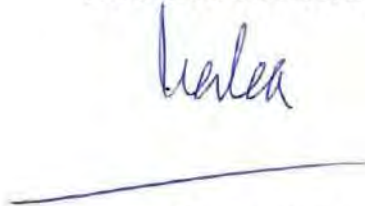
Trần Hùng Huy

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Minh Toàn

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Hòa

**THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH VIỆC NIÊM YẾT**



Đàm Văn Tuấn

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB (ACBS)**

ACBS



Trịnh Thanh Cần